

LÝ-HỌC

Tử vi đầu số-Ng Mạnh Bảo a

TỬ-VI ĐẦU-SỐ

Lấy Số Tử-Vi bằng Đồ-Biểu Toán-Pháp

của

NGUYỄN-MẠNH-BẢO

Kiến - Trúc - Sư

1951

Soạn-giả bản quyền

Số 129 Đường Gia-Long (Lagrangière cũ)

S AIGON

Khắp nơi Chúng ta lúc nào cũng bị nhuộm-thấm trong luồng, tạm gọi là Vũ-Trụ-Tuyến kết hợp bằng hàng triệu vi-phân-tử khác nhau xuyên qua ta hàng ngày, trong suốt đời Chúng ta. (Trích trong bài tựa của ông Maurice de Boglie — Quyển Les rayons cosmiques tác-giả Leprince-Ringuet chương 7).

Nous sommes en tout moment et en tout lieu baignés pour ainsi dire, dans le rayonnement cosmique et traversés chaque jour, pendant toute notre vie, par plusieurs millions de corpuscules divers qui le composent. (Préface de Maurice de Boglie dans « Les Rayons Cosmiques par Leprince-Ringuet » page 7).

Ông Nguyễn-mạnh-Bảo đã Toán-pháp-hóa một khoa Cờ-Học Đông-phương, với những Đồ-Biểu (diagrammes) của ông, ông tính Vận-mạng Họa-Phước con Người còn mau lẹ hơn tôi tính một cái Đà bê-tông cốt sắt bằng bàn-toán tối-tân (règle à calcul).

Minh-Chánh Đạo-Nhơn
Ciavaldini-Louis
Bác-Vật Công-Chánh



Je rends Hommages à Mr Nguyễn-mạnh-Bảo de son travail de Recherches des Documents antiques qui lui a permis de faire une Synthèse des Connaissances Humaines présentée sous une Forme scientifique accessible aux Profanes et aux Penseurs.

Trần-văn-Chi

Ingénieur d'Agriculture.

Ex-Ministre de l'Agriculture du Việt-Nam
Directeur de l'Institut Bouddhique de Rạch-Giá

Tôi tỏ lòng Tôn-kính ông Nguyễn-mạnh-Bảo về cái Công-phu nghiên-cứu và Tham-khảo văn-liệu Cồ-thời, nó đã giúp ông sáng-tạo một Tổng-hợp những sự Hiểu-biết con Người bằng một Hình-thức Khoa-học mà từ người thường đến bậc Hiên-triết ai ai cũng có thể thông-đạt được.

Trần-văn-Chi

Kỹ-Sư Canh-Nông,

Nguyên Tổng-trưởng Canh-Nông Việt-Nam
Giám-Đốc Phật-Học-Viện Rạch-Giá

Các nhà Bác Học Kỹ-Sư dùng Đồ-Biểu Toán pháp
cao-đẳng (*Mathématiques supérieures*) để tính Cầu-Cống,
Lâu-dài, Máy-móc. Tôi dùng Đồ-Biểu để cân Họa-Phúc
con người. (*Mathématiques ésotériques*).

Hóa-học hiện tại chỉ để tìm kiếm những hợp thể của
vật-chất cần thiết cho thân xác con Người. Tứ-Vi Đầu-Số
lại là môn Hóa-Học vô hình kết hợp cái tinh anh Vũ-Trụ
vô hình tuyển thành những Trạng-thái vô hình của cả kiếp
Người.

Nguyễn-Mạnh-Bào
Kiến-Trúc-Sư

建築師阮登寶先生所編
紫微斗數一書出版題此以頌

推步證寶

魏宋鐸



民國四十年
六月

Lời tặng của ông Ngự-Tổng-Đặc, Giám-Đốc, Trung-Hoa
Ngân-Hàng : « Suy tính rõ được sự thực »

阮孟寶先生編著
紫微斗數出版紀念
統中西而探奧旨

詹熙璠題

民國四十年
六月五日

Lời tặng của ông Chiêm Hy-Thụy : « Gồm hai Văn-Hóa
Đông-Tây mà rõ được sự Huyền-Bí. »

阮孟寶先生研究我國星命之學有獨到之處。偶斷
人吉凶遭遇。屢驗不爽。識者異之。則自言無少神秘。按
星數推算。如數學焉。二與二之和。必為四也。

近以其所學心得。編紫微斗數一書。將付梓。囑余
作序。余愧無所知。何以贊一詞。但見其書附圖表甚多。
蓋阮君為一建築師。復博於哲學。已以科學方法解釋
此玄妙之星學矣。

我國星命之學。始於唐之李虛中。虛中算命。止用年
月日。而不用時。至宋之徐子平。始用八字推算。今阮君以
一現代科學家之修養。解說此學。貢獻大矣。亦為中
越文化交流史事添一佳話焉。謹以為序。

沈祖棻



中華民國四十年六月四日於西貢中國總領事館

TỬ-VI ĐẦU-SỐ

PHÁT ĐOAN

Thế-kỷ thứ XX, thời-đại Nguyên-tử mà lại nói đến Tử-vi Đầu-số phải chăng là lạc-hậu ? Nhưng hãy khoan, trước khi công-kích một sự vật gì ta hãy biết cho kỹ, cho tường tận rồi công-kích mới mong đoạt được phần thắng lợi.

Cho rằng TỬ-VI là :

I.— Huyền-bí và Dự-đoan,

II.— Nếu biết được số-mệnh của mình, thì cứ ngồi khoanh tay mà chờ số, như vậy phải chăng là nhồi vào sọ cả một dân tộc sự biếng hèn, deo-dắc một lý-tưởng viển-vông để đưa dân chúng đến cái mức « Đại-Lấn chờ sung sao ? »

I.—Thưa không, một trăm phần trăm không. Phàm cái gì ở đời chưa rõ thì ta cho là huyền-bí, còn là huyền bí thì tức là còn trong trạng-thái u u minh minh. Còn mờ tối thì ắt có sự hồi lẩn làm cho ta mê hoặc mà đưa ta vào con đường dự đoán rất gần vậy. Hóa cho nên tôi nêu lên cái học-thuyết « Lý-Học » cũ rích của người xưa lấy Khoa-học phổ thông, những sự nghiệm-cứu hiện kim của phái duy-vật mà lập-thành bản gốc hầu thuyết minh những lý-lẽ cổ xưa còn trong vòng mờ tối.

Bên Âu-châu từ ngàn năm xưa đã có phái Chiêm-tĩnh-học thịnh hành vô cùng do đó những Sấm-ký của các nhà thông-thái còn để lại cho hậu thế, như Sấm-ký của các Giáo-hoàng, của Nostradamus, của các Thánh về Cơ-đốc giáo ; hiện thời ở bên Pháp khoa Chiêm-tĩnh học còn tồn-tại, có một*

Chiêm-tĩnh Học-viện, còn có cả một tờ báo riêng về Chiêm-tĩnh học lưu-hành khắp hoàn cầu nữa.

• Nếu ta thấu-triệt được cái lý con Người là một Tiểu thiên địa và Vũ-trụ là Đại-thiên-địa thì những ảnh hưởng của các tinh-tú đối với con người không còn có gì là không hiểu nữa ? Chung quanh ta bao nhiêu làn sóng vô hình của các tinh-tú chiếu xuống, ảnh-hưởng sáng soi vạn-vật mà ta không từng biết. Nếu các bạn cho tôi nói đây là nguy-biến thì hãy xin sơ coi những luồng vô-tuyến điện Hertzienne bao bọc chung quanh muôn vật. Một khi bạn có một cái máy thu thanh hay thu hình, bạn mở nút điện ắt thu được tiếng nói hay hình các nơi theo giờ mà bạn muốn. Đó mới chỉ là những luồng điện nhân-tạo phát ra mà còn lan rộng khắp nơi nữa là những luồng điện các tinh-tú. Tỷ như ánh sáng Mặt-trời mang cho vạn-vật cái sinh-khí nuôi dưỡng muôn loài, mặt trăng deo-dắt những ảnh hưởng mát mẻ êm dịu dung hòa sức nóng bức của mặt trời vậy.

• Trong thân-thể con người mỗi một bộ phận ngoài những sự ảnh-hưởng trực-tiếp của các Sinh-tổ trong các thức ăn thường ngày, người ta còn bị ảnh-hưởng những làn sóng vô-hình của các tinh-tú chung quanh người ta nữa. Xin xem Quyền « Đại-Đồng thuyết » trong đó tôi đã giải rõ con người có những Quang-Khiếu thu ảnh-hưởng các tinh-tú theo các nhà Thần-học Âu-tây, nhờ có Huệ-nhơn đã mô tả các cơ-quan vô hình đó trên giấy trắng mực đen. (Xin coi các hình trong quyền « Đại-Đồng »)

Xưa kia ta chỉ cảm thấy cái ảnh-hưởng vô-hình và ghê-gớm đó bằng các sách vở để lại hay bằng tâm truyền khó hiểu cho nên mới là huyền-bí. Nhưng nay ta có đủ tài liệu chắc chắn về sự ảnh-hưởng tinh-tú đó, tôi chắc các bạn cũng sẽ cho

là một Khoa-học hiển nhiên, cũng như các môn Toán-pháp hiển hành, như hai với hai là bốn. Cái lý-do ngộ nhận trước kia ta không thể đổ lỗi cho ai được, chỉ bởi tại chưa có người giải cho rõ vì phần đông một khi đã thấu triệt được Thiên-lý sự truyền tụng cho đệ-tử rất là khó khăn theo tập quán xưa, không phải chỉ cần người có tài mà thôi, lại cần phải có đức nữa. Là vì một khi đã đắc Đạo con người « hữu tài vô hạnh » sử dụng cái sở học tâm đắc rồi, lợi dụng riêng cho mình được phỉ trí tạng bổng mà hại cho cả nhân quần xã-hội. Như vậy ắt có sự ảnh-hưởng ghê gớm tốt hay xấu cho cả một nhân loại, cả một thế-hệ sau khi tâm đắc mà thành Đạo tùy theo cái Đức của nhà Đạo-sĩ. Hóa cho nên sách vở để lại một cách mơ hồ, chỉ thịnh về lối tâm truyền thôi vậy.

Tôi nhờ có sự khảo cứu công phu và lâu năm, may mắn thấu-triệt được Dịch-lý lại nhờ hợp với cái lý đương nhiên của Khoa-học hiện tại nên viết ra quyển Tử-vi Đầu-số này ; tức là quyển thứ hai của tôi vạch ra trong một chương trình trong Lý-học mà tôi mong được tồn tại trong hồi văn-minh Âu-Mỹ đang thịnh này.

Tôi mong rằng tôi có thể làm xong cái nhiệm-vụ để hiến các bạn đồng một quan niệm cái sở đắc của tôi mà trong đó những gì tối tăm mờ ám, cái gì gọi là huyền-bí thì nhờ ngọn đèn Khoa-học soi tỏ cho vậy.

Nếu đã rõ ràng thì sao còn mơ hồ dị-đoan được.

II.— Người ta sinh ra ở đời có hai nhiệm vụ tối thiểu là :

I.— Hưởng chịu cái Quả của cái nhân mà mình đã gieo ra từ khi hồi mình chưa thành con người hiện tại (đó là Thiên-Mệnh)

2.— Gieo cái nhân để thành cái quả về sau (tức là cái Thân trong số).

Đó là cái luật luân-hồi của nhà Phật (muốn cho hiểu rõ xin xem quyển Luân-hồi của ông Bạch-Liên và các thuyết Luân-hồi đã giải).

Theo môn TỬ-VI là cốt đề lập thành số con người, để hiểu biết quá-khứ, vị-lai và hiện tại của một đời người. Ở đời này Phú-quí hỉ-lạc ai mà không ưa thích, Bần-tiện đau buồn ai mà không chán ghét. Tránh họa theo phúc để ai đã làm được. Cái họa phúc trong một đời người nó đến lắm khi ta không thể ngờ được, đó là do cái kết quả đã chín mùi, đến một ngày giờ nhất định vạch trong số con người. Cho nên ta thường nói :

« Biết phúc đâu mà tìm, họa đâu mà tránh ». Người ta sống ở trên đời như một « tướng cầm binh xuất trận. Biết mình biết người trăm trận thắng trăm ». Tử-vi đầu số giúp con người hiểu thông họa phúc, thủy-chung tiêu-trưởng, suy-vượng của một đời người. Biết được họa-phúc ắt tránh được hay tìm được. Sách có nói rằng : « Đức năng thắng số ». Lấy Đức hóa mà hòa với vạn-vật để tồn tâm dưỡng tánh, như vậy tức là hòa con người với Trời đất với Thiên-lý, hiểu được cơ Trời, thì Phú-quí, bần-tiện, họa-phúc, suy-vượng hòa nhau mà phân biệt tỏ tường vậy.

Cho nên :

« Học cho biết lý cát-hung »

Biết phương hướng hội có dùng làm chi (Trạng-Trình).

Biết được Tử-vi Đầu-số tức là đã tìm được con đường Thiên-lý lãnh hội được cái phải chăng của con người, biết được cái cơ-vi của tạo-hóa để tồn tâm tu tánh noi theo được con đường Chính-đại Quang-minh hóa chăng hữu ích hay sao ?

Biết được số mình mà đóng vai Đại-lãn chờ sung, đó chỉ là nguy-biện. Phàm sinh ra ở đời ai ai cũng có một nhiệm

vụ, lớn có nhiệm vụ lớn, nhỏ có nhiệm-vụ nhỏ, ai mà không phải làm việc cho mình, cho gia-đình mình, cho cả nhân-quần xã-hội. Ngồi đó mà chờ số phải chăng là kẻ phản tiến-hóa, tự đưa vào chỗ thoái-hóa mà tự tiêu-diệt.

Hiểu thấu cái cơ-vị mầu nhiệm của Khoa-học này không phải chỉ giúp ích cho học-giả một cách tầm thường đâu ! Cái ngòi đã khơi được nó sẽ đưa ta đến chỗ suối trong sanh sông lớn mà đi đến biển cả Đại-dương trùng trùng điệp điệp. Ta thấy cái « Ta » bằng hình-chất ta sẽ thấy cái « Ta » vô hình kết bằng vũ-trụ-tuyến mà những tinh-tú ở trong khoa Tử-vi này là tượng trưng vậy.

Vì lẽ đó tôi đã cho khoa Tử-vi này là môn Nhập-học của nền Lý-học mà tôi đã san định các kinh sách theo sau :

- 1.— Tử-vi đầu-số của Trần-Đoàn Hi-di tiên sinh.
- 2.— Mai-Hoa dịch số của Thiệu-Khang-Tiết.
- 3.— Bốc-phệ chính tông của Nguyễn-Hủ tự Quĩ-cốc-Tử.
- 4.— Kỳ-môn độn-giáp của Khổng-Minh Gia-cát-Lượng, Trương-tử-Phòng (Trương-Lương) và Lưu-bá-Ôn.
- 5.— Dịch-Kinh mà tôi đã san định, chú-giải theo khoa-học hiện tại bằng một lối văn phổ thông rất dễ hiểu.

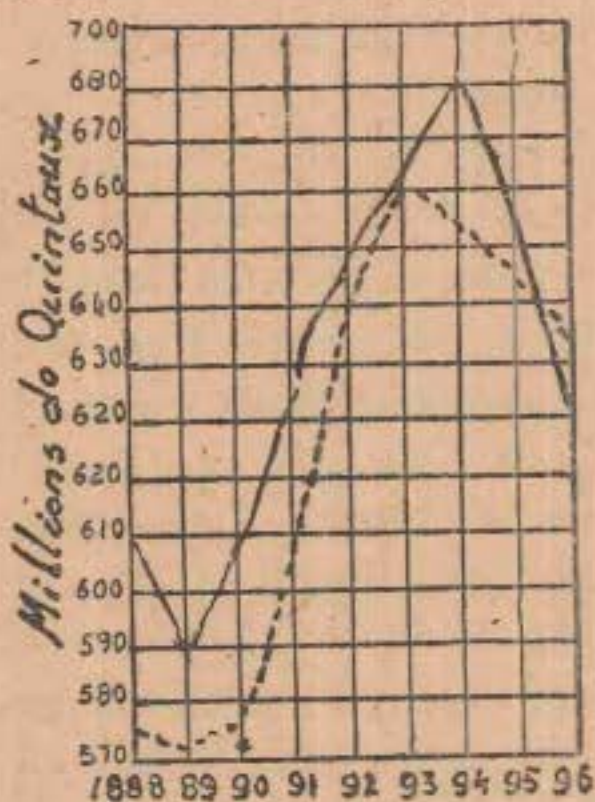
Sự kiên tâm cố gắng sẽ đưa các bạn đến Chân-lý rất gần. Tôi rất mong mỗi nguyện vọng tôi đạt được và các nhà Đại-đức uyên thâm chỉ dẫn cho những chỗ sai lầm để cùng đến được chỗ tận-hiện tận mỹ của Lý-Học.

Việt-Nam năm Canh-Dần

TỬ-VI THUYẾT-MINH

Xem những Đồ-biểu các sao mà tôi đã vạch ra dưới đây, ta thấy nó không đi ra ngoài những hiện-tượng của Tạo-Hóa. Không ra ngoài hai cái lý đương nhiên : thủy-chung, tiêu-trưởng, âm dương cứng mềm, trong Vũ-trụ. Vậy xin lấy ra vài ví-dụ như :

Đồ-Biểu của ông Abbé Moreux trong quyển (*La Science mystérieuse des Pharaons, page 179*).

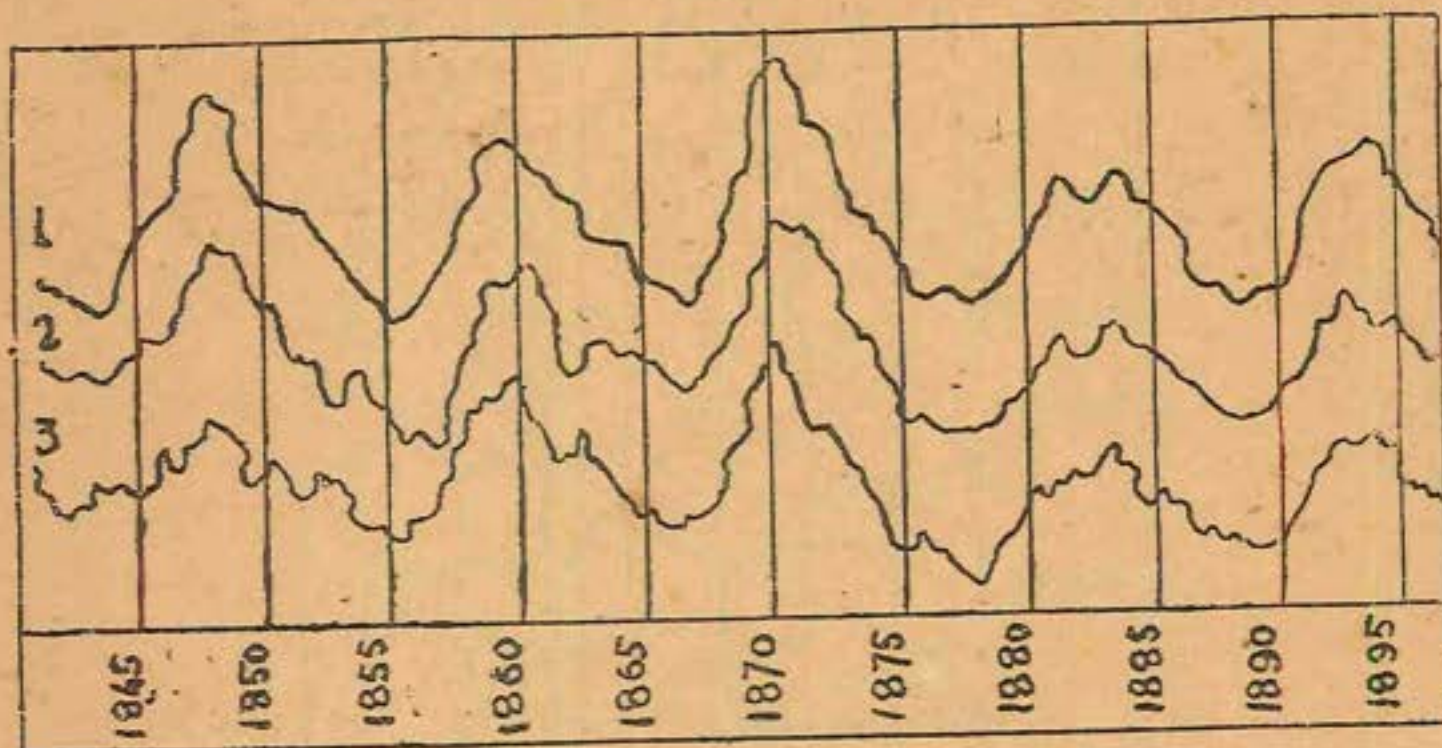


Số Lúa-mì trên Thế-giới nhiều ít đều theo ảnh-hưởng của Thái-dương-diêm.

.... Số Lúa-mì trên Thế-giới.

— Tâm số của Thái-dương-diêm

So sánh hình dưới đây với Đồ-Biểu số 3 trang 145, ta thấy có sự tương-hợp nhau.



Sự tương hợp của những Đồ-Biểu

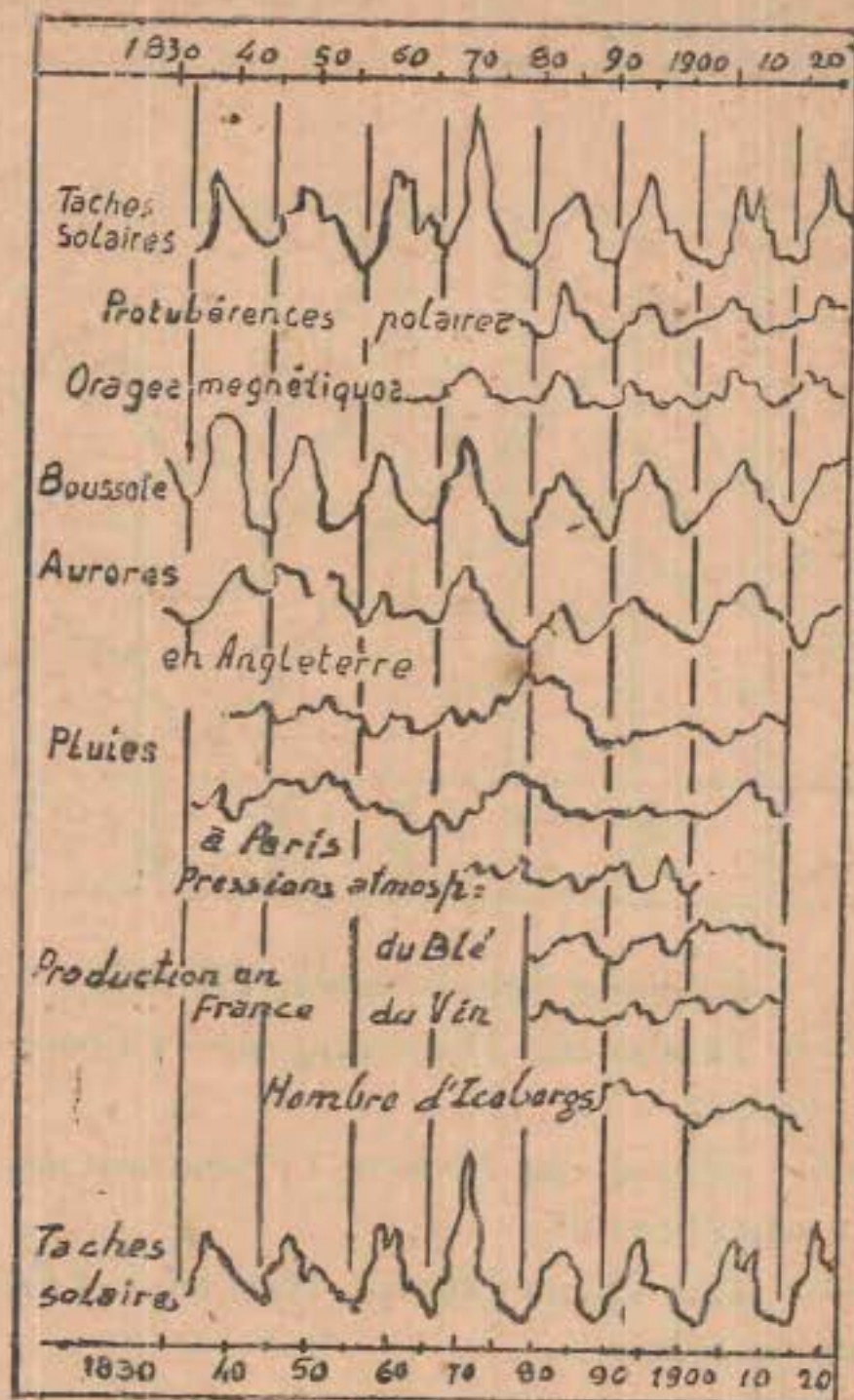
10— Tần số của Thái-dương-diêm (*Fréquence des taches solaires*).

20— Tần số của Từ-biến. (*Fréquences des Perturbations magnétiques*).

30— Tần số của Địa-cực Bình-minh. (*Fréquences des Aurores polaires*).

Trích trong quyển « *Le Ciel* của Alphonse Berget »
Khoa-học Tiên-sĩ, chương 61 .

Extrait de l'ouvrage « *La Science mystérieuse des Pharaons* ». G. Doin et Co Editeurs.

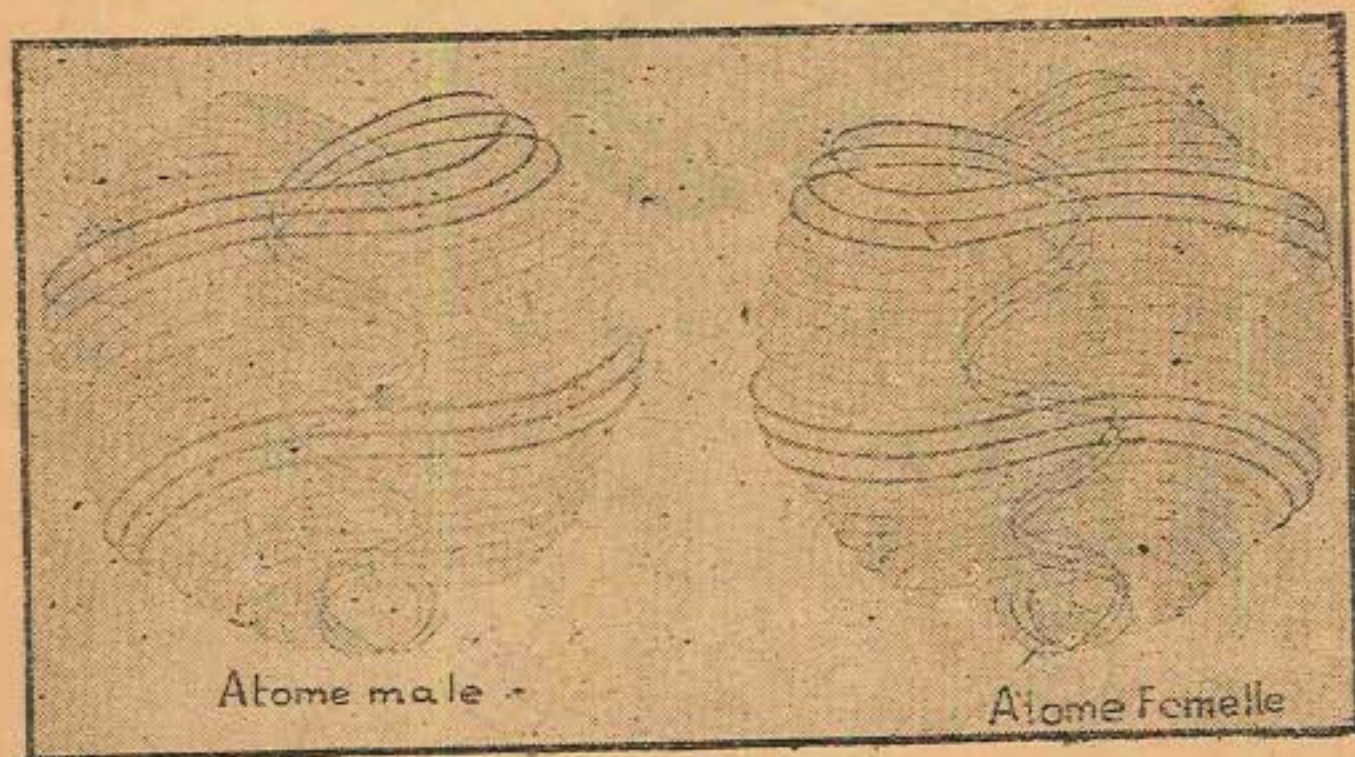


Đồ Biểu của ông Abbé Moreux chỉ sự Tương-hợp với Thái-dương diêm của những hiện-tượng trên Trái Đất phần nhiều thuộc về Phong-thờ. (Trong quyển *La Science mystérieuse des Pharaons*, chương 185).

Extrait de l'ouvrage « *La Science mystérieuse des Pharaons* » G. Doin et Co Editeurs.

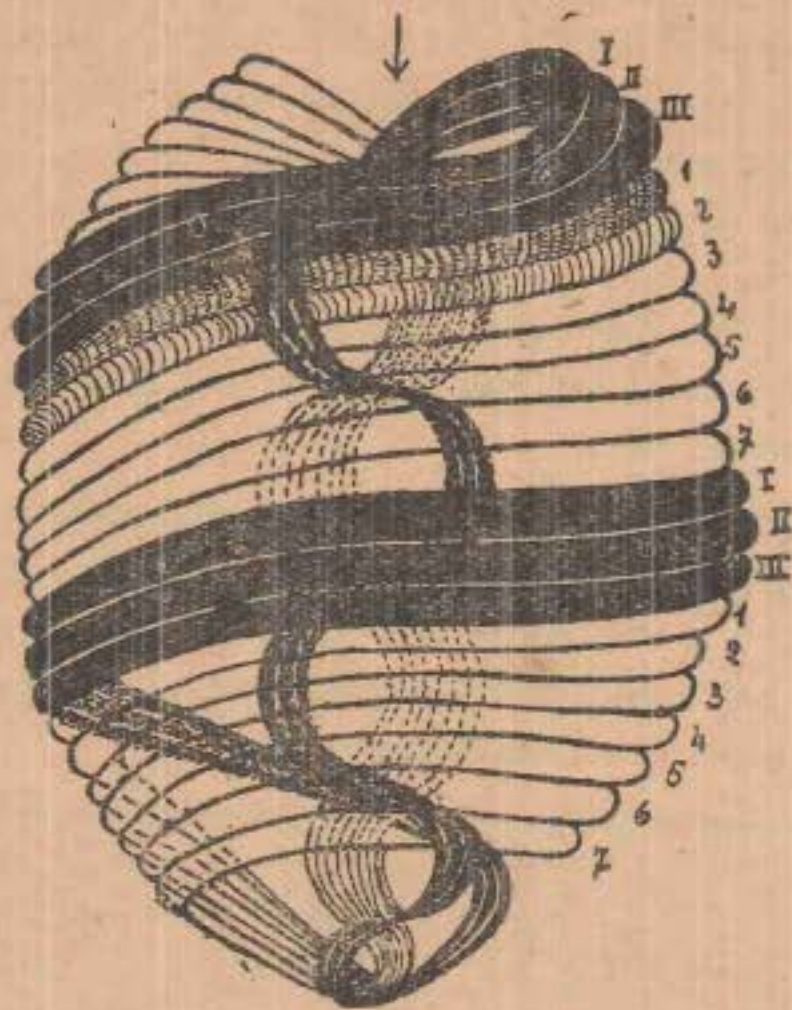
Như vậy cái hành-vi tiêu-trưởng của các sao trong số Tử-vi theo Đồ-biểu đều căn cứ vào một nền tảng chung của Tạo-Hóa, từ giải nước thấp nhất của tạo-vật đến cái chu-hành của mặt trời mặt trăng, cho đến cả cái đám tinh-vân trong vũ trụ, cả đến vũ-trụ nữa đều theo một nhịp điệu hòa giống nhau mà đức Trần Đoàn đã diễn tả những chu-hành đó trong Tử-vi Đầu-số vậy. Xem những Đồ-biểu dưới đây ta sẽ thấy Hỉ-di tiên sinh thông kim bác cổ diễn tả một cách rất tinh vi chu hành từng sao một.

Nếu ta định trí một chút mà xem đám sao theo sao Tử-vi và đám sao theo sao Thiên-phủ theo đồ-biểu mà tôi đã vẽ dưới đây ; ta thử lấy mà đối chiếu với hình nguyên tử thể chất của ông Leadbeater trong quyển *Les centres des Forces dans l'homme. Les Chakras* trang 51.

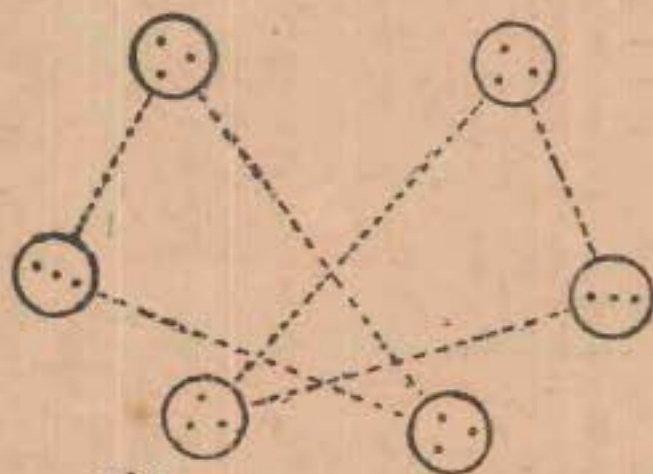


a) Nguyên-tử căn bản Dương

b) Nguyên-tử căn bản Âm



Atome Ultime
c) Nguyên-tử căn bản



Hình nguyên tử căn bản khinh khí

Như vậy phải chăng Âu Á đã gặp nhau ở chỗ này tới được cái quan-niệm Đại-nhất của Thiên-lý.

Ta phải khâm phục đức Trần-Đoàn vì Ngài đã diễn tả được tất cả cái ảnh-hưởng Vũ-trụ trên giấy trắng mực đen mà những bằng cớ của các nhà Bác-học ngày nay đã khổ tâm nghiên cứu và giải rõ vậy.

Tử-vi Đầu-số đã được lập lên trên một căn-bản chắc chắn của Chân-lý sao có thể gọi là dị-đoan được.

Không những thế thôi các bạn cố tìm hiểu nữa đi ta sẽ thấy nhiều cái dụng ý ghê gớm của người xưa, từ chữ dùng cho đến hành vi của từng sao một.

Xét như chữ Tử-vi cho là sao Nam-Bắc đầu tinh là Chúa-tể các sao trong Vũ-trụ, ta thấy rõ cái dụng ý đặt tên vừa là sao Nam bắc đầu tức là quản trị 10 phương trong Vũ-trụ nghĩa là đầu cũng có ảnh-hưởng đến được.

Chữ TỬ nghĩa là đỏ tía gần tím.

VI là nhỏ bé vô cùng. Đó là sự tượng-trưng cái Chân-nguyên-tử của Vũ-trụ mà cái tượng nó phải chăng đã thành cái Tử-Ngoại-Tuyến (Rayon ultra Violet) mà Khoa-học hiện nay đã tìm ra được. Nó là một tia sáng rất linh-diệu có những ảnh-hưởng vô cùng đến sự sinh-tồn của muôn vật mà mắt thịt ta không trông thấy được, nhưng đâu cũng có, cái gì cũng thấm nhuần cái tinh ba vô vi ấy nên mới sinh hoạt tồn tại được.

TỬ-VI Đầu-số được ở trên một căn-bản hoàn toàn chắc chắn bất di bất dịch, là một cái chìa khóa thần diệu để mở cái Cửa của « Đại-Tạo » sáng lạng cho Nhân loại.

Với những bằng chứng rõ ràng, với những sự thuyết minh linh diệu, ta phải thấy người xưa đã biết Tạo-hóa tinh

vi hơn cả cái Văn minh vật-chất phối thai này. Trong khi mỗi người đang đi kiếm một con đường sáng, mà con đường sáng đó đã có sẵn từ ngàn xưa. Như vậy thật là mâu thuẫn thay ! Trăm đường rồi cũng trở về một mối. Không Đạo nào, không Tôn-giáo nào qua được Chân-lý. Chân lý có một không hai.

Kết luận Tử-vi Đầu số có một năng lực phi-thường hấp dẫn con người vào con đường Chính-dại-quang-minh để hầu đi tới cái Chân lý Độc-nhất vô nhị của vạn-thế trong cái Vũ-trụ vô cùng tận này vậy.

Mạnh tiến để tìm Chân-lý phải chăng cái hạnh-phúc của con người Lý-tưởng.

TỬ-VI LÀ MÔN LÝ-HỌC HUYỀN-DIỆU

Theo Ông Dubois Raymond thì tất cả cái Lâu đài trắng lệ của Khoa-học hiện kim chỉ là một thứ hấp-lực toán-pháp, một chất biến-thể nghiên cứu các khiếu quan của người mà những kết quả chỉ là mộng ảo lập-lờ như ma chơi do một cái gì huyền-bí ở ngoài sức tưởng-tượng của Khoa-học chưa thấu triệt được. Như sự tự-động của nguyên-tử các mặt trời ? hành-tinh, tinh-tú ở đâu mà ra ? Nếu biết rằng sự tự-động ở nó mà ra, thì nó là những cái gì, và để làm gì ? Vậy các nhà Khoa-học ơi ! Các Ngài chế điều cái linh-động thiêng-liêng của nhà Đạo-học làm gì ?

Biết rằng Khoa-học khinh-khi những cái gì huyền bí nhưng theo cha Félix thì : « Khoa-học không thể tránh được cái huyền-bí đó. Nó là định-mệnh của Khoa-học ». Hỏi các nhà Bác-học thông-thái trên quả địa-cầu này ai đã có thể giải rõ được cái huyền-bí hợp thể của một vật, sự sinh hóa của một nguyên-tử ? Xin hỏi các Ngài và đây tôi không dám hỏi những truyện ở giữa mặt Trời mà là ở giữa nguyên-tử có những gì ? Thì đây một hột cát mà các Ngài đã nghiên-cứu theo khoa-học hàng ngàn năm rồi, xoay đi trở lại, cắt ra phân ra, Khoa-học đã phải băn khoăn trước những câu hỏi khó khăn hầu được rõ cái hợp thể bí-mật của nó. Lắm lúc Khoa-học muốn cán nó mài nó dũa nó nhỏ tí vô cùng tận. Đặt trước vực

sâu tối tăm ấy Khoa-học thành ra không có chân đứng, choáng váng ngập ngừng chóng mặt mà kêu lên một cách thất vọng rằng : « Tôi không biết ».

Mà nếu Ngài không hiểu cái nguyên-nhân căn bản huyền-bí của một hột cát thì làm sao ngài dám quyết hiểu được cái sinh hóa của một sinh vật ở đâu ra ; bắt đầu từ đâu, sinh thực cốt yếu là gì ⁽¹⁾ ?

Cho nên muốn biết những trạng-thái của cả một thời đại có phải chuyện dễ mà các nhà Thông-thái Khoa-học hiện kim còn phải bó tay thay, nhưng cái học uyên thâm về Lý-học của người Á-đông đã lấy tên đặt cho các sao biểu-chương những ảnh-hưởng theo từng loại cũng như các món Toán-pháp âu-tây như Số-học, Kỹ-hà-học phải thuộc những lý-thuyết (théorie) những định-lý (théorème) mới có thể hợp kết mà biết được ảnh-hưởng vậy. Khoa Tử-vi Đầu-số cũng là một khoa Toán-pháp, lập thành số con người vô hình kết thành những ảnh-hưởng vô hình của các tinh-tú, nó có thể ví như những bài thi có những nỗi lòng của thi-sĩ mà chỉ có những nhà Thơ mới thấy, như những điệu đàn mà chỉ có những Nhạc-sĩ mới cảm rõ được. Lấy những tinh-tú làm Trừu-tượng để biết những trạng-thái suy vượng, tiến thoái họa-phúc của con người ắt là đã thông bác được cái cơ vi của Thiên-lý.

Đành rằng vậy nhưng có bạn hỏi Tử-vi đầu-số phải dựa vào một căn-bản chắc-chắn nào mà có thể tồn tại được đến ngày nay, từ xưa tới nay chưa từng thấy ai giải-thích ?

— Đã cho Khoa Tử-vi đầu số là một Khoa-học thì ắt phải có một căn bản vững-chắc. Cái căn bản đó tức là cả một

(1) Volume II p. 63 lấy ở những bản diễn văn của Cha Félix ở Notre Dame và Mystères et Sciences.

Thiên-lý độc nhất vô nhị mà học-giã cần phải căn cứ vào những lý-thuyết sau đây :

Biết rằng trong Tử-vi Đầu-số tất cả chỉ có 14 chính diệu thuộc về ngũ-hành và là sao Nam-Bắc đầu tinh. Trong 14 sao chính đó chia ra làm 2 đám sao. Đám thứ nhất có 6 sao mà sao Tử-vi đứng đầu đi theo chiều nghịch. Đám sao thứ nhì có 8 sao mà sao Thiên-phủ đứng đầu đi theo chiều thuận cộng tất cả là 14 sao.

Bảng I

Do 1 âm 1. Tử-vi N.B. Thờ (B3)	1. Thiên-phủ NI Thờ
Ré 1 âm 2. Thiên-cơ N3 Mộc	2. Thái-âm NB Thủy (N7)
Mi ½ âm 3. — 0 —	3. Tham-lang BI Thủy
Fa 1 âm 4. Thái-dương N.B. Hỏa (B4)	4. Cự-môn B2 Kim-thủy
Sol 1 âm 5. Vũ-khúc B6 Kim	5. Thiên-tướng N5 Thủy
La 1 âm 6. Thiên-đồng N4 Thủy	6. Thiên-lương N2 Thờ
Si ½ âm 7. — 0 —	7. Thất-sát N6 Hỏa-kim
Do 1 âm 8. — 0 —	8. — 0 —
Lên bậc 9. Liêm-trình B5 Mộc	9. — 0 —
tính liêm, trình-bền	
10. — 0 —	10. — 0 —
11. — 0 —	11. Phá-quân B7 Thủy
	tính phá-hoại
12. — 0 —	12. — 0 —

Theo bảng trên ta được :

Đám sao A	Đám sao B
mộc N3 B3 thờ	NI thờ BI thủy
thủy N4 B4 hỏa	N2 thờ B2 kim-thủy
mộc B5	N5 thủy
kim B6	N6 hỏa-kim
	N7 thủy
	B7 thủy

(B : là Bắc-đầu-tinh, N : là Nam-đầu-tinh)
(Những số ở bên là số thứ bậc ảnh-hưởng)

Theo Tiên-thiên Bát-quái thì hướng *Nam* thuộc *dương* và hướng *Bắc* thuộc *âm*. *Dương* thì nhẹ bốc lên trên, ở địa-bàn thì theo chiều kim-đồng-hồ là thuận.

Âm thì nặng lắng xuống ở địa-bàn thì theo chiều nghịch.

Nếu ta cho dương-số hòa với âm-số thành 0 (không) theo như Số học ví-dụ như $+1-1=0$ + $2-2=0$ tức là thể quân-bình.

Trong đám sao A thì có : $+3-3=0$ và $+4-4=0$

Đám B có : $+1-1=0$ + $2-2=0$

Đám A còn lại hòa với đám B thì có ;

$$+5-5=0$$

$$+6-6=0$$

Đám B còn hai thể : $+7-7=0$

tức là các sao hòa nhau thì có sự quân bình.

(xem bảng 1 ở trên)

Lấy 14 chính tinh chia làm 2 đám.

Đám thứ nhất có 6 sao là :

$$2 \text{ số } 3 (2 \times 3 = 6)$$

Đám thứ nhì có 8 sao là :

$$2 \text{ số } 4 (2 \times 4 = 8)$$

Cộng 14 sao là :

$$2 \text{ số } 7 \text{ tức là}$$

7 thứ hình và 7 thứ tượng, có tượng với hình cũng như có hồn với xác. Hồn xác tượng hình đi với nhau điều hòa nhau mới sinh tồn được. Xem Bảng 1 cái quân-bình tương đối âm dương hay sao Nam Bắc đầu trong từng đám sao và hai đám hòa với nhau ta thấy có sự dung hòa nhau mà tồn tại. Muôn vật trong cõi Ta-bà này đều do cái thể Bảy ở trên mà sinh tồn.

Theo Hi lập chữ T (Tau) cái hình chữ thì lấy ở số 7 và chữ gamma Γ (T) là biểu chương cho cõi thể-gian này và cõi Bất diệt, tượng cho cõi thể là chữ gamma Γ là biểu hiệu trái đất (Gaia) và cõi Bất diệt là vì số 7 cũng là biểu hiệu cõi

sinh tồn ấy có liên hệ với cõi thần linh nên tượng trưng bằng hình số 3, một hình tam giác đều cạnh đầu ở trên mà hình vuông ở dưới. Ta phải hiểu rõ rằng trong con số 6 các Bí thuyết cổ thời tượng trưng muôn vật trong cõi hữu hình. Số 6 là 6 bề của các vật, hay 6 hướng hợp thành hình, biết rằng : 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, đỉnh đầu (bề cao) và dưới chân (bề dầy). Vì có đó các bậc Thánh-nhân lấy thể 6 tượng cho người thể xác và cái thứ 7 là cái tinh anh linh thiêng hay là cái hồn con người.

Tin tưởng có những đấng Hóa-công hay là Nhân-hóa những Thần lực của Tạo-hóa không phải là muốn nói cái thuyết Đa-thần đâu, nhưng chỉ là mượn hình đề hiệu tượng, lấy cái hữu hình mà tượng cái vô hình, đó chỉ là sự cần thiết cho Triết-lý mà thôi, vậy học-giả nên hiểu cho rõ vậy.

Cũng như các Hành-tinh trong Thái-dương-hệ, Trái đất cũng có 7 hiện trạng thiêng liêng tức là những quang tuyến của cái Độc nhất Dương-quang-tuyến, đó là những quang tuyến phát huy ra để tồn tại cõi sống và cho những vật sống ấy có cái tinh anh của nó.

Những số 3 và 4, số 3 lẽ là dương ở trên, số 4 hẳn là âm ở dưới, tượng hồn và xác muôn vật. Hai cái hợp với nhau là cõi Bất-diệt theo về tinh thần thì thuộc dương thanh bốc lên trên và theo về thể chất thì sự hợp thành thể, vật, hình tồn tại mãi mãi thì lắng xuống dưới. Dương thì tượng bằng một gạch | đứng và Âm thì tượng bằng một gạch ngang đứt - - Âm Dương hợp lại thành một chữ +.

Xem những hành-lực trong cõi Đại-tạo này thì tất cả những Động-lực dung hòa nhau không ra khỏi cái tương đối dương thanh âm trọc, dương động âm tĩnh, dương cứng âm mềm : Đến như những nguyên-tử nhỏ bé vô cùng tận cũng đều

theo một Định luật ấy của Thiên-lý. Phỏng theo ông Leadbeater thì cái nguyên-tử chính giữa dung động luôn luôn và rất mau bật thẳng góc thọc thọt lên trên mặt cao hơn bề trục kính của nó và lặn xuống bề mặt một quãng bằng bề cao nó, lên xuống nhiều lần như vậy trong một giây, hột nguyên-tử thì nhỏ bé vô cùng tận, kính hiển vi mạnh đến đâu cũng không thể trông thấy được. Cái Động-lực hỗn hợp của Nguyên-tử cũng theo hình chữ +

Số 3 dương thì vô hình số 4 âm thì hữu hình, vì có đó mà có thể chất ở trong Vũ-trụ, nếu ta lấy Khoa-học mà nghiên-cứu cho đến tận cùng thì chất nào cũng hợp bằng 4 khí ; thán-khí, dưỡng-khí, đạm-khí và khinh-khí, mà 3 thể vô hình đối với Khoa-học còn ở trong vòng bí-mật. Theo bà Blavatsky nói rằng : « Hiện-tại các nhà thông-thái Bác-học tây-phương chỉ lấy 4 thể ấy hay là vật-chất để khảo-cứu dùng làm đồ chơi, nhưng những nhà Thần-học Á-đông và các Đệ-tử đều lấy cả thể Bầy để nghiên-cứu ». Như vậy nhà Thần-học trứ danh cận-đại đã hiểu thấu cái Văn-minh và sự hiểu-biết của Thế-hệ, cho nên muốn hiểu biết một khoa-học về thực-nghiệm cũng còn phải từ công-phu nữa là nhập môn Lý-học, học hình mà biết tượng, thấy quả mà biết nhân.

Theo Bảng dưới đây ta có thể xem những căn nguyên Người và Tạo-hóa tương-đối nhau :

Người

Tạo-hóa

7. Atma — tinh-thần duy-nhất
6. Bouddhi — Phật hay là Tinh-thần
Chính-đại Quang-minh
5. Manas — Hồn người lý-tưởng.

4. Kâmsa Roûpa =
Cái Vía nguyên thủy
vật dục cháy rất
mạnh trong thể-chất,
thú hóa con người.
Nó không đời cái
thể-chất.

Khinh-khí

Khí nhẹ nhất, cháy
trong dưỡng-khí thêm
sức nóng ghê gớm cho
các chất cháy được,
hợp với dưỡng-khí
thành nước. Những
hợp chất các cơ-thể
đều có khinh-khí.

3. Linga Sharîra - Cái
Phách hay là cái
hình bao giữ cái xác
con người, nó tan ra
sau khi chết một ít
lâu.

Đạm-khí

Khí bình, chế với
dưỡng-khí để cho vừa
thành khí thở được,
Các thể đều có đạm-
khí.

2. Prâni - Đời sống,
cái khả năng huy-
động tạo ra những
hiện tượng có Sinh-
lực.

Dưỡng-khí

Khí dương động,
nhờ nó lửa mới cháy
được, khí nuôi dưỡng
muôn loài.

1. Xác-thịt.

Thán-khí

Khí dễ cháy nhất là
gốc của các thể chất
sống. Trong hóa-học
là một thể hợp nhiều
các hợp chất.

Không những những chất sống có thể Bầy mà thôi đâu,
đến những khoáng chất (những nhũ-thạch thứ đá mềm cứng
lại) đến cả những cây cứng mềm lại nằm ở trong khoáng chất
(đá) mọc lên (hiện có thứ cây đó tôi thấy ở nhà ông bạn Cia-
valdini Louis ở Saigon) gốc là đá thân là cây, cành và lá như
các cây thường).

Theo những sự nghiên cứu về thể-chất như những hạt
tuyết, soi kính hiển-vi thì cái nào cũng có hình ngôi sao 6 cánh

có một chấm giữa, có khi lại là hai ngôi sao một nhỏ trong cái lớn.

— Theo những thời gian sinh-dục của nhiều giống cũng có những kỳ 7 ngày một hay là tuần, Như chim bồ-câu cứ sau 2 tuần ấp (14 ngày) thì nở, gà thì 3 tuần (21 ngày) ngỗng 5 tuần và lạc-đà điều 7 tuần (trích trong quyển Land and Water của Bartlett) Người thì phải 9 tháng 10 ngày hay là 40 tuần, tức là 10 số 4 của thể 7, nhờ con số Thái-dương đó mà con người được là chủ muôn loài.

Số 7 là số có liên-lạc mật thiết với mặt trăng từng tuần 7 ngày một. Mặt trăng hay thái-âm theo về Thần-học thì tiếp dẫn cho cõi thể này, mà mặt Trời hay là Thái-dương chỉ điều-hòa và biến chuyển sự Sinh-hóa vậy.

∴

Căn-nguyên vũ-trụ và người tương đối nhau.

Hiện-tượng đối với Người

Hiện-tượng đối với Vũ-trụ

7. Atama - Tinh-thần duy nhất



7. Cõi thần-linh bất động.

6. Bouddhi - Phật. Quang-Minh

Hiện-tượng của thần-linh

6. Quan - niệm duy-nhất tiềm phục (latente)

5. Manas - Hồn người Lý-tưởng



5. Tinh-thần duy-nhất huy-động hay là tinh-thần vũ-trụ.

4. Kâma Roûpa - Vía

4. Vũ-trụ lực

**Theo
quan-niệm
cõi đất**

3. Linga Sharira -
Phách

2. Prâna - Sinh-khí

1. Sihoûla Sharira -
Xác-thịt

3. Tinh-tú quan-niệm
tượng hình cõi đất.

2. Sinh-lực

1. Trái-đất.

**Khoảng
sinh-tồn**

Theo như trên đây ta đã thấy Trần-Đoàn tiên sinh là một bậc siêu phàm thấy rõ những ảnh hưởng vô-hình mà đặt ra các sao luân-chuyển lấy ảnh-hưởng mà kết thành một con người bằng Vũ-trụ tuyến mà Học-giả có thể đọc được dễ dàng vậy.

— Nếu lại có người hỏi tôi tại sao trong hai đám sao chính ấy lại có sao thì đi liền nhau, có khi lại cách nhau, cách một, cách 2, cách 3, ?

— Thật là một câu hỏi rất khó trả nhời nhưng nhờ có khoa Vật-lý-học về Âm-thanh làm căn bản ta có thể lấy cái âm điệu chính của tạo-vật mà giải. (Sự dung hòa và quân bình của âm thanh hay các màu sắc đều có sự tương đối nhau theo chung một luật-định của Tạo-hóa, cũng như người và vật đều chịu chung một ảnh-hưởng duy nhất ấy, tức là cái ảnh-hưởng của Vũ-trụ hay của các tinh-tú mà tôi muốn nói đây).

Có những âm-thanh như sau đây : Do, ré, mi, fa, sol, la, si, (do...)

Nhưng ta phải hiểu rằng : 7 tiếng kể trên đây cân đối với nhau theo một độ-lực mà khoa Vật-lý-học đã cho biết như sau đây :

Do 1 âm thanh	Sol 1 âm thanh
Ré 1 —	La 1 —
Mi 1/2 —	Si 1/2 —
Fa 1 —	Do 1 —

Theo Bảng ở trên nếu ta lấy 1 sao bên đám sao A hợp với 1 sao bên đám sao B là 1 âm-thanh. Nếu hai bên cộng lại chỉ có một sao là 1/2 âm-thanh thì ta sẽ được một âm-giai có những âm-lực đúng theo âm-giai căn bản của âm-nhạc.

Theo sự xếp đặt các sao trong hai khối trên đây đúng theo luật hòa-diệu của âm-thanh trong Tạo-hóa tức là có sự hòa điệu của Tạo hóa và các Sao trong Tử-vi Đầu-số vậy.

BẢNG 2

Âm giai theo Pythagore

Động Ba trong một giây	giây giải		giây giải
Do 256	1	Sol 384	$\frac{2}{1}$
Ré 288	$\frac{8}{9}$	La 432	$\frac{3}{16}$
Mi 324	$\frac{64}{81}$	Si 486	$\frac{27}{128}$
Fa 341, 3	$\frac{3}{4}$	Do 542	$\frac{243}{12}$

Lấy hòa điệu hoàn toàn (Accord parfait) của từng Âm-giai trong Âm-nhạc mà tương đối với Tử-Vi Đầu-số ta thấy rõ ràng sự Tương-hợp của các Sao như trong Âm-Nhạc vậy.

Ví dụ như Âm-giai « Do » thì hòa điệu hoàn toàn là Do Mi Sol.

Đối chiếu ở trong Tử-Vi Đầu số theo Bảng 1 thì ta thấy :

Đám sao A hợp với đám sao B như sau :

Tử-vi (Do) Tham lang (Mi) Thiên-tướng (Sol) Phá-quân (Do), hay đám sao B hợp với đám sao A như :

Thiên-phủ (Do) Vũ-khúc (Sol) Liêm-tinh (Do).

Như Âm-giai Ré thì hòa-diệu hoàn toàn là :

Ré - Fa - La.

Theo bảng 1 thì ta được :

Thiên-cơ (Ré) Cự-môn (Fa) Thiên-lương (La) nghĩa là Thiên-cơ hay gặp Cự-môn, gọi là Cơ-cư, hay gặp Thiên-lương gọi là Cơ-lương.

Hay là Tử-vi Tham lang gọi là Tử-Tham. Tử-vi Thiên-tướng gọi là Tử-tướng.

Đến đây nếu một Nhạc-sĩ trừ danh thấu triệt được phép Âm hòa của Tạo vật sẽ lấy làm sững sốt trước khoa « Tinh-Tú Âm-nhạc » (La Musique des Astres) hay là « Harmonie des Sphères » của Trần-Đoàn Hi-Di Tiên-sinh. Nếu các bạn Nhạc-sĩ muốn tìm một Âm giai tuyệt đối xin xem quyển « La Gamme, ce problème cosmique Ed. Hug et Cie Zurich » của ông Renéréaz trong đó có nhiều trường-hợp linh-diệu của khoa Âm-Nhạc Tinh-Tú lấy ở Âm-giai Pythagore, nhờ đó mà nhà Đại-Thiên-Văn Képler đã nghĩ ra nhiều Định-Luật cho các Chu-hành-Tinh.

Chẳng hạn ông Renéréaz lấy một sợi giây thép giải 1 thước (như kiểu đàn-bầu của ta). Trên giây ông vạch những khoảng cân đối mà Neptune (Thủy thành tinh) cách Uranus (Thiên-vương-tinh), Uranus cách Saturne (Thổ-tinh), Saturne cách Jupiter (Kim tinh). (Nếu lấy 1 thước là khoảng.

Mặt Trời cách Trái Đất thì ta có những khoảng tương đối các hành tinh trên là 10,92 — 9,64 — 4,34) người ta sẽ được 4 âm thanh Do-Ré-Mi-Fa thật trong trẻo. Đó là sự tương đối của các hành tinh theo Âm-nhạc vậy.

Như thế thì Trần-Đoàn đã ấn định sự luân chuyển các sao theo một Định-lý tuyệt đối của tạo hóa làm căn bản, lấy 14 chính tinh tức là hai thể 7 một (một hữu hình một vô hình) để liên kết những ảnh-hưởng với nhau. Như vậy sao lại không phải là một Khoa-học chính-thống mà trong đó bao gồm hết cả cái tinh-anh vô cùng tận của Thiên-lý biến chuyển theo Thời gian.

1— Theo kinh Atharva Vêda thì Thời-gian là Dịch-lý, là con ngựa chạy có 7 ánh-sáng và muôn triệu mắt, không bao giờ chết càng ngày càng trịnh bèn. Người hiền sống trên Thời-gian. Những bánh xe luân chuyển của nó là các cõi đời.

2— Thời-gian luân chuyển trên 7 bánh xe, có 7 cái đùm xe, Bất-diệt là cái Trụ của nó. Hiện tại nó là các cõi đời, nó chạy mau để đến vị thần đầu tiên.

3— Rung động hoàn-toàn ở trong Thời-gian, ta thấy nó dưới thiên hình vạn-trạng. Nó là các cõi Vị-lai, gọi là ngày trên Trời cao nhất.

(trích ở trong Hymme XIX 58 trong quyển kinh Atharva véda)

Muốn cho rõ lại phải hiểu rằng :

Không gian và Thời-gian chỉ là Một, nó không có tên vì nó là cái Ấy vô hình, không ai biết mà người ta chỉ có thể cảm được bởi cái ảnh-hưởng của 7 cái ánh-sáng của nó, nó là 7 cuộc Đại-tạo 7 Cõi thế, 7 Định-luật v.v.....

Muốn hiểu rõ cái tượng trưng của kinh Atharva Vêda xin các học-giả chớ lại về hình Bát-quái của Phục-hi thì rõ.

1— Biết rằng có Thái-cực

2— Thái-cực sinh lưỡng-nghi : Thái-âm, và Thái-dương

3— Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng : Thái-âm, Thiếu-dương, Thiếu-âm, Thái-dương.

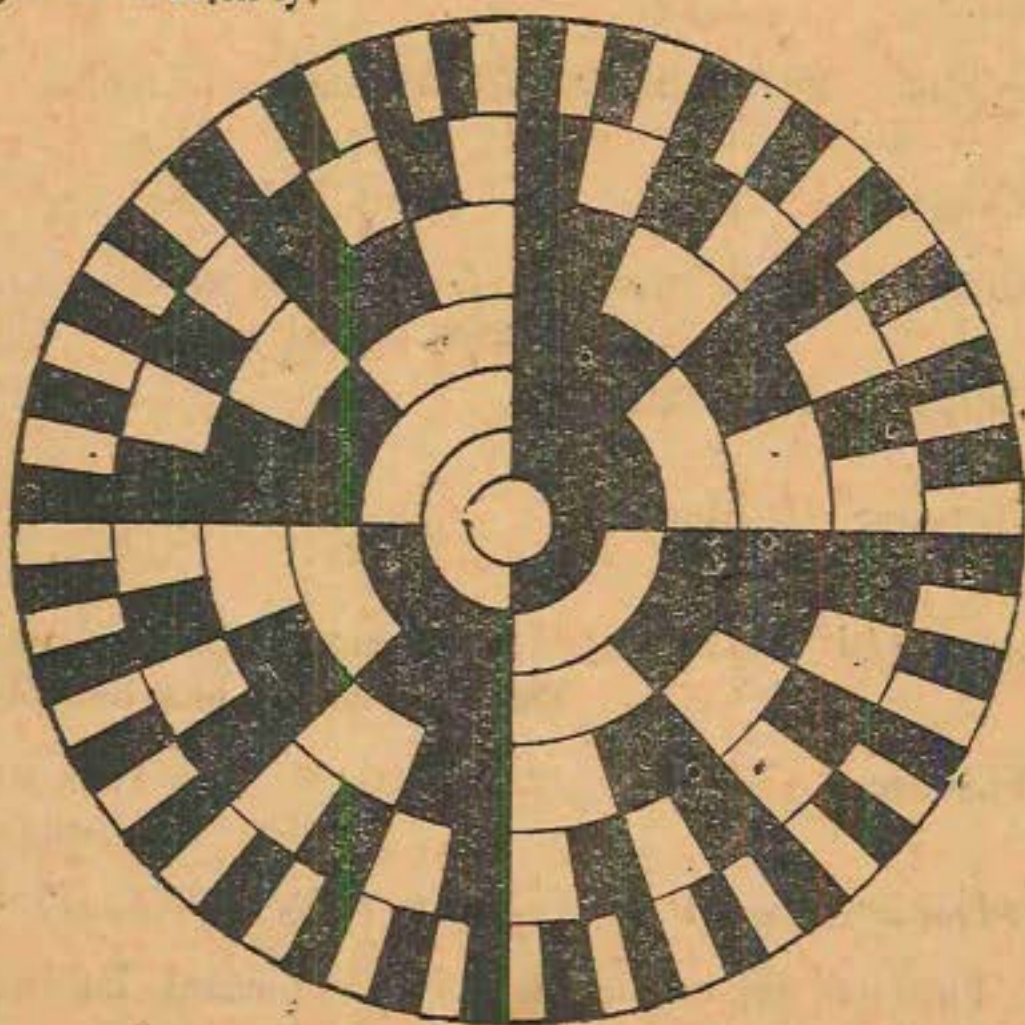
4— Tứ-tượng sinh Bát-quái : Kiền, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

5— Bát-quái sinh 16 quái.

6 — 16 quái sinh 32 quái

7— 32 quái sinh 64 quái :

64 quái còn sinh sinh hóa hóa ra mãi không lúc nào ngưng nghỉ đó là Dịch-lý.



7 cuộc Đại-Tạo. Vòng trắng giữa là Thái-Cực

Nếu ta lấy Thái-cực làm trung tâm điểm mà vẽ theo hình tròn bản đồ trên ta sẽ có 1 cái bánh xe 7 vòng, càng ở ngoài càng chuyển mau, tốc-lực dần dần bớt đi khi càng thu vào trung-tâm điểm tức là cái Trục bánh xe. Đến được cái Trục bánh xe tức là thoát được cái vòng luân-hồi trong cõi trần thế mà đến cõi Bất diệt vậy. Trong người ta có 7 Quang khiêu mà ông Leadbeater đã vẽ ra bằng những màu tuyệt đẹp trong quyển « Les centres des Forces dans l'homme » (coi quyển Đại-dồng thuyết của tôi) Như vậy tức là con Người vô hình của chúng ta đều phải chịu ảnh-hưởng vô hình của Vũ-trụ, chúng ta có một bảng đối chiếu như sau đây :

Tên theo	Tên theo		
Phục-hi	Ấn-độ		
7. 64 quái	Sihoula Sharira	Khoảng sinh tồn	Trái-dất
6. 32 quái	Prâna		Sinh-lực
5. 16 quái	Linga Sharira	Theo quan niệm cõi đất	Tình hình cõi đất
4. Bát-quái	Kâma Roûpa		Vũ-trụ lực
3. Tứ-tượng	Manas		Tinh thần Vũ-trụ
2. Lương-nghi	Bouddhi	Hiện-tượng của Thần-linh	Quan-niệm duy nhất tiềm phục
1. Thái-cực	Atma		Cõi Thần-linh bất động

(Đối với Người)

(Đối với Vũ-trụ)

Theo trên đây ta càng thấy rõ cái ảnh-hưởng Thời-gian từ khi lọt lòng cho đến lúc khôn lớn rồi chết và tất cả sự vật

nhân quả trên cõi đất đều phải tùy thuộc 7 định-luật, 7 cái ánh-sáng v.v. (theo các kinh về Bí-truyền).

Học càng xa hiểu càng rộng ta thấy cái Thế-hệ vật-chất của con Người sao nó chật-hẹp quá chừng, chỉ tranh-đấu suốt ngày cho cái bao-tử và nhu cầu của vật-dục đòi hỏi, tôi thiên nghĩ đời người mà cứ sống như vậy thì con người thật là bị chới buộc cực khổ hơn là giống vô-tri vô-giác. Vật như chim muông, như thú rừng, có lông có cánh không lo rét, có thức ăn có khí trời không lo đói khát thông thả tự-do tung tăng trong những phong cảnh đẹp-đẽ vui tươi của Tạo-hóa. Con người mà nhân-loại đã từng tự-phụ là Chúa-tể muôn loài mà không sao có một ngày yên vui để an hưởng cái phút thiêng-liêng của Hóa-công, để tận tụy cho những khả-năng Chúa tể muôn loài được chau dồi đầy đủ, thông kim bác cổ, lúc đó mới có hạnh-phúc của vị Chúa-tể muôn vật. Nhưng còn phải tranh nhau, giết nhau về miếng ăn, về chỗ ở, về manh quần tấm áo thì vật kia còn hơn ta nhiều vậy ?

Tôi xin lỗi các bạn, « trung ngôn nghịch nhĩ » nhưng sự thật chỉ có một không hai, có rõ mới hiểu, có hiểu mới mong tìm hạnh-phúc cho mình, cho gia-đình mình rồi ra cho cả Nhân-quần xã-hội. Tôi rất mong luôn luôn không phải muốn khua môi múa mép tự-phụ dạy đời đâu, tôi chỉ mong là bạn của các bạn yêu chuộng sự Thật, hầu cùng đi trên con đường sáng tỏ để đến Chân-lý thôi.

Nguyễn-Mạnh-Bảo

Kiến-trúc-sư

Saigon năm Canh-Dần

TỬ-VI ĐẦU-SỐ LỊCH-SỬ

Tử vi Đầu-số do ông Trần-Đoàn lập ra. Ngài là một nhà Đạo-học uyên thâm, chính là người nhà Tống tự là Đồ-Nam hiệu là Phù-Giao-Tử. Đến đời vua Nhân-tôn nhà Tống được tôn là Hi-Dì tiên sinh.

Về đời Ngũ-Đại Ngài ăn ở trong núi Phù-sơn, sau đắc đạo lập ra phép Tử-vi Đầu số tức là phép lập thành số theo giờ, ngày, tháng năm sanh để hiểu biết được cái thủy chung thịnh suy, họa-phúc của một đời người.

Những yếu tố để xem số Tử-vi

Những yếu-tố để xem số Tử-Vi là :

- 1.— Giờ, ngày, tháng, năm, sanh theo Âm-lịch
- 2.— Là trai hay gái.
- 3.— Là người phương nào.

...

Thiên Can :

Có 10 Can :

1 ^o Giáp	thuộc	Dương Mộc
2 ^o Ất	—	Âm Mộc
3 ^o Bính	—	Dương Hỏa
4 ^o Đinh	—	Âm Hỏa
5 ^o Mậu	—	Dương Thổ
6 ^o Kỷ	—	Âm Thổ
7 ^o Canh	—	Dương Kim
8 ^o Tân	—	Âm Kim
9 ^o Nhâm	—	Dương Thủy
10 Quí	—	Âm Thủy

Thập Can hợp thì tốt :

Giáp Hợp Kỷ
 Ất — Canh
 Bính — Tân
 Đinh — Nhâm
 Mậu — Quý

Phá thì xấu :

Giáp phá Mậu
 Ất — Kỷ
 Bính — Canh
 Đinh — Tân
 Mậu — Nhâm
 Kỷ — Quý
 Canh — Giáp
 Tân — Ất
 Nhâm — Bính
 Quý — Đinh

Thập Nhị Địa-Chi

12 Chi	Âm hay Dương	Thuộc vật gì	Thuộc ngũ hành	Phương hướng
Tý	Dương	Thử (chuột)	thủy	Chính Bắc
Sửu	Âm	Ngưu (trâu)	thổ	Đông-Bắc thiên bắc
Dần	Dương	Hồ	mộc	Đông-Bắc thiên đông
Mão	Âm	Thỏ (thỏ)	mộc	Chính Đông
Thìn	Dương	Long (rồng)	thổ	Đông-Nam thiên đông
Tỵ	Âm	Xà (rắn)	hỏa	Đông-Nam thiên nam

Ngọ	Dương	Mã (ngựa)	hỏa	Chính Nam
Mùi	Âm	Dương (dê)	thổ	Tây-Nam thiên nam
Thân	Dương	Hầu (khỉ)	kim	Tây-Nam thiên tây
Dậu	Âm	Kê (gà)	kim	Chính Tây
Tuất	Dương	Câu (chó)	thổ	Tây Bắc thiên tây
Hợi	Âm	Trư (heo, lợn)	thủy	Tây-Bắc thiên bắc

Địa Bàn

Lấy một tờ giấy vẽ một bản-đồ theo dưới đây :

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
THÌN			DẬU
MÁO			TUẤT
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI

Chia ra làm 12 khuôn gọi là Viên. Khuôn giữa lớn để viết :

1^o Năm, tháng, ngày, giờ, của người theo âm-lịch (muốn đổi dương lịch ra âm-lịch xin coi quyển lịch Tam-Tông-miêu năm Tân-Mão chương 14 của ông Thiện)

2^o Thuộc con trai (theo âm hay dương nam)

Thuộc con gái (theo âm hay dương nữ)

3^o Mệnh thuộc về hành gì (ví-dụ : Tân Hợi kim mệnh v.v)

4^o Cục thuộc về hành gì (ví-dụ : hỏa lục cục v.v.)

Bản đồ trên gọi là Địa-bản có 12 cung mà không viết vào số lập-thành. Trên đây tôi chưa 12 địa-chi theo phương hướng cho dễ hiểu.

...

Địa-chi xung, hợp, sanh, khắc.

<i>Nhị-hợp</i> :	Tí hợp Sửu	Thìn hợp Dậu
	Dần » Hợi	Tỵ » Thân
	Mão » Tuất	Ngọ » Mùi

<i>Tam-hợp</i> :	Dần Ngọ Tuất	Thân Tí Thìn
	Tỵ Dậu Sửu	Hợi Mão Mùi

Lục-xung : Tí xung khắc Ngọ
Sửu » Hòa Mùi (hòa là cùng một hành)
Dần » Thân khắc
Dậu » khắc Mão
Tuất » hòa Thìn
Hợi » khắc Tỵ

Ngũ hành sinh khắc

Ngũ hành có : Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ.

Sanh			Khắc		
Kim	sinh	Thủy	Kim	khắc	Mộc
Thủy	—	Mộc	Mộc	—	Thổ
Mộc	—	Hỏa	Thổ	—	Thủy
Hỏa	—	Thổ	Thủy	—	Hỏa
Thổ	—	Kim	Hỏa	—	Kim

Theo những tính chất ngũ hành trên đây và theo thí-nghiệm hàng ngày rất rõ, ta thấy : Kim khí chảy ra thành nước. Nước tưới cây cối sinh ra sanh tốt, cây, gỗ đốt lên thành lửa cháy. Lửa đốt vật để lại do thành đất. Và theo thí-nghiệm những sự kỵ khắc nhau thì :

Đồ kim-khí cứng đâm chém cây gỗ.

Cây ăn hút chất đất bị hao mòn. Đất thì hút nước, nước tắt cạn. Nước tưới vào lửa thì lửa tắt. Lửa nung kim-khí phải chảy ra

Luận-diệu sinh khắc trên đây chỉ theo những lý do hiển nhiên của tính chất từng hành một.

. . .

12 Cung trên Địa-Bàn thuộc Nam Bắc

Tuất, hợi, tí, sửu, dần, thuộc Bắc Phương.

Người ở hướng Bắc Mệnh Thân cư theo cung trên thì Đắc Địa.

Mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu thuộc Nam Phương.

Người ở hướng Nam Mệnh Thân cư theo các cung trên thì Đắc Địa.

...

Nam Nữ thuộc Âm Dương

Coi Chi năm sinh thuộc âm hay dương thì viết âm hay dương cho Nam hay Nữ. Ví-dụ người sinh năm Tân-Hợi đàn ông. Coi trên Bảng 1 xem Hợi thuộc Âm thì viết Âm Nam ở giữa. Nếu lại là đàn-bà thì viết Âm Nữ.

Ví-dụ : đàn ông sinh năm Giáp-tí, xem năm Tí thuộc dương thì viết Dương Nam, nếu là đàn-bà thì lại viết Dương Nữ.

...

Mệnh thuộc hành gì ?

Muốn biết mệnh thuộc về hành gì thì xem bảng Nạp-âm theo Lục Giáp dưới đây.

...

Phép nạp-âm của Lục Giáp. (Coi đồ Biểu số 2)

Con Giáp thêm vào sáu chi dương gọi là Lục Giáp :

10— Giáp - Tí	30— Giáp - Thân	50— Giáp - Thìn
20— Giáp - Tuất	40— Giáp - Ngọ	60— Giáp - Dần

Phép nạp-âm cho lục-Giáp tức là lấy Thiên-can hòa với Địa-chi nhưng cần phải nhớ là chỉ có Can dương hợp với Chi Dương, hay Can Âm với Chi Âm thôi.

Một khi đã hòa Can Chi thành rồi mà đem hợp với ngũ hành như sau này :

Dương	Âm	Hành
1. — Giáp-tí Bính-dần Mậu-thìn Canh-ngọ Nhâm-thân	Ất-sửu Đinh-mão Kỷ-tỵ Tân-mùi Quý-dậu	Kim ngân Hỏa đấng Mộc giá Thổ bích Kim câu
2. — Giáp-tuất Bính-tí Mậu-dần Canh-thìn Nhâm-ngọ	Ất-hợi Đinh-sửu Kỷ-mão Tân-tỵ Quý-mùi	Hỏa yên Thủy mãn Thổ tự Kim chung Mộc lâu
3. — Giáp-thân Bính-tuất Mậu-tí Canh-dần Nhâm-thìn	Ất-dậu Đinh-hợi Kỷ-ngọ Tân-mão Quý-tỵ	Thủy hán Thổ địa Hỏa siêu Mộc sai Thủy thấp
4. — Giáp-ngọ Bính-thân Mậu-tuất Canh-tí Nhâm-dần	Ất-mùi Đinh-dậu Kỷ-hợi Tân-sửu Quý-mão	Kim ngân Hỏa đấng Mộc giá Thổ bích Kim câu
5. — Giáp-thìn Bính-ngọ Mậu-thân Canh-tuất Nhâm-tí	Ất-tỵ Đinh-mùi Kỷ-dậu Tân-hợi Quý-sửu	Hỏa yên Thủy mãn Thổ tự Kim chung Mộc lâu
6. — Giáp-dần Bính-thìn Mậu-ngọ Canh-thân Nhâm-tuất	Ất-mão Đinh-tỵ Kỷ-mùi Tân-dậu Quý-hợi	Thủy hán Thổ địa Hỏa siêu Mộc sai Thổ thấp

1.— Phải nhớ mỗi một hành quân hai năm (vì mỗi hành có âm và dương theo hai năm âm và dương. Ví dụ : Giáp-tí là năm thuộc dương, hành thuộc dương kim và năm Ất-sửu liền sau Giáp-tí là âm, hành là âm kim.

Phép nạp âm theo trên đây là cốt để lấy thế quân bình của thời gian vậy.

Muốn đánh tuổi luôn trên tay thì cần phải nhớ 3 câu ca nạp âm như sau đây :

- 1.— Ngân đặng giá bích câu (cho Giáp-tí và giáp-ngọ)
kim hỏa mộc thổ kim
- 2.— Hán địa siêu sai thấp (cho giáp-dần và giáp-thân)
thủy thổ hỏa mộc thủy
- 3.— Yên mãn tự chung lâu (cho giáp-thìn và giáp-tuất)
hỏa thủy thổ kim mộc

Cách đánh tay đề nạp âm :

a— Lấy bàn tay trái là địa-bàn : 12 cung như hình vẽ ở trên đếm từ Tí, sửu đến Hợi cho thuộc.

b— Nhớ 6 phù-đầu của lục-giáp là :

- 1.— Giáp-tí ngược lại bỏ một cung là
- 2.— Giáp-tuất — — —
- 3.— Giáp-thân — — —
- 4.— Giáp-ngọ — — —
- 5.— Giáp-thìn — — —
- 6.— Giáp-dần — — —

c— Phải nhớ ba câu ca nạp âm ở trên và biết rằng trong 10 số trong con giáp có 5 hành, những số lẻ là hành dương và chẵn là hành âm.

Ví-dụ : Xem năm Tân-hợi thuộc hành gì ?

1.— Xem trong bàn tay trái mà đánh, thì đếm từ cung hợi (dưới ngón tay út) bắt đầu là can Tân, theo chiều thuận (theo kim đồng hồ chạy) đếm đến can quí, tức là đến Quí-sửu. Đếm theo một số nữa là Giáp-dần tức là được phù-đầu của con giáp sau. Vậy con giáp trước mà có năm Tân-hợi là Giáp-thìn (cứ đếm xuôi đi bỏ một cung mao đến cung thìn, gọi là Giáp-thìn tức là phù-đầu của con giáp có năm Tân-Hợi).

2.— Sau khi biết được phù-đầu năm mình xem rồi thì xem năm đó là số mấy trong phù-đầu của nó.

Như năm Tân-hợi trong con Giáp-thìn tức là số 8 thuộc âm và là hành thứ 4 của câu ca nạp-âm về con Giáp-thìn ở trên.

Yên	Mãn	Tự	Chung	Lâu
1	2	3	4	5

thứ 4 đây là chữ Chung thuộc về hành kim. Cứ theo như trên mà tính thì rất dễ hiểu không cần tính ngược lại cho khó.

Ví dụ xem năm Canh-Dần thuộc hành gì ?

Như trên đã nói bắt đầu cung Dần gọi là Canh, đánh thuận đến Giáp-Ngọ (con giáp sau) ; con giáp của Canh-Dần là Giáp-Thân.

Canh-Dần ở số 7 trong con Giáp-Thân (tức là hành thứ 4 thuộc dương trong câu ca nạp-âm).

Hán	Địa	Siêu	Sài	Thấp
1	2	3	4	5
			mộc	

tức là năm Canh-Dần thuộc hành dương Mộc.

12 Tháng theo 12 Chi và ngũ hành của Bốn mùa

<u>Tháng</u>	<u>Chi</u>	<u>Mùa</u>	<u>Thuộc hành</u>
Giêng	Dần	Xuân	Mộc
Hai	Mão	—	—
1 đến 12 tháng ba		—	—
13 đến 30 tháng ba	Thìn	Tứ-quí	Thô
Tư	Tỵ	Hạ	Hỏa
Năm	Ngọ	—	—
1 đến 12 tháng sáu		—	—
13 đến 30 —	Mùi	Tứ-quí	Thô
Bảy	Thân	Thu	Kim
Tám	Dậu	—	—
1 đến 12 tháng 9		—	—
13 đến 30 tháng 9	Tuất	Tứ-quí	Thô
Mười	Hợi	Đông	Thủy
Một (11)	Tí	—	—
1 đến 12-12		—	—
13 đến 30 tháng 12	Sửu	Tứ-quí	Thô

— Xem như bốn mùa an-dịnh 12 Địa-chi theo 12 tháng có một nguyên-lý rõ rệt của Tạo-hóa trong công việc Đại-tạo.

— Muôn vật đến mùa xuân đều tươi tốt. Tạo-hóa đã bày ra cho ta thấy sự hiền nhiên, mỗi năm đến mùa Xuân thì cỏ cây tươi tốt muôn vật khoan khoái để sinh tồn.

— Mộc sinh hỏa tức là sau mùa Xuân là mùa Hạ thuộc hỏa, nắng đốt thiêu cây cỏ, cho nên cây cỏ khô héo.

— Hỏa sinh thổ (Tứ-quí).

— Thổ sinh kim mùa Thu thuộc hành kim (cho nên mới

gọi gió mùa thu là gió vàng hiu hắt hay kim phong) cảnh vật cho ta biết là về mùa Thu cây cỏ (mộc) bị hành kim khắc cho nên lá cây rụng đầy đường.

— Kim sanh thủy, cây cỏ lại được cái thủy của mùa Đông lại bắt đầu nảy mầm sinh nhánh. Cho nên Dịch-lý lấy quẻ Phục  để tượng sự phục sinh của vạn vật trong mùa Đông vậy.

Và trong khoảng hai hành sinh nhau lại có Tứ quý thuộc thổ tức như con đằm ở trong đầm dung hòa đều đặn, tránh những cái gì có thể quá sức động mà hại đến sự Sinh tồn. Cho nên xét cho kỹ cái lý bốn mùa của Tạo-hóa ta thấy rõ cái Chân nguyên-lý hoàn-toàn trong công việc Đại-tạo của các đấng Thiêng-liêng.

Muốn biết can chi của tháng sinh

Biết rằng tháng giêng mỗi năm gọi là tháng Dần nhưng không hiểu can thuộc can gì ? Vậy cứ theo dưới đây thì rõ :

- | | | | | |
|-----|------------------|------------|------------------------|----------|
| 1. | Những năm có can | Giáp, Kỷ | thì gọi tháng giêng là | Bính-dần |
| 2.— | — | Ất, Canh | — | Mậu-dần |
| 3.— | — | Bính, Thân | — | Canh-dần |
| 4.— | — | Đinh, Nhâm | — | Nhâm-dần |
| 5.— | — | Mậu, Quý | — | Giáp-dần |

Muốn biết can chi của giờ sinh.

Mỗi một ngày theo giờ phương Đông xưa thì có 12 giờ theo 12 chi mà gọi : Tí, Sửu. Hợi. Phải biết đối chiếu với giờ hiện tại.

Mỗi một giờ xưa bằng 2 bây giờ. Theo giờ hiện tại ở Saigon thì ta đối chiếu như sau đây (vì năm 1945 lên 1 giờ).

Giờ	Tí bắt đầu	12	giờ khuya	đến	2	giờ sáng	
—	Sửu	—	2	—	4	—	
—	Dần	—	4	giờ sáng	đến	6	—
—	Mão	—	6	—	8	—	
—	Thìn	—	8	—	10	—	
—	Tỵ	—	10	—	12	—	
—	Ngọ	—	12	—	2	giờ chiều	
—	Mùi	—	2	giờ chiều	đến	4	—
—	Thân	—	4	—	6	—	
—	Dậu	—	6	—	8	—	
—	Tuất	—	8	giờ tối	đến	10	giờ tối
—	Hợi	—	10	—	12	—	

Những ngày có can Giáp, Kỷ thì gọi giờ tí là Giáp-tí

—	Ất, Canh	—	Bính-tí
—	Bính, Tân	—	Mậu-tí
—	Đinh, Nhâm	—	Canh-tí
—	Mậu, Quý	—	Nhâm-tí

Phép an Mệnh và Thân (coi đồ biểu số 1)

Phải hiểu rõ Mệnh Thân là gì ?

Mệnh tiếng nôm gọi là mạng tức là cái mạng lý của con người chuyên theo về ảnh-hưởng tinh-thần, thành ra cái quả hiển hiện ra ở đời này mà người ta gọi là Họa hay Phúc do bởi những cái nhân mà con người ấy kiếp trước đã tạo ra Theo Nho-học thì gọi là Thiên-mệnh.

Thân tức là cái thân xác con người phải biến đổi lẫn lộn trong đời hưởng thụ cái họa phúc, phú-quí hay chịu đựng những cái thống khổ, cơ hàn đau thương hầu để trả cái duyên nợ của mình và để tạo ra những cái nhân khác của những họa phúc kiếp sau. Như ta thường nói « Cha ăn mặn con khát nước » là do cái lý đó cả.

Phàm có người nói : Cung mệnh tức là xem ảnh-hưởng con người từ nhỏ đến chừng 30 tuổi và ngoài 30 tuổi thì xem thân. Như vậy chưa đúng vì là người ai cũng có cái mạng của mình nó phải luôn luôn đi đôi với cái thân. Số mà được mệnh vượng thân suy thì ắt được tinh thần sáng khái mà thân thì vất vả bôn chen về đường vật-chất, hay yếu tử.

Mệnh suy thân vượng thì ắt cái thiên mệnh suy kém hưởng cái quả ở đời không tốt nhưng cái thân xác được tráng kiện mạnh khỏe về đường vật-chất.

Vì có đó có nhiều người đặt ra nhiều lý-đoán như :

« Mệnh hảo bất như thân hảo.

Thân hảo bất như hạn hảo »

Như thế cũng không phải một Định-lệ chắc chắn để có thể kể vào lý-đoán được là vì như nói ở trên tức là chủ đích vào hạn. Hạn tốt thì không cần thân mệnh tốt nữa. Như vậy là lầm lẫn, hạn ở mỗi một cung là 10 năm qua đi là hạn khác ắt lại có sự thay đổi theo đại-hạn mới, tốt hay xấu tùy theo số, ít ai được 50,60 năm tốt liền liền, có được đi nữa cái tốt của hạn cũng không thể đổi được Địa-vị con người, những cách sử dụng tiếp vật của từng người một.

Vậy phải có cả Thân Mệnh đều tốt thì con người mới có sự tương đối đẹp đẽ về tinh-thần và xác thịt được. Nếu có phải gặp một đại-hạn xấu đi chẳng nữa thì nó cũng chỉ như bóng mây che mặt trời, hay mặt trăng thôi vậy. Sau khi bị cực thái lai, mây đen bị quét sạch thì mặt trời vẫn là mặt trời mà mặt trăng vẫn là mặt trăng vậy.

Một đời người tránh sao cho khỏi những lúc tiêu tức, thịnh suy. Nên Kinh dịch có nói rằng :

Âm thịnh dương suy — Âm tiêu dương trưởng. Đó

là cái Dịch-lý huyền huyền ảo ảo mà muôn vật đều phải chịu ảnh-hưởng cả. Cho nên khi thời tiểu nhân đang thịnh-vượng thì người quân-tử nên lánh đi, mà có lánh đi chẳng nữa thì người quân-tử vẫn là người quân-tử, kẻ tiểu-nhân có «Phú nhuần ốc» đi chẳng nữa thì vẫn là kẻ tiểu nhân. Con Phượng-hoàng nhỏ tí so sánh đứng chung với bầy gà cồ tuy bé nhỏ hơn nhưng vẫn là Phượng-hoàng vậy.

Vậy ta phải nhận xét cho thật chánh đáng cái nghĩa Thân Mệnh kéo có sự ngộ nhận rất đáng tiếc.

An Mệnh và Thân (coi đồ biểu số 1)

An mệnh thì theo tháng sinh tính thuận, và giờ tính nghịch.

An thân thì cũng theo tháng sinh và giờ sinh tính thuận.

Ví-dụ : Người sinh tháng 11 giờ Tí :

Gọi cung Dần ở địa-bàn là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh, xem ở cung nào, gọi cung ấy là giờ tí tính nghịch đến giờ sinh thì an Mệnh.

Theo địa-bàn trên lấy cung Dần làm tháng giêng tính đến tháng 11 tức là cung tí, lấy cung tí làm giờ Tí tính nghịch đến giờ sinh là giờ Tí. Đây giờ sinh là giờ tí, vậy Mệnh an ở cung Tí.

Ví-dụ : Người sinh tháng 9 giờ Dần.

Bắt đầu cung Dần gọi là tháng giêng đếm đến tháng 9 là cung Tuất, gọi cung tuất là giờ tí, tính nghịch đến giờ Dần là cung thân tức là phải an Mệnh ở cung thân.

An thân : vẫn lấy cung tuất là giờ Tí tính thuận đến giờ Dần tức là ở cung Tí, là an Thân ở cung Tí.

Lập số

Khi đã an Mệnh và Thân rồi thì lập thành số an theo cung vị của cung Mệnh 11 cung theo đây :

An theo chiều nghịch nam hay nữ cũng vậy :

- 1^o— Mệnh là chính mình,
- 2^o— Huynh-đệ là anh em ruột hay dì-bà,
- 3^o— Thê-thiếp là vợ mình (dàn-bà thì viết chữ Phu là chồng)
- 4^o— Tử-tức là con trai hay gái,
- 5^o— Tài-bạch là cửa cải,
- 6^o— Tật-nguy đau ốm hay tai biến,
- 7^o— Thiên-di là đi ra ngoài, phương xa.
- 8^o— Nô-bộc là tôi tớ (bạn bè giúp đỡ cũng xem cung này)
- 9^o— Quan-lộc là làm việc trong xã-hội (quan-chức, công nghệ hay thương-mãi).
- 10^o— Điền-trạch là nhà cửa ruộng đất,
- 11^o— Phúc-đức là phúc ấm tổ-tiên mồ mả,
- 12^o— Phụ-mẫu là cha mẹ.

Còn Thân thì có người cư Mệnh, cư tài, cư thê, cư quan, v.v., tùy từng số có nghĩa là cái thân mình phải chịu ảnh hưởng trực-tiếp cái cung mà nó cư xấu hay tốt tùy theo số.

— Xem trong 12 cung số trên đây ta thấy đều có sự ảnh hưởng và liên lạc trực tiếp với cả đời người :

— Người ta sinh ra ở đời là nhờ có phúc-ấm tổ tiên để lại, có cha mẹ mới có mình và anh chị em. Lớn lên dựng vợ gả chồng rồi sau có con cái thành gia thất ắt phải duy trì và củng cố làm việc cho có cửa cải, tiền bạc để nuôi dưỡng gia-đình. Trong một đời người ai khỏi đau ốm và trải qua những tai-

biến chỉ có khác nhau về chỗ lâu mau nặng nhẹ, đó là tùy cái căn kiếp mình đã định sẵn.

Lớn lên con người phải bôn ba đây đó gặp bạn bè tôi tớ giúp đỡ trong công việc của mình, phải làm việc tùy theo cái tài năng của mình. Lớn có nhiệm vụ lớn nhỏ có nhiệm vụ nhỏ, người thì làm quan kẻ làm nghề như nông công thương. Kiếm tiền dư dả thì tậu cửa tậu nhà, ruộng nương vườn tược, trong khi cuộc đời lên xuống trong những cơn hỉ nộ ai lạc về danh với lợi. Nhưng danh với lợi lúc nào cũng phải cùng đi với cái Đức để tồn tại bởi đắp thêm cái phúc. Cuộc tuần-hoàn của những giây liên-lạc con người cứ thế mà xoay ngày này sang ngày khác, tháng năm qua cứ như thế mãi mãi. Cho nên một số Tử-Vi lập thành tức là một cái đời người hiển hiện bằng những ảnh-hưởng các sao sắp đặt bởi những phương pháp đã qui-định trước cũng như các Phương-trình-thức của các môn Toán-pháp như Đại-số-học, Kỷ-hà-học vân vân.

LẬP CỤC (coi đồ biểu số 2)

Mệnh có ngũ hành của Mệnh ví-dụ như mộc mệnh, kim mệnh v.v. Lại còn có cục, cũng phải có ngũ-hành để có thể xem sinh khắc với chỗ nó an vào theo ngũ hành của Địa-chi (suy hay vượng sinh hay khắc.)

Ngũ-hành của cục để định cái chất của Thân hay là hành của Thân.

Trước khi lập cục phải nhớ :

- a) 5 câu ở bảng xem tháng coi trang 38
- b) 3 câu nạp-âm ở trang 35
- c) Xem mệnh an ở cung nào....

Những Định-lý cần-thiết đặt ra để lập-cục của 12 cung an Mệnh.

Định-lý. — Bắt đầu cung Dần, đếm theo Can tháng giêng của năm sinh.

Ví-dụ : Người sinh năm Giáp-tí thì tháng Giêng là Bính-dần bắt đầu đếm cung dần là Bính đếm theo chiều thuận đến cung Mệnh ở đâu thì ngưng ở đó :

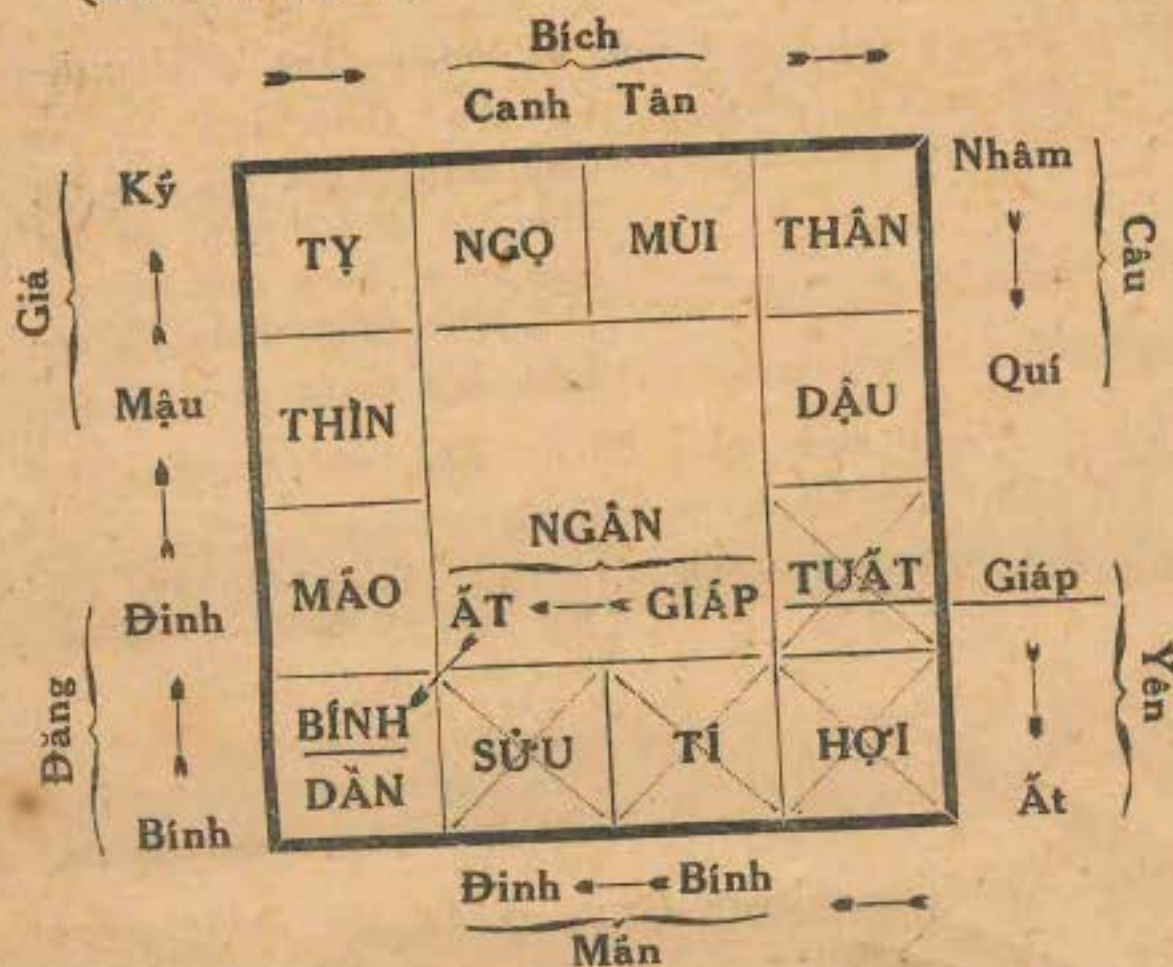
a) Nếu cung Mệnh ở được chỗ đúng con Giáp thì lấy con Giáp đó mà nạp-âm để biết hành của cục.

b) Nếu cung Mệnh ở chỗ lỗ cõ thì phải lấy Can của tháng giêng năm sinh bắt đầu từ cung dần đếm nghịch lại tới con giáp nào gần nhất thì lấy mà nạp-âm, bắt đầu từ con giáp đó đếm cho đến cung Mệnh.

10— Người sinh năm : Giáp, Kỷ gọi tháng giêng là Bính-dần. Ví-dụ : *an mệnh ở cung tí, sửu* : Bắt đầu từ cung dần lấy can Bính mà đếm thuận theo hàng Thiên Can (coi trong bản đồ dưới đây). Ta sẽ thấy Can Quý ở cung dậu, cứ đếm theo mãi cho đến cung tí và sửu thì ta thấy Bính và Đinh, tức là Mệnh ở vào hai cung lỗ cõ không đúng vào con Giáp nào, vậy bắt đầu từ cung Mệnh ấy tức là cung sửu tính nghịch lại là Can Đinh, Bính, Ất, Giáp, vậy là con Giáp-tuất gần nhất mà dùng.

HÌNH I

(Tìm CỤC những Người sinh năm Giáp-Kỷ)
(còn những năm khác cũng luận như trên)



Nạp-Âm : Giáp-Tí : Ngân-Đăng-Giá-Bích-Cầu
Giáp-Tuất : Yên-Mãn-Tự-Chung-Lâu

Theo bản đồ thì ta thấy 2 khu ảnh-hưởng của hai con Giáp : Nếu mệnh an ở cung : Tuất, Hợi, Tí, Sửu thì thuộc về con Giáp-tuất. Còn Mệnh an từ cung Dần đến cung Dậu thì thuộc về con Giáp-tí. Cứ theo hai câu nạp-âm của con Giáp-tí và Giáp-tuất thì ta được một bản sau này :

— Những người sinh năm Giáp và Kỷ ở trên và an Mệnh ở cung :

10— Tí, Sửu thì thuộc Thủy nhị-cục (mãn)
Dần, Mão — Hỏa lục-cục (đăng)
Thìn, Tỵ — Mộc tam-cục (giá)

Ngọ, mùi	—	Thổ ngũ-cục (bích)
Thân, Dậu	—	Kim tứ-cục (câu)
Tuất, Hợi	—	Hỏa lục-cục (yên)

II^o— Người sinh năm Canh, Ất, tháng giêng là Mậu-dần

An mệnh ở cung : Tí, Sửu thuộc hỏa lục cục
Dần, Mão thuộc thổ ngũ cục
Thìn, Tỵ thuộc kim tứ cục
Ngọ, Mùi thuộc mộc tam cục
Thân, Dậu thuộc thủy nhị cục
Tuất, Hợi thuộc thổ ngũ cục

III^o— Người sinh năm Bính, Tân, gọi tháng giêng là Canh-dần

An mệnh ở cung : Tí, Sửu thuộc thổ ngũ cục
Dần, Mão thuộc mộc tam cục
Thìn, Tỵ thuộc thủy nhị cục
Ngọ, Mùi thuộc kim tứ cục
Thân, Dậu thuộc hỏa lục cục
Tuất, Hợi thuộc mộc tam cục

IV^o— Người sinh năm Đinh, Nhâm gọi tháng giêng là Nhâm-dần

An mệnh ở cung : Tí, Sửu thuộc mộc tam cục
Dần, Mão thuộc kim tứ cục
Thìn, Tỵ thuộc hỏa lục cục
Ngọ, Mùi thuộc thủy nhị cục
Thân, Dậu thuộc thổ ngũ cục
Tuất, Hợi thuộc kim tứ cục

V^o— Người sinh năm Mậu, Quý gọi tháng giêng là Giáp-dần

An mệnh ở cung : Tí, Sửu thuộc kim tứ cục
Dần, Mão thuộc thủy nhị cục
Thìn, Tỵ thuộc thổ ngũ cục
Ngọ, Mùi thuộc hỏa lục cục
Thân, Dậu thuộc mộc tam cục
Tuất, Hợi thuộc thủy nhị cục

Theo năm bảng ở trên tức là 6 con Giáp cộng là 60 năm, xem cục của Mệnh an trong 12 Địa-chỉ thuộc hành gì ?

— Có bạn muốn hỏi : Tại sao gọi là Thủy nhị cục, hay mộc tam cục là nghĩa làm sao ?

— Phần nhiều những sách Tàu để lại những thuyết-lý chắc chắn mà mơ hồ, là tại có lẽ các tác-giả cho sự chú-giải tỉ mỉ là thừa, tưởng như ai cũng đã đến được bậc thông hiểu rồi, mà chính những chỗ khúc-triệt ấy mà Học-giả phải tốn nhiều công phu tìm kiếm không ra mà phải bỏ hay hiểu một cách mơ hồ cho nên mới gọi nó là huyền-bí. Nhưng cái gì chẳng có cái nguyên-lý của nó.

Đến đây tôi xin các bạn cùng tôi trở về Dịch-lý hầu có thể giải được cái nghĩa câu hỏi ở trên đây.

Tôi vẽ dưới đây những đồ Tiên và Hậu thiên Bát-quái. (Xin coi quyển Dịch kinh khảo biện của tôi giải rõ). Đây tôi chỉ nói sơ qua để mau hiểu cái nguyên-lý tóm tắt những sự nhận xét và công dụng mà thôi, muốn hiểu cho thật rõ tỉ mỉ thì phải một quyển sách mới hết, vậy xin các học-giả lượng thứ cho (D.K.K.B. tôi sẽ xuất bản sau).

Trong Tử-vi Đầu-số đã dùng :

2 số của thủy và hỏa cục theo Tiên-thiên.

2 số của mộc và kim cục theo Hậu-thiên

1 số của thổ ngũ cục của cả tiên hậu thiên hay là số quân-bình.

Giải về Thủy và Hỏa cục :

Theo Tiên-thiên tức là tượng mà nói Hậu-thiên tức là Hình

a) Chất thủy ở Hậu-thiên tức là quẻ Khảm ở chính Bắc mà trong Tiên-thiên lại tượng là quẻ Khôn. Khôn là số 2 theo Lạc-thư vì vậy lấy tượng mà gọi hình nên gọi là thủy nhị cục.

b) Chất hỏa ở Hậu-thiên tức là quẻ Ly ở về chính Nam mà trong Tiên-thiên lại tượng là quẻ Kiền. Kiền là số 6 ở Lạc thư vì vậy lấy tượng gọi hình nên gọi là Hỏa lục cục.

Giải về Mộc và Kim cục :

Mộc là chất của quẻ Chấn ở về chính Đông :

Kim là chất của quẻ Đoài ở chính Tây trong đồ Hậu-thiên bát quái.

Theo Hà-đồ lập thành Hậu-thiên thì :

Chấn số 3 nên gọi Mộc tam cục.

Đoài số 4 nên gọi Kim tứ cục.

Còn thổ cục thì có số 5. Trong Dịch có nói rằng : Thiên ngũ sinh thổ Địa thập thành chi, là cái lẽ ấy vậy.

Cái lý của Khoa-học cổ truyền Á-đông không có cái nào có thể ra khỏi cái Lý-Thái-hòa của trời-đất, âm-dương, do đó cái Thiên-lý mới tồn tại, cái Vũ-trụ mới còn đến nay, sự sinh-tồn mới tiếp tục.

Hình Tiên, Hậu-Thiên Bát-quái (trang 49)

Vòng ngoài là : **Hậu-Thiên Bát-quái :**

Kiến, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Vòng trong là : **Tiên-Thiên Bát-quái :**

Kiến, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn.

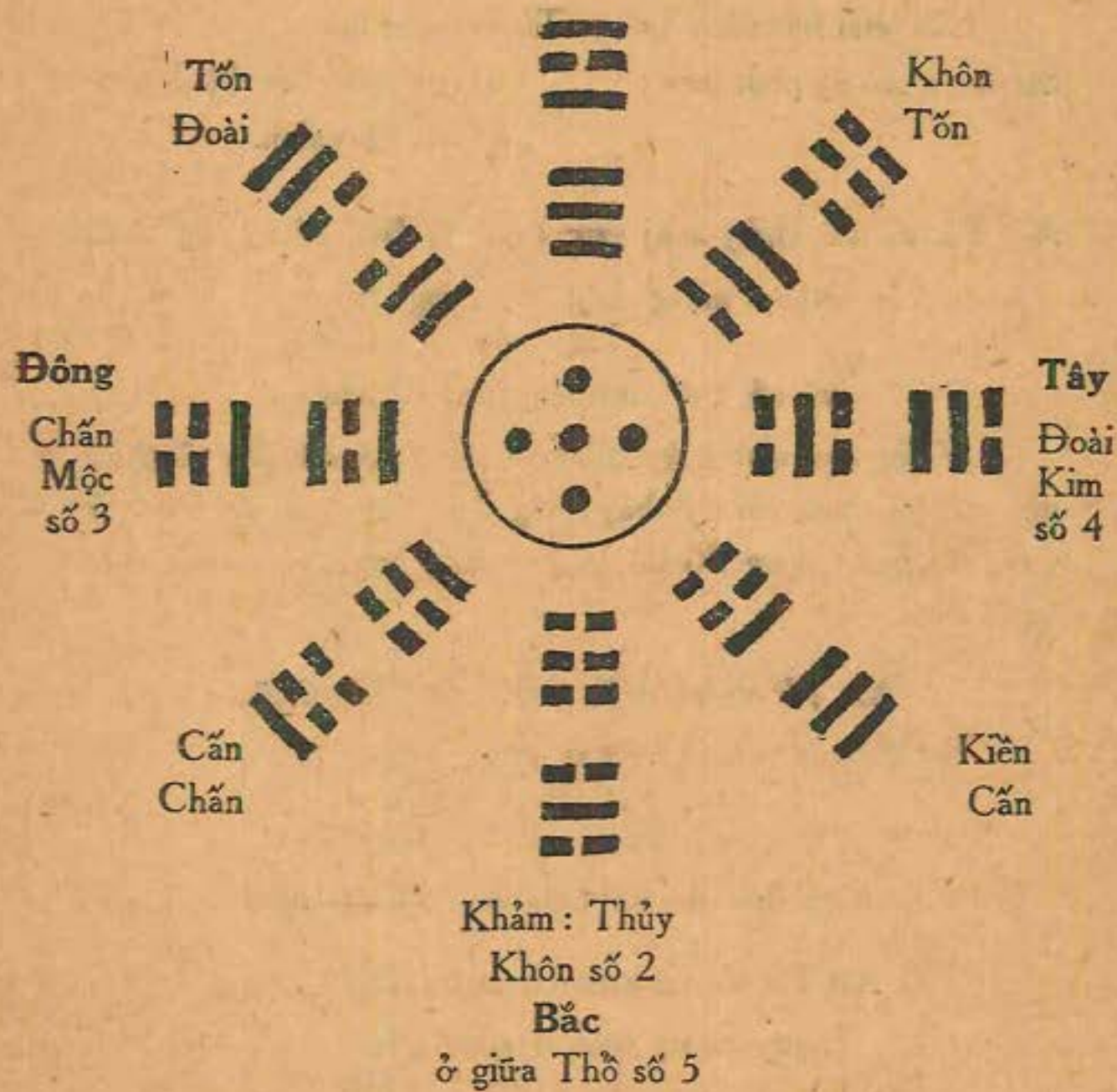
Hình Tiên và Hậu-Thiên Bát-quái

XXXXXXXXXX

Nam

Ly : Hỏa

Kiến : Số 6



An Tử-vi về thỏ ngũ cục : lấy 5 số :

ngày	mùng	một	ở	cung	Ngọ
—		hai	—		Hợi
—		ba	—		Thìn
—		bốn	—		Sửu
—		năm	—		Dần

An Tử-vi về hỏa lục cục : lấy 6 số :

ngày	mùng	một	ở	cung	Dậu
—		hai	—		Ngọ
—		ba	—		Hợi
—		bốn	—		Thìn
—		năm	—		Sửu
—		sáu	—		Dần

và cứ theo thế mà tính lên mái.

Trên đây là 5 Đồ-biểu dùng để an sao Tử-vi theo 5 cục.

...

SAO THIÊN-PHỦ

Sao Thiên-phủ thì phải an theo cung của sao Tử-vi (coi đồ biểu số 3).

Nếu sao Tử-vi ở cung Dần thì an sao Thiên-phủ ở ngay cung đó, Tử-vi ở cung Mão thì Thiên-phủ ở cung Sửu.

—	Thìn	—	Tí
—	Tỵ	—	Hợi
—	Ngọ	—	Tuất
—	Mùi	—	Dậu
—	Thân	—	Thân

và cứ theo như vậy mà an.

An các sao Nam Bắc Đẩu (coi đồ biểu số 4)

Thơ an Tử-vi và các vị theo sau (5 vị)

*Tử-vi Thiên-cơ nghịch hành bàng,
Cách nhất Dương Vũ Thiên Đồng đương,
Hựu cách nhị vị Liêm-trinh địa,
Không tam phục kiến Tử-vi lang.*

Giải nghĩa : Bắt đầu an sao Tử-vi ngược lại cung đằng sau thì an Thiên-cơ.

Bỏ một cung thì an sao Thái-dương, đến sao Vũ-khúc rồi đến Thiên-đồng, bỏ hai cung an sao Liêm-trinh.

Đếm ba cung bỏ không rồi lại đến cung sao Tử-vi (để thử xem có trùng không).

Thơ an sao Thiên-phủ và 7 vị theo sao

*Thiên-phủ Thái-âm dự Tham-lang,
Cự-môn Thiên-tướng cập Thiên-lương,
Thất-sát không tam Phá-quân vị,
Bát tinh thuận số tế suy trường.*

Giải nghĩa : Bắt đầu theo sao Thiên-phủ thuận theo cung đằng trước thì an sao Thái-âm, rồi đến sao Tham lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát mỗi cung một sao, rồi để cách 3 cung thì an Phá quân.

(Coi đồ biểu số 4)

14 Chính-diệu thuộc Nam Bắc Đẩu-tinh biến-hóa

Cát-hung và phân ngũ-hành

10— Tử-vi gọi tắt là TỬ, thuộc *dương Thổ*, sao ở giữa Trời là sao Nam-Bắc-đẩu, hóa Đế-tọa chủ Quan lộc.

2^o— Thiên-cơ gọi tắt là CƠ thuộc âm mộc, là sao Nam đầu, hóa Thiên chủ về anh em.

3^o— Thái-dương gọi tắt là Dương thuộc dương hỏa, là sao Nam Bắc đầu hóa Quý chủ về Quan-lộc.

4^o— Vũ-khúc gọi tắt là Vũ thuộc âm kim là sao Bắc-đầu hóa Tài chủ Tài-bạch,

5^o— Thiên-đồng gọi tắt là Đồng, thuộc dương thủy đá kim là sao Nam đầu hóa Phúc, chủ Phúc-đức.

6^o— Liêm-trinh gọi tắt là Liêm thuộc âm hỏa là sao Bắc đầu tinh, hóa Sát, là từ-tụng, ở quan-lộc thì chủ lộc, ở Thân là sao Đào-hoa thứ nhì.

7^o— Thiên-phủ gọi tắt là Phủ thuộc âm thổ là sao Nam đầu-tinh, hóa Mệnh-lệnh chủ tài-bạch và điền-trạch.

8^o— Thái-âm gọi tắt là Âm hay là Nguyệt, thuộc âm thủy là sao Nam Bắc Đầu hóa Phú chủ tài-bạch và điền-trạch.

9^o— Tham-lang thuộc âm thủy đá mộc gọi tắt là Tham, là sao Bắc-đầu-tinh hóa Đào-hoa, sát, chủ họa-phúc.

10^o— Cự-môn gọi tắt là Cự thuộc âm thổ đá thủy, là sao Bắc-đầu-tinh hóa Âm chủ thị-phi.

11^o— Thiên-tướng gọi tắt là Tướng thuộc dương thủy đá mộc là sao Nam-đầu-tinh hóa Ấn-tín chủ về quan-lộc,

12^o— Thiên-lương gọi tắt là Lương thuộc âm thổ đá mộc là sao Nam-đầu-tinh hóa Âm chủ sống lâu.

13^o— Thất-sát gọi tắt là Sát thuộc dương hỏa đá kim là sao Nam-đầu tinh hóa Tướng-tinh, gặp Đế (Tử-vi) là sao Quyền quý.

14^o— Phá-quân gọi tắt là Phá thuộc dương thủy đá thổ là Bắc-đầu tinh hóa Hạc-tán về sự-nghiệp, vợ chồng, con cái, bạn bè, dầy-tở.

Có tất cả 14 Chính-tinh gọi là Chính-Diệu tôi đã an trên đây. Bắt đầu từ đây thì an các Bàng-tinh.

Có 4 Sao là : Văn-xương, Văn-khúc, Tả-phụ, Hữu-bật, ảnh-hưởng cũng mạnh hơn các Bàng-tinh và kém hơn các Chính-tinh có sách kê 4 sao trên đây vào hàng Chính diệu. Nhưng đây tôi kê vào hàng Trung-tinh.

An sao Văn-xương, Văn-khúc
(phải theo giờ sinh)

150— Văn-xương gọi tắt là Xương, thuộc kim đới thổ là sao Nam đầu tinh chủ về Khoa giáp.

— Gọi cung Tuất là cung tí tính nghịch đến giờ sinh thì an Văn-xương.

(Ví-dụ : người sinh giờ Hợi thì an Văn-xương ở cung Hợi người sinh giờ Dần thì an Văn-xương ở cung Thân.

160 — Văn-khúc gọi tắt là Khúc, thuộc thủy đới hỏa là Bắc-đầu-tinh, đứng đầu Văn-khôi khoa-giáp.

— Gọi cung Thìn là cung tí tính thuận đến giờ sinh thì an Văn-khúc. Ví-dụ : người sinh giờ Hợi thì an Văn-khúc ở cung Mão, sinh giờ Dần thì an Văn-khúc ở cung Ngọ.

An sao Tả-phụ, Hữu-bật
(phải theo tháng sinh)

17-18— Hai sao Tả-phụ, Hữu-bật gọi tắt là Phụ, Bật hay Tả-Hữu thuộc thổ, là Bắc-đầu tinh, chủ sự giúp-đỡ và là Lệnh tinh.

— Gọi cung Thìn, là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an Tả-phụ. (thuộc Thổ đới kim).

— Gọi cung Tuất là tháng giêng tính nghịch đến tháng sinh thì an Hữu-bật, (thuộc Thổ đới thủy).

(Ví-dụ : người sinh tháng ba, thì an Tả-phụ ở cung
ngọ và Hữu-bật ở cung thân).

An sao Thiên-khôi Thiên-việt
(phải theo can của năm sinh)

19-20— Thiên-khôi, Thiên-việt gọi tắt là Khôi, Việt
thuộc Hỏa Nam đầu tinh, chủ về văn-chương khoa giáp.

Khôi thuộc Hỏa đái kim

Việt — — đái mộc

Phải thuộc 6 câu thơ này.

10— Giáp, Mậu thì Ngưu Dương,

20— Ất Kỷ Thử Hầu hương,

30— Canh Tân phùng Mã Hồ,

40— Nhâm Quý Thế Xà tàng,

50— Bính Đinh Trư Kê vị,

60— Thử thì Quý nhân phương.

Giải nghĩa : Người sinh năm Giáp Mậu thì an
Khôi ở cung Sửu (ngưu)
Việt ở cung Mùi (dương)

Người sinh năm Ất năm Kỷ thì an :
Khôi ở cung Tí (thử)
Việt ở cung Thân (hầu)

Người sinh năm Canh năm Tân thì an :
Khôi ở cung Ngọ (mã)
Việt ở cung Dần (hồ)

Người sinh năm Nhâm năm Quý thì an :
Khôi ở cung Mão (thố)
Việt ở cung Tỵ (xà)

Người sinh năm Bính năm Đinh thì an :
Khôi ở cung Hợi (trư)
Việt ở cung Dậu (kê)

An sao Thiên-mã
(phải theo chi của năm sinh)

21— Thiên-mã gọi tắt là Mã thuộc hỏa.

Người sinh năm :

Dần, Ngọ, Tuất	thì an Thiên-mã ở cung Thân
Thân, Tí, Thìn	— — — — —
Ty, Dậu, Sửu	— — — — —
Hợi, Mão, Mùi	— — — — —

An sao Lộc-tồn
(phải theo Thiên can năm sinh)

22— Lộc-tồn cũng gọi là Lộc thuộc âm thủy Bắc-dầu
tinh chủ về chức-tước, quý thọ.

Sinh năm	Giáp an	Lộc ở	cung	Dần
—	Ất	—		Mão
—	Bính, Mậu	—		Ty
—	Đinh, Kỷ	—		Ngọ
—	Canh	—		Thân
—	Tân	—		Dậu
—	Nhâm	—		Hợi
—	Quý	—		Tí

An sao Bác-sĩ

23— Sao Bác-sĩ thuộc thủy chủ thông-minh,

— Theo sao Lộc-tồn ở đâu thì an ở đó.

Đám sao A : Bắt đầu từ sao Bác-sĩ an theo 11 vị nữa mỗi
cung một vị :

— Đàn-ông dương nam và đàn-bà âm-nữ thì an theo
chiều thuận.

— Đàn ông âm nam và đàn-bà dương-nữ thì an theo
chiều nghịch,

- 23— Bác-sĩ chủ thông-minh có quyền-bính,
- 24— Lực-sĩ thuộc hỏa chủ quyền-thế,
- 25— Thanh-long thuộc thủy chủ vui mừng, tiến tài-lộc,
- 26— Tiểu-hao thuộc hỏa chủ hao tán tiền-tài,
- 27— Tướng-quân thuộc mộc chủ oai-quyền uy-võ,
- 28— Tấu-thư thuộc kim là Thiên-lộc chủ an, chủ phúc có
văn thư,
- 29— Phi-liêm thuộc hỏa chủ hình sát cô đơn,
- 30— Hỉ-thần thuộc hỏa chủ hỉ-khí tốt lành,
- 31— Bệnh-phù thuộc hỏa chủ bệnh tật tai-họa,
- 32— Đại-hao thuộc hỏa chủ phá tài, bỏ quê cha đất tổ,
- 33— Phục-binh thuộc hỏa chủ hình thương và âm mưu,
- 34— Quan-phù chủ thị-phi khẩu-thiệt hình thương.

An sao Thái-tuế

- 35— **Đám sao B** : Thuộc âm hỏa, sao Thái-tuế là đầu một
đám Sao có 12 vị. Phép an phải theo chiều thuận cứ
theo năm sinh mà an, như sinh năm Hợi thì an Thái-
tuế vào cung Hợi rồi theo chiều thuận an 11 vị theo
sau mỗi cung một vị.

— Thái-tuế tính thích tính ghét náo, chủ quan-sự cái cọ
hợp cách thì làm nhà Biện-thuyết, Luật sư.

- 36— Thiếu-dương sao nhỏ cũng tốt,
- 37— Tang-môn thuộc mộc chủ về tang-thương,
- 38— Thiếu-âm thì bình thường,
- 39— Quan-phủ thuộc hỏa chủ kiện tụng khẩu thiệt,
- 40— Tử-phù sao xấu chủ tai vạ tử vong,

- 41— Tuế-phá là sao xấu chủ phá tài,
42— Long-dức chủ sự vui mừng,
43— Bạch-hồ thuộc kim chủ hình thương, bệnh-tật về máu huyết,
44— Phúc-dức là sao tốt bình thường,
45— Điều-khách là sao xấu chủ thích sự lang thang bài bạc điếm-trang,
46— Trục-phù là sao xấu chủ bị quan tai không tránh được.

**An sao Trường-sinh
(phải lấy cục mà an)**

- 47— Hỏa cục an Trường sinh ở cung Dần
Mộc — Hợi
Kim — Tỵ
Thủy — Thân

An được Trường-sinh rồi thì an theo 11 vị sau này :

Đàn-ông dương-nam và đàn-bà âm-nữ thì an theo chiều thuận,

Đàn-ông âm-nam và đàn-bà dương-nữ an theo chiều nghịch mỗi vị một cung,

Đám sao C : Trường-sinh chủ sự mới sinh ra

- 48— Mộc-dục — tắm gội
49— Quan-dái — mặc khăn áo
50— Lâm-quan — lúc đã khôn lớn
51— Đỡ-vượng — lúc thịnh vượng
52— Suy — lúc suy yếu
53— Bệnh — ốm đau

54— Tử	—	chết
55— Mộ	—	chôn cất
56— Tuyệt	—	mất hẳn đi
57— Thai	—	trở thành thai
58— Dưỡng	—	nuôi dưỡng

Trên đây là 12 vị chủ những sự tiêu-trưởng của người ai cũng phải trải qua vậy. Đó là một vòng tuần-hoàn bất di bất dịch.

An Ân-quang, Thiên-quí
(phải theo ngày sinh)

- 59— Ân-quang thuộc dương mộc chủ sự sáng-sủa và quý cách,
— Xem Văn-xương ở cung nào gọi cung ấy là mừng một
tính thuận đến ngày sinh lùi lại một cung thì an Ân-
quang.
- 60— Thiên-quí thuộc dương thổ chủ quý-hiền,
— Xem sao Văn-khúc ở cung nào gọi cung ấy là mừng
một tính nghịch đến ngày sinh lùi lại một cung thì an
sao Thiên quí.

An Tam-thai, Bát-tọa;
(phải theo ngày sinh)

Hai sao tốt chủ những hành trang nghi-tiết, quý-hiền

- 61— Xem sao Tả-phụ ở cung nào gọi cung ấy là mừng một
tính thuận đến ngày sinh thì an sao Tam-thai.
- 62— Xem sao Hữu-bật ở cung nào thì gọi cung ấy là ngày
mừng một tính nghịch đến ngày sinh thì an sao Bát-tọa.

Ví-dụ : người sinh ngày 15 thì Tả-phụ ở cung Ngọ, bắt
đầu từ cung ngọ gọi là mừng một tính thuận đến ngày 15 tức
là cung Thân thì an Tam-thai.

Cũng lấy ví-dụ trên thì Hữu-bật ở cung Thân, bắt đầu từ cung thân gọi là mùng một tính nghịch đến ngày 15 tức là cung Ngọ thì an Bát-tọa.

**An Long-trì Phượng-các,
(phải theo năm sinh)**

Hai sao đều chủ về khoa giáp quyền-quí,

63— Long-trì thuộc âm thủy, Gọi cung Thìn là năm Tí tính thuận đến năm sinh thì an Long-trì.

64— Phượng-các thuộc dương thổ, Gọi cung Tuất là cung Tí tính nghịch đến năm sinh thì an Phượng-các.

Ví-dụ : Người sinh năm Hợi thì an Long-trì ở cung Mão và Phượng-các ở cung Hợi.

An TỨ-HÓA

(phải theo thiên can của năm sinh)

Tứ-Hóa là : 1^o — Hóa-lộc ; 2^o — Hóa-quyền ;
3^o — Hóa-khoa ; 4^o — Hóa-ky

65— Hóa-lộc gọi tắt là Lộc thuộc dương thổ gặp được Lộc-tồn nơi đắc-địa thì tốt lắm.

66— Hóa-quyền gọi tắt là Quyền, thuộc dương mộc gặp Cự-môn Vũ-khúc thì tốt lắm (đại phú-quí).

67— Hóa-khoa gọi tắt là Khoa thuộc âm thủy hội với Khôi-việt thì tốt.

68— Hóa-ky gọi tắt là Ky thuộc âm-thủy tức là sao Kế-đô chủ sự trắc-trở, ám che.

Phép an 4 sao trên phải thuộc 10 câu thơ dưới đây :

- 1.— Giáp Liêm Phá Vũ Dương vi bạn,
- 2.— Ất Cơ Lương Tử Nguyệt giao xuân,
- 3.— Bính Đồng Cơ Xương Liêm-trinh vi,
- 4.— Đinh Nguyệt Đồng Cơ Cự-môn tằm,
- 5.— Mậu Tham Nguyệt Bát Cơ vi chủ,
- 6.— Kỷ Vũ Tham, Lương Khúc tối bình,
- 7.— Canh Nhật Vũ Âm Đồng vi thủ,
- 8.— Tân Cự Dương Khúc Xương chí lâm,
- 9.— Nhâm Lương Tử Phụ Vũ tú thi,
- 10.— Quý Phá Cự Âm Tham-lang đình,

Giải-nghĩa : 10— Sinh năm Giáp thì an Lộc với Liêm-trinh, Quyền với Phá-quân, Khoa với Vũ-khúc, Kỵ với Thái-dương.

20— Sinh năm Ất thì an Lộc với Thiên-cơ ; Quyền với Thiên-lương, Khoa với Tử-vi ; Kỵ với Thái-âm.

30— Sinh năm Bính thì an Lộc với Thiên-đồng ; Quyền với Thiên-cơ ; Khoa với Văn-xương ; kỵ với Liêm-trinh.

40— Sinh năm Đinh thì an Lộc với Thái-âm ; Quyền với Thiên-đồng ; Khoa với Thiên-cơ, Kỵ với Cự-môn.

50— Sinh năm Mậu thì an Lộc với Tham-lang ; Quyền với Thái-âm ; Khoa với Hữu-bật ; Kỵ với Thiên-cơ.

60— Sinh năm Kỷ thì an Lộc với Vũ-khúc ; Quyền với Tham-lang ; Khoa với Thiên-lương ; Kỵ với Văn-khúc.

70— Sinh năm Canh thì an Lộc với Thái-dương ; Quyền với Vũ-khúc ; Khoa với Thái-âm ; Kỵ với Thiên-đồng.

80— Sinh năm Tân thì an Lộc với Cự-môn ; Quyền với Thái-dương ; Khoa với Văn-khúc ; Kỵ với Văn-xương.

90— Sinh năm Nhâm thì an Lộc với Thiên-lương; Quyền với Tử-vi ; Khoa với Tả-phụ ; Kỵ với Vũ-khúc.

100— Sinh năm Quý thì an Lộc với Phá-quân ; Quyền với Cự-môn ; Khoa với Thái-âm ; Kỵ với Tham-lang.

An Hồng-loan
(phải lấy năm sinh)

69— Gọi tắt là Hồng, thuộc âm kim chủ sự đẹp để may mắn.

— Gọi cung mao là cung Tí tính nghịch đến năm sinh thì an Hồng-loan : Ví-dụ : Người sinh năm Tí thì Hồng-loan an ngay ở Mão ; người sinh năm Sửu thì tính nghịch lại một cung thì an Hồng-loan ở cung Dần.

An Thiên-hỉ thuộc dương mộc

70— An ở cung đối với cung Hồng-loan. Ví-dụ : Hồng-loan ở cung Mão thì Thiên hỉ an ở cung Dậu.

An Đào-hoa
(phải theo năm sinh)

71— Gọi tắt là Đào thuộc âm mộc, chủ sắc đẹp và may mắn.

Người sinh năm : Dần, Ngọ, Tuất thì Đào-hoa an ở cung Mão

Thân, Tí, Thìn	—	Dậu
Tỵ, Dậu, Sửu	—	Ngọ
Hợi, Mão, Mùi	—	Tí

An sao Thiên-phúc Quý-nhân
(phải theo thiên can của năm sinh)

72— Chủ âm-phúc tốt lành quý hiển :

Người sinh năm	Giáp thì an Thiên-phúc ở cung	Dậu
—	Ất	—
—	Bính	—
—	Đinh	—
—	Mậu	—
—	Kỷ	—
—	Canh	—
—	Tân	—
—	Nhâm	—
—	Quý	—
		Thân
		Tí
		Hợi
		Mão
		Dần
		Ngọ
		Tỵ
		Ngọ
		Tỵ

An sao Thiên-Đức, Nguyệt-Đức
(phải theo năm sinh)

- 73— Gọi cung Dậu là cung Tí, tính thuận đến năm sinh thì an Thiên-Đức.
- 74— Gọi cung Tỵ là cung Tí, tính thuận đến năm sinh thì an Nguyệt-Đức.

An sao Thiên-tài, Thiên-thọ
(phải theo năm sinh)

- 75— Gọi cung Mệnh là cung Tí, tính thuận đến năm sinh thì an Thiên-tài.
- 76— Gọi cung Thân (Mệnh) là cung Tí, tính thuận đến năm sinh thì an Thiên-thọ.

Ví-dụ : Người sinh năm Tí thì an Thiên-tài ở cung Mệnh và Thiên-thọ ở cung Thân (Mệnh).

An sao Thai-phụ, Phong-cáo
(phải theo giờ sinh)

- 77— Thai-phụ gọi tắt là Phụ thuộc âm thổ.
- 78— Phong-cáo gọi tắt là Cáo thuộc dương thổ. Cáo-Phụ chủ về quan tước, chức phong, âm-phúc.

— Gọi cung Ngọ là giờ Tí, tính thuận đến giờ sinh thì an Thai-phụ.

— Gọi cung Dần là giờ Tí, tính thuận đến giờ sinh thì an Phong-cáo.

Ví-dụ : Sinh giờ Dậu thì an Thai-phụ ở cung Mão và Phong-cáo ở cung Hợi.

An Mệnh-chủ (phải theo cung Mệnh)

Thân-chủ (phải theo năm sinh)

79— Mệnh lập ở cung Tí, thì an Mệnh chủ với Tham-lang.

—	Hợi	—	Cự-môn.
—	Dần, Tuất	—	Lộc-tồn.
—	Mão, Dậu	—	Văn-khúc.
—	Ngọ	—	Phá-quân.
—	Thân, Thìn	—	Liêm-trình.
—	Mùi, Tỵ	—	Vũ-khúc.

80— Người sinh năm Tí, thì an Thân chủ với Hỏa-tinh.

—	Ngọ	—	Linh-tinh.
—	Sửu, Mùi	—	Thiên-tướng.
—	Dần, Thân	—	Thiên-lương.
—	Thìn, Tuất	—	Văn-xương.
—	Tỵ, Hợi	—	Thiên-cơ.
—	Mão, Dậu	—	Thiên-đồng.

81— **An Hoa-cái thuộc Kim**
(phải theo năm sinh)

Người sinh năm : Thân, Tí, Thìn thì an ở cung Thìn.

—	Dần, Ngọ, Tuất	—	Tuất.
—	Tỵ, Dậu, Sửu	—	Sửu.
—	Hợi, Mão, Mùi	—	Mùi.

82— **An Kinh-dương hay là Dương-nhận**

83— **Đà-la. Hai sao thuộc âm hỏa**

Hạn mà có hai sao này hợp với hung tinh ắt rất nhiều họa hoạn, công việc gì cũng đều thất lợi.

— Phải theo sao Lộc-tồn mà an. Lộc-tồn ở cung nào thì an Dương-nhận ở cung đằng trước và an Đà-la ở cung đằng sau.

Ví-dụ : Lộc-tồn ở cung Tí, thì Dương-nhận ở cung Sửu và Đà-la ở cung Hợi.

84— **An Thiên-không: thuộc hỏa**

— Xem sao Thái-tuế ở cung nào thì an Thiên-không ở cung đằng trước.

Ví-dụ : Thái-tuế ở cung Hợi thì Thiên-không ở cung Tí.

85— **An sao Thiên-hình
(phải theo tháng sinh)**

— Gọi cung Dậu là tháng giêng, tính thuận đến tháng sinh thì an Thiên-hình,

Ví-dụ : Người sinh tháng bảy, gọi cung dậu là tháng giêng tính thuận đến cung Mão thì an Thiên-hình.

86— **An Thiên-riêu : thuộc dương hỏa
Thiên-y (phải theo tháng sinh)**

— Gọi cung Sửu là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an Thiên-riêu và Thiên-y cùng ở một cung.

Ví-dụ : Người sinh tháng 7 thì gọi cung sữu là tháng giêng tính đến cung Mùi thì an Thiên-riêu và Thiên-y.

87— **An Địa-kiếp**

88— **Địa-không (phải theo giờ sinh)**

— Gọi cung Hợi là giờ tí tính thuận đến giờ sinh thì an Địa-kiếp. Cũng cung Hợi gọi là giờ Tí tính nghịch đến giờ sinh thì an Địa-không.

Ví-dụ : Người sinh giờ dậu thì Địa-kiếp ở cung Thân và Địa-không ở cung Dần.

89-90 **An Cô-thần Quả-tú
(phải theo năm sinh)**

Thuộc hành, Thổ chủ sự cô-đơn, hiếm-hoi, nếu ở cung Tài-bạch và Điền-trạch là giữ được của.

Người sinh năm Dần, Mão thì an Cô-thần ở cung Tỵ Quả-tú ở cung Sửu.

Tỵ, Ngọ, Mùi	—	Thân	—	Thìn
Thân, Dậu, Tuất	—	Hợi	—	Mùi
Hợi, Tí, Sửu,	—	Dần	—	Tuất.

91— **An Đầu-quân hay Nguyệt-tướng**

Xem sao Thái-tuế ở cung nào thì gọi cung ấy là tháng giêng tính nghịch đến tháng sinh, rồi từ cung ấy tính thuận đến giờ sinh thì an sao Đầu-quân.

Ví-dụ : Người sinh tháng 7 giờ dậu Thái-tuế an ở cung Hợi thì an Đầu-quân ở cung Dần.

92-93 **An Hỏa-tinh và Linh-tinh
(phải theo giờ sinh)**

Hai sao thuộc dương hỏa là Nam-đầu trợ tinh

— Trước khi an phải phân biệt người sinh là Âm hay dương Nam hay Nữ.

Người Dương-nam Âm-nữ : Hỏa-tính tính thuận đến giờ sinh
Linh-tính tính nghịch đến giờ sinh

Người Âm-nam Dương-nữ : Hỏa-tính tính nghịch đến giờ sinh
Linh-tính tính thuận đến giờ sinh.

Và phải nhớ 4 câu thơ sau này để biết cung đầu :

1^o Dần, Ngọ, Tuất nhân Sửu, Mão phương.

2^o Thân, Tí, Thìn nhân Dần, Tuất dương.

3^o Tỵ, Dậu, Sửu nhân Mão, Tuất vị.

4^o Hợi, Mão, Mùi nhân Dậu Tuất phòng.

Giải-nghĩa : Người sinh năm : Dần, Ngọ, Tuất :

1^o— Dương-nam thì lấy cung Sửu là giờ Tí tính
Âm-nữ **thuận** đến giờ sinh an Hỏa-tính.

Lấy cung Mão là giờ Tí tính **nghịch**
đến giờ sinh thì an Linh-tính.

2^o— Âm-nam thì lấy cung Sửu là giờ Tí tính
Dương-nữ **nghịch** đến giờ sinh thì an Hỏa
tính.

Lấy cung Mão là giờ Tí tính
thuận đến giờ sinh thì an Linh-tính.

Sinh các năm khác cũng thế lấy Âm-Dương phân như
trên mà tính theo thuận hay nghịch ; chỉ khác có chỗ lấy cung
bắt đầu là giờ Tí thì phải theo như sau đây :

Người sinh năm : Thân, Tí, Thìn :

Hỏa-tính lấy cung Dần là giờ Tí.

Linh-tính lấy cung Tuất là giờ Tí,

Ty, Dậu, Sửu : Hỏa-tinh lấy cung Mão là giờ tí

Linh-tinh — Tuất —

Hợi, Mão, Mùi : Hỏa-tinh — Dậu —

Linh-tinh — Tuất —

94—

An Kiếp sát

(phải theo năm sinh)

Thuộc âm-hỏa chủ Hư-không.

Người sinh năm : Dần, Ngọ, Tuất thì an Kiếp-sát ở cung Hợi

Thân, Tí, Thìn — Ty

Ty, Dậu, Sửu — Dần

Hợi, Mão, Mùi — Thân

95—

An Giải-thần

(phải theo năm sinh)

Gọi cung Tuất là năm Tí tính nghịch đến năm sinh thì an giải-thần.

Ví-dụ : Người sinh năm Hợi thì an giải-thần ở cung Hợi người sinh năm dần thì an ở cung Thân.

96—

An Thiên-giải

(phải theo tháng sinh)

— Ảnh-hưởng cũng như Giải-thần là vị sao cứu-trợ.

— Gọi cung Thân là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an Thiên-giải.

97 —

An Phá-toái

(phải theo năm sinh)

Người sinh năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu thì an ở cung Ty

Dần, Thân, Ty, Hợi — Dậu

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi — Sửu

98 99— **An Quốc-ấn, Đường-phù**

Chủ quan-quyền chức-vụ, ấn-tín.

Quốc-ấn ở trước sao Lộc-tồn 9 vị

Đường-phù — 8 vị.

Ví-dụ : Lộc-tồn ở cung Dậu thì Quốc-ấn ở cung Tỵ,

— — Đường-phù ở cung Thìn.

100— **An Thiên-sứ**

Sao nhỏ chủ sứ-lệnh, an ở cung Tật-nguy.

101-102 — **An Thiên-thương và Thiên-khố (thiên-phú)**
(phải theo tháng sinh)

— Gọi cung Thìn là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an Thiên-thương.

— Gọi cung Dần là tháng giêng tính nghịch đến tháng sinh thì an Thiên-khố.

Hai sao Thương, Khố cư mệnh hay 3 phương đối chiếu, lại gặp-được cát-tinh thì là người Cự-phú.

103 — **An Địa-giải (phải theo tháng sinh)**

Sinh tháng giêng thì an ở cung Mùi, tháng 2 ở cung Thân

— 3 — Dậu, 4 — Tuất

— 5 — Hợi, 6 — Tý

— 7 — Sửu, 8 — Dần

— 9 — Mão, 10 — Thìn

— 11 — Tỵ, 12 — Ngọ

104-105 — **An Thiên-khốc Thiên-hư**

(phải theo năm sinh)

— Gọi tắt là Khốc thuộc dương kim, chủ sự khốc than buồn rầu.

— Gọi tắt là Hư thuộc âm thủy chủ hư-hao.

— Lấy cung Ngọ là năm Tí tính nghịch đến năm sinh thì an Thiên-khốc.

Cũng lấy cung Ngọ là năm Tí tính thuận đến năm sinh thì an Thiên-hư.

Ví-dụ : Người sinh năm Hợi thì an Thiên-khốc ở cung Mùi Thiên-hư ở cung Ty.

106— **An Lưu-niên văn-tính**

(phải theo thiên can năm sinh)

— Chủ về văn học, Mệnh Thân hay hạn gặp sao này thì thi cử được dễ dàng.

Người sinh năm Giáp thì an ở cung Ty, năm Ất ở cung Ngọ

— Bính, mậu —	Thân, Đinh, Kỷ —	Dậu
— Canh —	Hợi, Tân —	Tí
— Nhâm —	Dần, Quý —	Mão

107— **An Triệt-lộ không-vong**

(phải theo thiên can của năm sinh)

Người sinh năm : Giáp, kỷ thì an vào giữa hai cung : Thân, Dậu

— Ất, canh —	Ngọ, Mùi
— Bính, tân —	Thìn, Ty
— Đinh, nhâm —	Dần, Mão,
— Mậu, tì —	Tí, Sửu.

— Gọi tắt là Triệt thuộc hành theo cung an như ở cung Thìn thì gọi Thổ-không, cung Ty thì gọi là Hỏa-không v. v.

108— **An Tuần-không (phải theo lục-giáp)**

— Gọi tắt là Tuần thuộc hành của cung, có khi tốt, có khi xấu.

— Người sinh năm trong con Giáp :

10— Giáp-tí (10 năm từ Giáp-tí đến Quý-dậu) thì an ở giữa Tuất-hợi.

20— Giáp-tuất (10 năm từ Giáp-tuất đến Quý-mùi) thì an ở giữa Thân-dậu.

30— Giáp-thân (10 năm từ Giáp-thân đến Quý-tỵ) thì an ở giữa Ngọ-mùi.

40— Giáp-ngọ (10 năm từ Giáp-ngọ đến Quý-mão) thì an ở giữa Thìn-tỵ.

50— Giáp-thìn (10 năm từ Giáp-thìn đến Quý-sửu) thì an ở giữa Dần-thân.

60— Giáp-dần (10 năm từ Giáp-dần đến Quý-hợi) thì an ở giữa Tí-sửu.

An Bốn Phi-tinh (như sao Chổi)

Cách an dưới đây cốt để thử xem cách an ở trên có trúng hay không.

4 Phi-tinh : Tang-môn, Bạch-hồ, Điều-khách, Quan-phủ.

Phải nhớ 4 câu thơ dưới đây :

Tuế-quân tiền nhị vị thị Tang-môn.

Hậu nhị cung trung Điều-khách tồn.

Đối chiếu Tang-môn an Bạch-hồ.

Điều-khách đối chiếu an Quan-phủ.

Giải nghĩa : Trước sao Thái-tuế 2 cung thì an Tang môn.

Sau Thái-tuế hai cung thì an Điều-khách.
đối chiếu với cung có Tang-môn thì an Bạch-hồ.

— — — Điều-khách — Quan-phủ

Ví-dụ : Thái-tuế ở cung Hợi thì an Tang-môn ở cung Sửu, an Điều-khách ở cung Dậu, an Bạch-hồ ở cung Mùi, an Quan-phủ ở cung-Mão.

Phi-thiên tam sát

Ba sao gọi là Phi-thiên tam-sát là : Tấu-thư số 28
Tướng-quân số 27
Trực-phủ số 46

Lưu Đại-hạn

Đại-hạn tức là hạn trong 10 năm tốt hay xấu của số người. Phải xem cục thuộc về hành gì, số mấy thì viết vào cung Mệnh số ấy (Ví-dụ : Thủy nhị cục thì viết số 2 ở cung Mệnh. Mộc tam cục thì viết số 3 v.v.).

Nếu là Dương-nam Âm-nữ thì thuận sang cung Phụ-mẫu biên số thêm 10 vào số cục và cứ thế viết thuận đi (như thủy nhị cục thì viết ở cung Mệnh số 2, ở cung Phụ-mẫu số 12, cung Phúc-đức số 22, cung Điền-trạch thì viết số 32 v.v.).

— Nếu là Âm-nam, Dương-nữ thì lại viết nghịch sang bên cung Huynh-đệ viết số 12, cung Thê viết số 22, cung Tử viết số 32 v.v.).

Lưu Tiều-hạn

— Cần nhớ bất luận âm dương nam nữ

Đàn ông thì theo chiều thuận.

Đàn bà thì theo chiều nghịch.

10— Người sinh năm : **Dần, ngọ, tuất**, thì bắt đầu cung **Thìn**, nếu sinh năm **Dần** thì viết vào chỗ ô lớn ở giữa, cạnh cung Thìn chữ **Dần**. Sinh năm **Ngọ** viết chữ **Ngọ**, sinh năm **Tuất** thì viết chữ **Tuất**.

và cứ đi theo chiều thuận, nếu là số của đàn-ông, mà viết 12 chỉ,

— nghịch,

—

đàn bà, mà viết 12 chỉ,

2^o— **Thân, tí, thìn**, thì bắt đầu viết bên cung **Tuất** trong ô lớn ở giữa sinh năm nào thì viết năm ấy.

3^o— **Ty, dậu, sừu**, thì bắt đầu viết bên cung **mùi** trong ô lớn ở giữa sinh năm nào thì viết năm ấy.

4^o— **Hợi, mao, mùi** thì bắt đầu viết bên cung **Sừu** trong ô lớn ở giữa, sinh năm nào viết năm ấy.

Theo chiều thuận hay nghịch thì phải theo số đàn-ông, hay đàn-bà.

Lưu Đồng-hạn (từ lên một đến 12 tuổi)

Lên Một xem cung Mệnh	Lên 2 xem cung Tài
— 3 — Giải-ách	— 4 — Thê hay Phối
— 5 — Phúc	— 6 — Quan
— 7 — Nô-bộc	— 8 — Thiên-di
— 9 — Tử-tức	— 10 — Huynh-đệ
— 11 — Phụ-mẫu	— 12 — Điền-trạch

Lưu-nguyệt

Xem tiểu-hạn ở cung nào lấy cung ấy là tháng giêng tính nghịch đến tháng sinh, rồi bắt đầu cung ấy gọi là giờ Tí, tính thuận đến giờ sinh, đến cung nào gọi cung đó là tháng giêng và tính đi xuôi mỗi cung một tháng, mà xem tốt xấu theo ảnh-hưởng của mỗi sao trong cung đó.

Lưu-nhật (xem ngày)

Tìm được cung các tháng rồi thì mỗi tháng coi một cung và bắt đầu cung ấy gọi là mùng 1 tính xuôi mỗi ngày một cung, tốt xấu theo các sao ở từng cung.

Định 12 cung Cường nhược (Mạnh, yếu)

Đàn-ông là những cung :

Phúc-đức, Tài-bạch, Quan-lộc, Thiên-di, Điền-trạch là Cường-cung. Còn thì là Nhược-cung.

Đàn-bà là những cung :

Phu, Tử-tức, Tài, Điền-trạch, Phúc-đức là Cường-cung. Còn thì là Nhược-cung.

Luận an-mệnh (xem Kim-xà)

(để xem số sống lâu hay chết yểu)

Nhớ bốn câu thơ : *Đương tòng Tuất thượng khởi Tí niên,
Thuận số hành niên, Nguyệt nghịch suy,
Nhật hựu thuận số Thời nghịch chuyển,
Tiêu-nhi thọ yểu khả tiên tri.*

Giải nghĩa : Gọi cung Tuất là năm Tí tính thuận đến năm sinh, đến cung nào bắt đầu cung ấy gọi là tháng giêng tính nghịch đến tháng sinh, đến cung nào bắt đầu cung ấy gọi là mừng 1 tính thuận đến ngày sinh, đến cung nào lại gọi cung ấy là giờ Tí tính nghịch đến giờ sinh thì an Kim-xà.

— Nếu an Kim-xà ở cung Sửu, Mùi thì khó nuôi.

ở cung Thìn, Tuất tức là thiên-la, địa-vong thì chắc chết.

Luận Sinh khắc chế hóa của các sao

Các sao cần phải ở nơi sinh vượng thì ảnh-hưởng mới mạnh, mới có sức sáng chiếu, tốt xấu do đó mà phân biệt vậy. Cho nên phải xem từng sao một, an ở cung nào, sao và cung sinh khắc chế-hóa thế nào thì mới có thể đoán được số.

Ví-dụ : Sao Liêm-trinh thuộc hành hỏa, là sao Bắc đẩu tinh, an ở cung Dần thuộc mộc tức là sao Liêm-trinh được cung sinh nó. Lại phải xem các sao cùng một cung với nó ra sao.

Ví như Vũ-khúc là kim tinh với Liêm-trinh là hỏa

tinht cùng ở với nhau thì tuy Vũ-khúc là tài tinh, có kiếm được đi chăng nữa thì cũng phải hết vì Liêm hỏa khắc Vũ kim.

Như Kim-tinh ở cung hỏa, Hỏa-tinh ở cung thủy,
Thủy-tinh ở cung thổ, Thổ-tinh ở cung Mộc là
đều bị khắc chế nguy hiểm.

Định 12 cung cho các sao vào nhàn cung

(nhàn cung tức là ảnh-hưởng không được mạnh, có vẻ lơ mờ không tỏ sáng)

Tử-vi ở cung	Tí, Thìn, Hợi	là nhàn cung,
Tham-lang ở cung	Dần Thân	là nhàn cung.
Thiên-tướng	— Thìn, Tuất	—
Thất-sát	— Thìn, Hợi	—
Thiên-lương	— Tỵ, Dần	—
Thiên-cơ	— Tỵ	—
Phá-quân	— Tỵ, Thân	—
Vũ-khúc	— Thân	—

**Miếu, vượng, đắc-địa, lợi-ích, bình-hòa,
bất đắc-địa, lạc-hãm.**

Miếu : là cái Điện ở trước cung nhà Vua, ở đấy có nghĩa là nơi mà các sao được sáng tỏ hết sức tốt, có thể huy-động được toàn năng-lực của nó.

Vượng : là thịnh mạnh như thủy-tinh lại ở vào cung thủy như cung Hợi và Tí thì được thịnh mạnh ắt ảnh hưởng mạnh và kết quả nhanh.

Đắc-địa : là thứ nào ở chỗ ấy, gọi là đắc-địa như sao Bắc-đẩu được an ở cung thuộc hướng Bắc, như hồ được ở trong rừng, như người Anh-hùng được vào nơi chiến-địa.

Lợi-ích : là được cung sinh sao.

Bình-hòa : là Hành của Cung và Sao giống nhau.

Bất đặc-địa : là sao sinh cung hay sao khắc cung và nghịch lý như Nhật cư Sửu (Hỏa sinh Thổ mà mặt Trời ở về đêm) như Âm cư Ngọ (thủy khắc hỏa và là mặt Trăng ở giữa trưa.)

Lạc-hãm : là cung khắc sao và trái-lý, như Nhật cư Tí (hỏa bị thủy khắc và mặt Trời ở vào giữa đêm).

Như Nguyệt cư Thìn (thủy bị thổ khắc và mặt Trăng vào 9,10 giờ sáng.)

Mệnh thuộc Tứ sinh, tứ-bại, tứ-khố, tứ-mã

Cung Tí, Ngọ, Mão, Dậu gọi là Tứ-bại.

Cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gọi là Tứ-khố hay Tứ chính.

Dần, Thân, Tỵ, Hợi gọi là Tứ-sinh, Tứ-mã.

Các sao ứng số

Sao Hữu-bật ứng số 10	Nhật, Tử, Khúc ứng số 5
Thất-sát — 9	Phủ, Đào, Trường-sinh, Khoa số 4
Hóa-lộc	
Thiên-khôi — 8	Tham, Vũ, Xương, Quyền, Cự,
Thiên-lương	Trinh, Vượng, Bác-sĩ ứng số 3
Lộc-tồn — 7	Long, Thanh-long, Thiên-hỉ,
	Tướng-quân ứng số 2
Thiên-việt	Hồng, Phương, Lục-sĩ, Phi-liêm,
Tả-phụ — 6	Thai, dưỡng ứng số 1

Sao Thiên-thương, Thiên-sứ họa-phúc mau chậm

Hạn năm mà gặp hai sao đó không chết thì cũng nguy đến tính mạng nếu không có sao giải.

Thiên-thương ở cung Tí, Thìn, Mão, Ngọ, Mùi, thì họa thật mau.

Thiên-sứ ở cung Sửu, Mão, Thìn, Dậu, Tuất, họa thật mau.

Thương-Sứ ở cung Dần, Thân, Ty, Hợi thì họa đến mau.

Người sinh năm Lục-Bính thì coi như cung Dần	Thiên-sứ Họa mau đến Thân hợp với tai nguy	Thiên-thương họa mau đến	Người sinh năm Canh cũng như cung Dần
Thiên-sứ họa mau đến			Thiên-sứ họa mau đến.
Thiên-thương họa mau đến			Thiên-sứ họa mau, gặp Sát Thái - tuế lâm cung sẽ bị ác tai
Người sinh năm Giáp không nên đến đây chỉ sợ Thương-Sứ 2 hạn gặp Thái- Tuế,	Thiên-sứ họa mau đến	Nhị hạn gặp Thiên-thương ở đây có Thái-tuế Dương Đà thì chết	Đây là Hường sao Đầu nên đến cung này

Tứ-Hóa cung vị

K : Hóa-khoa thuộc âm-thủy

Q : Hóa-quyền thuộc dương mộc

L : Hóa-lộc thuộc dương thổ

K : Hóa-kỵ thuộc âm thủy.

Cung Tí : K-L : không đắc địa.

Q : đắc-địa

K : không hung

Sửu : K-Q : Phúc

L : ảnh-hưởng mau không sợ sát.

K : bất kì

Dần : K-Q : Phúc

L : Từ từ có Sát là Phá tài.

K : hung.

Mão : K-Q : đều vui đẹp sợ Sát hội chiếu.

K : Đắc-địa

Thìn : K-Q-L : Phúc trọng bị xung sát thì thành Tai-họa.

K : Bình vô dụng

Tỵ : K-L : Trung bình

K : hung. Q : bình

Ngọ : K : đắc địa

L-Q : không đắc địa

K : hung

Mùi : L-K-Q : Phúc từ từ Trung bình sợ gặp Sát thành họa

K : vô lực

Thân : K-Q : đắc-địa.

L-K : không đắc địa

Dậu : K-L-Q : không đắc địa

K : đắc địa

Tuất : K-Q-L : Phúc-lộc hậu sợ Sát xung.

K : thì trùng trùng hung.

Hợi : Kỵ tinh không nên đóng cung này

L-K : đắc địa.

Q : không đắc địa.

Thái-vi Phú

Đầu số là một Khoa-học rất huyền-diệu, tuy đọc đến trăm thiên sách thì cũng chỉ cần có sự Minh-dịch mà biện luận tự vẫn lấy cái Chân-lý cho rõ ràng. Nói thì không hết lời, đến như xem nơi phân cung của các vị Sao cái lý đối chiếu xung khắc hợp sinh mới có thể rõ được sự thọ yếu, hiền ngu phú-quí bần-tiện.

Xem hàng trăm sao an bày trên 12 cung số mà định, 36 vị Chính nhập miếu thì tốt, hãm thì bị hư hao.

Đại-đề lấy Phúc-đức làm gốc của Thân Mệnh, gia dĩ lấy cái căn gốc đó mà xem cho thông hiểu tất cả.

Các Sao cùng đều liên lạc với nhau nên phải phân định sinh khắc cho rõ ràng, đó là điều cần yếu nhất. Như sao sai độ mà được cung, như Tử-vi hợp với Tham-lang ngộ Không nên tài đến mà không tụ. Mình phải tự-biện lấy những bí-thuyết đó cho đúng với cái cơ chỉ của nó, phải xét cái cơ-vi biến-hóa của Tinh-Số thì cái nguyên-lý của Tạo hóa ắt không xa.

Như thường nói : Lộc phùng xung phá.

Cát sứ tàng hung.

Hay : Mã ngộ không vong, chung thân bôn-tầu.

G.N. Lộc tinh gặp sao xung phá ở cung đắc-địa là bị hung, nhưng ngược lại, nếu như cành hoa bị hư hao ở nơi tuyệt-địa gặp được thời sinh thì lại nảy mầm sinh nhánh mà không bị hại.

— Thiên-mã gặp Không vong thì cả đời bôn ba, nhưng gặp ở nơi bại-địa thì trở lại phát vậ.

Đó là cơ-vi của Đầu-số, cho nên xem Sao lâm vào cung

miếu vượng, cần phải xem sinh khắc. Mệnh mà sinh ở cường cung thì cần phải xem lý chế hóa của các Sao như :

Nhật Nguyệt tối hiểm phản-bội (ngược cách)

Lộc-mã tối hỷ giao tri (đồng cung).

Nếu ở nơi bại-địa mà gặp được không vong thì lại là không xấu mà còn được có sự giúp đỡ thành « đại-hữu kỳ công. »

Như Tử-vi Thiên-phủ được cung miếu vượng, thì có nhiều ảnh-hưởng phù trợ mạnh như Tả-Hữu.

Thất-sát Phá-quân ở nơi hãm-địa ắt là bạo ngược như Linh-Hỏa.

Nhiều Sao tốt mà gặp Sao xấu thì thành tốt.

Nhiều Sao xấu mà gặp Sao tốt thì thành xấu.

Phụ-Bật giáp Tử-vi thì làm quan đến thượng-phẩm. Đào hoa ở Thiên Mệnh thì dâm loạn.

Mệnh được cách « quân thần khánh hội », có Thái-phụ Lộc Văn cùng chiếu thì Vua quý lại là bậc hiền-tài.

Nhật-Nguyệt giáp Tài-bạch không có quyền thì giàu có lớn.

Mã đầu-đái kiếm trấn vệ biên cương : Là làm Tướng trấn ở biên-thủy.

Hình Tù giáp Mệnh ắt bị phạt hình trượng được cung đắc-địa mà chiếu lại thì là người cương-trực nhân-từ.

Quý nhập quý hương thì được phú quý.

Tài cư tài vị là giàu có lớn.

Thái-dương cư Ngọ gọi là « Nhật lệ trung thiên » là quý cách hữu chuyên quyền, phú gia địch quốc.

Thái âm cư Tí gọi là « Nguyệt lãng thiên môn » ắt được

quyền cao chức trọng một cách trung hiền, hiểu xa thấy rộng, can gián bề trên.

Tử-vi Phụ-Bật đồng cung nhất hô bá nặc là quan đến thượng-phẩm.

(Coi số của Không-Minh Gia-Cát-Lượng dưới đây).

Văn Hao cư Dần Mão gọi là chúng thủy chiều Đông (các nước chảy về hướng Đông)

Nhật Nguyệt thủ Mệnh không bằng chiếu, hợp giáp, thì có phúc không sợ hung nguy.

Tham-lang cư Tí-Hợi gọi là Phiếm-thủy đào-hoa (tứ-chiêng giang hồ.)

Hình ngộ Tham-lang gọi là Phong lưu tà trượng (tuy là được phong lưu nhưng bị tà dâm hình phạt)

Thất-sát Liêm-trinh đồng cung là Lộ thượng mai thi (chết đường). Phá-quân Âm diệu đồng cung là chết đuối.

Lộc cư Nô-bộc tủng là cung Nô-bộc có Lộc-tồn hay sao Hóa-lộc là người có quan-chức nhưng bị bôn-ba.

« Đế ngộ hung đồ » (Tử-vi gặp hung tinh) tuy tốt nhưng vô đạo. « Đế tọa kim xa » là Đế ngồi xe vàng tức là quý đến tột bậc, số cầm Mao Tiết, làm đến Tề-tướng.

Cung Phúc có Văn-tinh gọi là Ngọc tụ Thiên-hương (được phú-quí sang-trọng tiếng tăm).

Thái-dương hội với Văn-xương là làm Đại-thần gần bực Vua Chúa, phú-quí toàn mỹ.

Thái-âm hội với văn-khúc ở cung Thê-thiếp gọi là Thiềm cung triết quế (vợ đẹp khôn ngoan con nhà thế-phiệt trâm anh) (thiềm cung là mặt Trăng)

+ Lộc tồn ở cung Điền-trạch hay Tài bạch là giàu có vàng chôn ngọc cất.

Âm tọa ở cung Thiên-di là nhà doanh-nghiệp lớn-lao.

Hao cư Lộc vị là kẻ hành-khất ăn mày, nếu được hội cùng Tham-lang là vượng về Quan-lộc nhưng chung thân bị hư hao trộm cướp.

Thất-Sát ở nơi tuyệt-địa thì chết non như Nhan hồi.

Tham tọa sinh hương thì thọ như Bành-tổ chỉ kỵ Cự-môn là sao ám-tinh cùng một cung cư Thân Mệnh thì bị tật bệnh trầm trọng khốn khổ, hội với hung tinh nữa ở cung Phụ-mẫu, hay Thiên-di thì bình thường.

Hình sát cùng với Liêm-trinh ở cung Quan-lộc, thì họa đến trở tay không kịp, trốn tránh không thoát.

Quan-phủ gia Hình sát ở cung Thiên-di thì phải lập-nghiệp nơi xa, gặp vợ gặp chồng, ở nơi không kỵ thì làm được nhiều điều phước-thiện.

Phụ-Bật thủ Mệnh thì phải ly tông.

Thất-sát cư Thân Mệnh lại có ác sát tinh ắt bị tử vong. Linh Dương-nhận hợp Mệnh cùng ngộ Bạch-hồ là bị hình lục (tử-hình.)

Quan-phủ với cát tinh thì phát đạt chỉ sợ gặp Phá-quân Dương-nhận, Linh tinh với Thái-tuế là đưa đến chỗ sát hại.

Bệnh-phù, Quan-phù đều là sao tác-họa.

Bác-sĩ là học rộng cùng với Lộc-tồn, Hoa-cái thì tốt và được cát tường.

Lục-sĩ Tướng-quân cùng với Thanh-long thì quyền thế hiển-hách, nếu coi hạn của trẻ con là hay ăn chóng lớn, đầy nhựa sống, nếu coi hạn của ông già là như ngọn lửa đuốc hầu

lại có gió thổi lên, là phản lão hoàn đồng. Cách trên đây mà gặp Thất sát không bị chế hóa, nhưng lưu niên xem tiêu hạn thì lại rất kỳ vậy.

Người ta sinh ra ở đời có khi vinh, khi nhục, khi phú, khi bần lên xuống xuống như nước thủy triều khởi sao có những sự lỗi lầm hối hận, ta thường nói « sông có khúc người có lúc » hay « đất có tuần dân có vận ».

Biết đề mà tránh những sự lỗi lầm, học để biết cái lý cát hung, đầy vơi, tiêu-trưởng, thịnh-suy của sự vật theo cái Thời rộng mênh mông không bờ cõi, Cái Đạo Thời to lắm thay ! Đức-phu-tử còn than thay nữa là con người. Mọi sự vật đều có cái Thời của nó. Biết được lúc thịnh suy của mình, của người há chẳng phải là huyền-diệu lắm sao.

Hình và tính các sao

Tử-vi gọi là Đế-tọa (Chỗ Hoàng-Đế ngự), là chủ các sao, cư Thân Mệnh là người to lớn phúc-hậu.

Thiên-phủ là Tôn tinh là người thuận-hòa, hiền hậu. Kim ô viên mãn ngọc thổ thanh kỳ.

Thiên-cơ là người không cao không thấp, tính tình hiền thiện.

Vũ-khúc là người có tiết-tháo cương-quyết, tính quả cảm.

Thiên-đông là người béo tốt mày xanh mắt sáng.

Liêm-trình là người mày thưa miệng rộng mặt ngang tính táo bạo hay phản-uất và tranh-dấu.

Tham-lang vừa là sao thiện và sao ác, ở cung đắc-địa thì bị điếc, ở các cung khác là người đại và lém.

Cự-môn là sao thị-phi, ở cung miếu lại là đôn-hậu quân lương.

Thiên-tướng là người có tinh-thần, tướng mạo trì trọng.

Thiên-lương là hay dẫu tâm sự, thanh-tao trong sạch.

Thất-sát là người như Tử-lộ bạo hồ bằng hà.

Hỏa-Linh là như « Dự-Nhượng tam đả long bào », táo tợn như bạo hồ bằng hà, nuốt hận giả câm, quyết trả thù cho Trí-bá.

Văn-xương là trán cao, mày xanh mắt sáng.

Văn-khúc là người hay bị khẩu thiệt ti-tiền, ở cung miếu thì ở trong mình có nốt ruồi lạ, ở nơi thất hãm thì bị loang lỗ, hay bị rối có nhiều sẹo (thẹo).

Tả-Hữu là người ôn-lương, qui-cử đoan-trang cao-sĩ.

Khôi-Việt là người uy-nghi hợp với Tam-thai là người rất mô-phạm.

Kinh-dương Đà-la là người mặt mũi xấu-xí lại kiêu-căng giả-dối.

Phá-quân là kẻ bất nhân lưng dày mày thưa, ngồi đứng lưng nhọn, tính gian-trá, thích làm những việc kinh hiểm. Đắc-địa thì mặt tươi như cây cỏ mùa xuân mà khả ái, rất hợp với Lộc-tồn, như ngọn lửa dục đốt mất lòng thành-thực.

Phá-Hao là sao uy-quyền ở nơi miếu vượng, chỉ sợ Không vong, Sát mà gặp Không-vong thì là cảnh vô uy lực.

Quyền-Lộc là người bình tĩnh hay tích tán phúc-đức gặp thiên-lương cần đi là lấy tiền tài của mình mà giúp người.

Hao gặp Tham-lang là người dâm-dật, tình như đáy giếng.

Tham-lang gặp Thiên-mã là người có lúc rất thiện khi nào có nhiều sao tốt chiếu, có khi rất xấu khi gặp nhiều hung tinh là kẻ bất thường không có nghị-lực.

Tài tinh gặp Không vong là người dòm ba liếc bốn, tham-lam. Văn-khúc ở vượng cung là người nghe một biết mười, ám hợp với Liêm-trinh là hàng tăng-đạo tham-lam.

Lấy Thân Mệnh mà xét số thật đúng, đến kẻ gian đạo thiện nghệ, các nghề như đồ-tề, Bác-sĩ, Kỹ-sư, người hiền, kẻ ngu đều rõ, đàn-ông cần ở chỗ sinh vượng đắc-địa ; đàn-bà nếu bị cung tử tuyệt thì xem cung Phúc-đức, Mệnh sợ nhất ở cung bại-vị. Tài thì sợ nhất Không vong.

Cô-thần sát ám : Cô-thần đề xem Tử-tức, thêm hung tinh Kỵ Hao thì không có con trai.

Đà-Hao-Tù ở cung Phụ-mẫu quyết là phá tổ ly tông, hình thương khắc hại.

Xem con trẻ

Nếu được : Tử-vi thì mập mạp, Thiên-phủ thì sáng sủa, Lộc-tồn thì chủ có lộc. Nhật-Nguyệt thì được hậu-trọng.

Khúc, Tướng cùng với Lương, có Xương là được khôi ngô tuấn-tú là cách thanh kỳ, trên dài dưới ngắn, mày xanh mắt sáng.

Tham-lang cùng một cung với Vũ-khúc là người nhỏ tiếng to mà nặng cân.

Thiên-đồng với Đà Kỵ là được mập mạp béo tốt mà mắt dui.

Kình-dương thì thân thể trông tang thương, gầy yếu nếu ngộ Hỏa-Linh Cự ám tất sinh ra nốt ruồi lạ.

Trực-phù Hao Sát thì người thô, mặt xấu nếu ở vào hạn tử-tuyệt của nhi-đồng thì sẽ bị lao lực phải mớm sữa. Người già mà đến hạn này thì chết.

Xem số cần phải cương lĩnh cho rõ ràng cái cơ-vị của các Tinh-tú Chu-hành, xét những sự chuyển vận tinh túy thì mới đến được chỗ huyền-diệu của Tử-vi Đầu-số.

Luận cung của các sao

Lấy âm-dương phối hợp làm cơ bản mà giữ lấy cái đạo Trung-hòa, tồn-tại cái đạo Sinh-tồn, thủy thịnh thì hỏa thương, hỏa thịnh thì âm diệt. Cái thủy hỏa hay âm dương phải quân bình luôn luôn không được thiên-lệch, thì mới gọi là toàn thiện toàn mỹ vậy.

Dần : là cung thuộc mộc là nơi tam dương qui tụ (ngày tháng năm) giao thái chi thời, là nơi mà cỏ cây được nảy mầm đâm nhánh.

Mão : cung này thì mộc thật thịnh, nên Tham-lang, Thiên-cơ miếu ở cung ấy.

Thiên-tướng : là thủy tinh đến cung Dần là vượng tướng. Cự-môn thủy ở cung Mão thành cái mộc được tươi tốt lưu thông như bồi đất thêm có nước làm nhiên ra vậy, 3 phương hiệp lại được Văn-khúc thủy, Phá-quân thủy thì rất diệu lại được Lộc-tồn thổ nữa thì cực mỹ.

Cự-môn thủy đến Tí cung. Thiên-lương thổ đến mùi cung. Đà-la kim đến tứ-mộ hay hoặc được Kinh-dương thuộc kim hội ở tứ-mộ, lấy Thổ sinh Kim mộ thì kim được thông không có gì ngăn trở. Đến như Thiên-phủ thuộc Thổ, Thiên-đồng kim, đó là đạo Sinh-tồn thì Kim phải theo Thổ để hưởng lấy cái sinh ấy.

Đó là thuận với cái đức đạo Sinh vậy.

Ty-Ngo thuộc hỏa, cái đức năng sinh ở cung Ty, là cung mà thổ bị tuyệt. Lấy Liêm-trinh cư ở đây đến cung Ngọ là hỏa vượng chiếu sáng thông-suốt sự ngăn trở trong ngoài mà Văn-khúc nhập miếu. Nếu hội thêm Tử, Phủ được Khôi Đẩu cùng chiếu lại được Thiên-cơ mộc, Tham-lang hỏa thế là càng tăng thêm sự sáng lạng và nhân định.

Thân-Dậu thuộc kim, hướng Tây, khí tượng của sao Thái-bạch, sao Vũ-khúc cư Thân thì hiếu sinh, Kinh-dương ở Dậu lại càng sát, lại thêm Cự-môn Đà-la, Lộc-tồn trợ vào nữa thì ảnh-hưởng rất mau nghịch lại hết, như gặp thiện hóa ác vậy.

Hợi là cung thủy gặp Văn-khúc, Phá-quân mà an Mệnh ở đó là người thanh cao bạc-thiệp văn-minh, như cái ngòi của sông lớn không nên làm cho khô héo. Thiên-tướng ở cung Hợi gọi là chỗ huyền-diệu của Thiên-hà (sông ở trên trời)

Tí là cung thuộc thủy, là cung vượng-địa của sao Phá-quân như sóng cồn Đại-hải, khá ở xa mà xem chớ ở gần. Nếu Phá-quân mà cư ở tứ-mộ bị khắc hết cái nước dàn dụa ấy, tất được sao Vũ-khúc thuộc kim sinh cái nguyên lưu bất tuyệt. Đó là chỗ huyền-diệu đó.

Còn các Sao khác cũng theo cái luận-diệu ấy mà hội lý cho đến chỗ tinh-vi thì cái vi-diệu của Tạo-hóa ắt rõ ràng lắm.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Tứ-mộ thuộc thổ.

Phép tắc của Đầu-số

Mệnh an cung sinh vượng ắt là phú-quí, các nơi đều có chỗ nên chảnh của các Sao. Như Tử-vi ở hướng Nam thì không năng thí công, Thiên-phủ tại Nam-địa chuyên về phúc-đức, Thiên-cơ Thất-sát đồng cung thiện được ba phần. Thái-âm, Linh Hỏa, đồng cung lại thành ra quá ác, Tham-lang là Sao ác và thiện, nhập miếu thì không hung. Cự-môn là ác tinh được đắc địa lại là đẹp-đẽ. Các hung-tinh ở tại nơi yếu điểm của nó, cần nhất là nên được chế khắc. Nếu ở cung Thân Mệnh thì bị cô đơn. Nếu hạn mà gặp Sát tinh thì tối hung, Phúc tinh lâm vào đó thì bị che mờ nhưng cũng có vài Sao có thể giải được. Đại-đề ở chỗ biến-hóa cơ vi của con Người, nên suy nghĩ cho

trường tận cái lý sinh khắc chế-hóa mà định xấu, tốt, họa, phước. Ví như quan-tinh (sao thuộc về quan-lộc) mà ở phúc địa thì cận quý-hiền, vinh hiên giàu sang. Thân Mệnh được Sao là cần phải xét. Hạn độ gặp cát tinh thì vinh hiên.

Muốn biết cung Tử-tức xem có con hay không là do Kinh-dương Hao Sát thì bị hao hại. Xem Thê-thiếp và các cung khác cũng vậy. Đó là nói qua cái phép tắc để đoán số.

Luận Đầu-số cơ vi

Ông Bạch-ngọc-Thiêm nói rằng : « Xem trên Trời lấy Đầu số và 5 sao xét ra không cùng. Các tinh-tú, và những chu hành, qui luật đều khác nhau. Tứ-chính cát tinh định là quý, tam hướng có Sao khác chiếu vào hay đối chiếu mà biết hung biết cát, hợp chiếu xem quý-tiện, phú-bần. Sao tốt nhập miếu thì cát, hung tinh thất địa thì hung. Mệnh gặp Tử-vi đàn ông không thọ thì vinh-hiền, Thân ngộ sát tinh nếu không nghèo thì hèn, Tả Hữu hội với Tử Phủ làm đến cực phẩm. Khoa Quyền gặp ở hạn vào cung hung bại thì công danh thất bại, ngờ ngần buồn rầu.

Xem hạn đến nhược địa, chưa đã phải là tai ương. Lập Mệnh ở cường cung ắt là được phúc. Hạn gặp Dương Đà lại có Thất-sát thì bị hình thương, nếu có Kiếp Không Thương Sứ nữa thì lại càng hung. Lưu niên không nên gặp Thiên-khốc Tang-môn, nếu gặp thì nên phòng sự phá hại đau buồn. Hạn có Nam-đầu tinh tất sinh con trai, có Bắc-đầu tinh thì sinh con gái trước.

Khoa tinh ở hãm địa thì sự học khó khăn. Xương Khúc ở nơi lâm tuyền (chỉ cung dần mao) là người có mưu gian tâm thù. Tử-vi ngộ Phá-quân thì dân loạn bốn ba. Hồng-loan mà gặp Tham lang thì xấu xa. Mệnh Thân tương khắc thì tâm

loạn không nhân. Thiên-riêu ở 3 cung chính thì tà dâm rượu chè be bét. Sát lâm Thê-thiếp thì định thê-tử bất hòa. Cự-môn đến cùng Huynh-đệ là anh em vô-nghĩa. Hình-sát ở cung Tử-tức thì con khó nuôi. Hung-tinh chiếu cung Tài-bạch thì tụ tán không thường. Dương Đà ở cung Giải-ách thì bị đau mắt có khi đui mù. Hỏa-Linh đáo Thiên-di là như người đi đường còn xa bị Trời tối vắng vẻ.

Tôn tinh mà ở tiện vị là người lao khổ. Ác tinh mà ứng Mệnh cung thì có đầy tớ giúp đỡ, Quan-lộc ngộ Tử-Phủ thì giàu sang. Điền-trạch ngộ Phá-quân thì trước bị phá sau thành. Phúc-đức ngộ Không-vong, Kiếp-sát thì bị bôn tẩu, tướng mạo thất sắc, lại gặp hình Sát bị Hình khắc chế thì tai nạn không tránh được.

Học giả nên suy tường cho cẩn thận thì vạn số không sai một, thiên kim cũng không quý bằng.

XX Cách xem số XX

Nhiều cát tinh mà gặp hung tinh vẫn cát. Nhiều hung tinh mà gặp cát tinh thì vẫn hung.

Phàm xem số đàn-bà thì xem trước 2 cung Phối và Tử-tức. Nếu bị Sát-tinh thì ít ra là ba đời chồng mà là vẫn còn chưa đủ hoặc gặp Kinh-Đà là khóc không bao giờ hết nước mắt.

Xem số đàn-ông thì bắt đầu xem cung Phúc-đức sau đến cung Thiên-di rồi đến đại-tiểu hạn. Mệnh ở hung hướng thì một đời cầu mưu đều bị trở ngại. Ví-dụ như Liêm Lộc an vào cung Thân Mệnh, số đàn-bà là được thuận âm thì ắt có Đức trinh khiết. Như đàn-ông được cách Đồng-Lương

là thuần Dương thì được tâm trung chính Quân-tử. Mệnh mà có Dương Đà Hỏa Linh là tiểu-nhân chi Mệnh. Không có Khoa Quyền Lộc thì cần xem đắc-địa hay không. Nếu xem cho trẻ con thì ở đồng hạn. Nếu Mệnh tọa ở **hung hướng** thì chỉ sống độ 3, 5 tuổi tất chết, gặp được Xương Khúc Khôi Việt thì được sáng láng học ít hiểu nhiều. Người học nhiều mà không đạt là vì lại gặp Dương Đà Kiếp-Sát thì lại là người chỉ thích kiện-tụng, Kinh Đà ngộ ác tinh là số chỉ làm đầy tớ.

Phủ Vũ Liêm Tham hội với nhau là người có cơ mưu sâu xa và quý-hiền, nếu lại bị Dương Đà Không Kiếp thì lại ngược lại là người Trí khí hẹp hòi và bị cô-bần.

Hạn gặp sao Tả-Phụ được vượng mà ở vào cung nhược thì cũng không bị nhược. Mệnh ở vào nơi cát-địa tuy bị sao hung nhưng chưa chắc bị hung, chỉ là « Đoạn-khieu tài lộ » (đứt cầu thì đắp đường.)

Đại-tiêu hạn đến hai cung Mão Dậu có Nhị không thì lại được thông minh phát phúc.

Mệnh Thân có Tử-Phủ thì giàu có, có vàng bạc chôn cất, nếu gặp Kiếp-Không thì ăn mặc không đủ, mưu sự không thành, hạn Mệnh mà gặp Kinh-dương là người ngờ ngẩn lấy đông làm tây. Hạn Thân mà gặp Phủ-Tướng Khoa Quyền Lộc chiếu là được đỗ-đạt cao tốt. Nếu gặp Không Kiếp Dương Linh là nhà Thuật-sĩ cứu-lưu ở nơi thôn dã, có thêm Xương Khúc là hay nói láo tính nông nổi. Dương Đà ở hãm-địa có Thiên-cơ, Thiên-lương thì nhỏ đã sớm bị hình-phạt mà sau già thì bị cô bần. Gặp Tham Vũ-Liêm thì thiếu-niên bị nghèo khó mà sau được hưởng phúc.

Chư Tinh Sở-chủ

Tử-Vi

Sao Tử-vi thuộc thổ, là sao được tôn trọng nhất trên cõi Trời, là Đế-tọa chủ lập ra Tạo-hóa, chủ tể cõi Nhân-sinh huy-động kết hợp ngũ-hành để nuôi vạn-vật.

Lấy Mệnh người lập số an các Sao theo qui-nữ của Tử-vi ắt tính được họa-phúc, Tử-vi ở cung nào thì ưa giáng phúc và trừ sao ác. Nên xem Tam-thai, Tử-vi thủ Mệnh gọi là Trúng-thai, ở trước một vị gọi là Thượng-thai, sau một vị gọi là Hạ-thai. Đều xem ở chỗ miếu-vượng hay hãm địa, có những sao xấu tốt nào chiếu hay thủ. Như được miếu-vượng hóa sát thì thật là linh-diệu, bị hãm-địa thì cũng hóa hung, đến hạn tốt thì cũng không tốt lắm, mà lại gặp hạn hung thì thật là hung.

Nếu Thân Mệnh có Lộc-tồn cùng một cung có Nhật Nguyệt 3 nơi chiếu lên thì quý-cách không sao nói được, không có Phụ-Bật củng-chiếu thì như vua bị cô đơn, như ngọc quý không nạm, nếu gặp sát tinh đồng cung hoặc có các sát tinh chiếu lên là số người Quân-tử ở chốn thôn-dã; kẻ tiểu-nhân có số đó là chủ người gian-giảo giả thiện làm ác. Ở nơi tù địa mà không có Tả Hữu tướng tá thì làm lại (như thừa-phái, đề-lại). Như lạc vào cung Tật-nguy, Huynh-đệ, Nô-bộc, Thê-thiếp bị vào 4 cung hãm ấy thì chủ sự làm ăn khó nhọc mà không thành, tuy có người giúp-đỡ mà cũng không được phúc. Nên xét cho tường các cung đó xem có cứu tinh không mà luận. Nếu Tử-vi cư ở cung Quan-lộc, Thân Mệnh 3 cung trên cần phải có Tả Hữu thủ vệ, có Thiên-tướng và Mã Lộc giao tri không có Không-vong lại ở nơi sinh địa ắt được đại quý hiển. Tử-vi có Thiên-tướng ở nơi hữu-khí và có các sao tốt chiếu lên thì làm vũ-chức. Ở cung Tài-bạch hay Điền-trạch lại có Tả Hữu thủ

vệ, lại có Thái-âm Vũ-khúc đóng đó, không có ác-tính thì làm quan trong bộ Tài-chánh.

Được Vũ-khúc Lộc-tồn đóng ở cung Mệnh Thân thì càng thêm đình. Nếu ở cung Tử-tức có thêm cát tính thì sinh quý-tử, không có tướng tá thì lại là hiếm.

An ở cung Thê-thiếp hội với cát tính thì vợ chồng bách niên giai lão, cần tránh những sao phá sát.

An ở cung Thiên-di là cường cung cũng cần có tướng tá, có cát tính chiếu Mệnh thì người phúc-đức quý-hiền, đàn-ông ở cung đắc-địa, đàn-bà ở cung miếu-vượng gặp cát tính thì tốt, gặp hung tính thì hung.

Hi-Di tiên-sinh nói rằng : « Sao Tử-vi là chủ-tể là Đễ-tọa, an ở cung nào thì giáng phúc cho cung ấy, tiêu tai-nạn, giải ác tính, chế hóa Hỏa Linh trở lại là thiện, ban cho Thất-sát uy-quyền, nếu được Phủ Tướng Xương Khúc, cát tính tụ tập đến ắt đại phú-quí, phi quý thì là cự-phú, nếu thêm vào 4 sao Sát xung phá thì còn bậc trung, nếu gặp Phá-quân ở cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, là thần bất trung là con bất hiếu, nên đi tu là tốt.

Đàn-bà ở Thân Mệnh có sao Tử-vi là quý-phụ gia Sát xung phá là bình thường không đến nỗi là hạ-tiện, gặp Đào-hoa thì giang hồ phong-trần.

Lại gặp Kinh-dương Hỏa Linh chiếu thì cả đời chỉ bị trộm cướp, nguy hại đến Thân Mệnh.

Nhị hạn mà gặp được Tử-vi thì được nhiều sự vui mừng mới. »

Ngọc-Thiên tiên-sinh nói rằng : « Tử-vi là chúa tể các Sao ở trên Trời là khu-nữ cho Tào-hóa biến sinh, chương chấp ngũ-hành mà nuôi dưỡng vạn-vật đều chia ra từng Tì-sở cả.

Lấy Tả Hữu làm tướng-tá, Thiên-tướng Xương-Khúc làm kẻ tùy tùng, Khôi-Việt làm kẻ truyền lệnh, Nhật-Nguyệt là chủ phân Tì sở, lấy Lộc Mã làm ti Quan lại, lấy Thiên-phủ làm chủ kho để của, Thân Mệnh mà gặp được thì tốt vô lường. Nhưng gặp Tứ Sát (Dương Đà Hỏa Linh) Kiếp không, có Cơ Lương xung phá thì đoán là tăng đạo.

Mệnh có sao Tử-vi là người to mặt lớn, gia đồ tía hồng hào. »

Thiên-cơ

Thiên-cơ thuộc mộc là Nam-đầu-tinh là sao thiện thứ ba (chủ về sự tính-toán tài giỏi lợi hại) hóa khí thành tài giỏi khéo-léo. Ở nơi đắc-địa thì có ảnh hưởng giải các sao, người có Thiên-cơ cư Mệnh gặp được cát tinh thì vạn sự đều được tốt đẹp. Nói đến Thiên-môn mà mệnh có Thiên-cơ là nhà Sư có lòng nhân, không ý ác có linh-trí ứng-biến vô cùng sáng suốt như thấy được cá trong bống, làm công việc đều có qui-cử phương-pháp.

Đàn-bà mệnh có Thiên-cơ gặp được cát tinh thì tốt lắm, gặp hung tinh cũng bị hung. Hoặc thủ ở Thân Mệnh gặp được Thiên-lương tất có nghề cao quý để nuôi thân.

Hi-di nói rằng : « Thiên-cơ là sao ích-thọ (sống lâu) Thân Mệnh có Thiên-cơ thì người khác thường, cùng với Thiên-lương Tả Hữu Xương Khúc giao hội thì là người văn tài được quý-hiền, người vũ-chức trung trực. Nếu ở hãm địa gặp tứ-sát xung phá lại là hạ cuộc, nếu gặp Thất-sát Thiên-lương thì hưởng được cái thanh nhàn trong tăng đạo. Nhị hạn mà gặp Thiên-cơ thì hưng gia sản nghiệp, canh cải cho thêm khéo.

Đàn-bà gặp được sao tốt cùng chiếu thì chủ vượng phú ích tử, gia thêm Quyền-lộc là quý-phụ. Nếu gặp Dương Đà Hóa-kỵ xung phá thì chủ hạ tiện, tàng tật hình khắc.

Thiên-cơ là chính diệu, thao-lược giỏi dang, bản tính rất cao minh có khi là người thượng-vô tỵ hợp anh-hùng.

Hội với cát tinh chủ hưởng phúc. Được cách thì ở trong Hàn-lâm viện. Cự-môn đồng cung là làm quan võ yểm trấn biên đình (ngự vệ binh), có quyền chức Võ-tướng, gặp được sát phương thì lập công danh to tát. Thiên-lương đồng cung thì chỉ làm tăng đạo. Đàn-bà gặp Thiên-cơ là người có tính sảo trá và dâm loạn bên ba. Nếu sát-tinh hội lại thì có sự hư hao kinh-khủng. Bị Vũ-khúc ám hợp, Liêm Phá hội thì hai mắt lơ đờ Nhị hạn gặp Thiên-cơ thì những việc đề lâu ắt có sự cạnh biến. »

Thái-dương

Sao Thái-dương là Tinh-túy của cái hỏa ban ngày nhỏ đó mà cái nghi-tượng của Tào-hóa rõ bày ra vậy. Trong số thì là người quý-hiền về văn hay vũ, lại gặp cát tinh thì tốt lắm, gặp Thủy-tinh thì bị lao tâm khổ tứ phí-lực vô công. Thân Mệnh mà được ở cung miếu vượng thì ắt được sáng tỏ.

Thái-dương là then chốt của Quan-lộc, hóa ra quý-hiền và tài lộc cho nên an được ở cung Quan-lộc thì tốt nhất.

Số đàn-ông thì Thái-dương tượng cha, số đàn bà thì tượng chồng, gặp được nhiều sao tốt chiếu lại được Thái-âm đồng chiếu thì phú-quí song toàn. Nếu Thân có Thái-dương cư, lại có cát tinh là nhà quý-hiền nuôi dưỡng khách Công Khanh thất thời bên tầu. Cung Thê-thiếp là nhược cung đối với số đàn-ông mà có Thái-dương an ở đó hội với cát-tinh thì

nhà vợ quý-hiền trâm anh, nếu ở hãm địa bị Sát Thương nữa thì hung.

Ở cung Tử-tức mà có Bát-tọa thêm cát tinh tại Miếu địa là chủ sinh quý-tử có quyền binh về sau không phải nhỏ.

Cung Tài-bạch ở vào cung vượng-địa hội với cát tinh thì không sợ Cự-môn ám ngăn ắt được phú-quí lâu dài, nếu được chỗ vượng tướng không có Không Kiếp thì nhất sinh ra là giàu có rồi. Cư cung Điền-trạch là được tổ-phụ để lại gia tài, được Tả-Phụ và cát tinh đến đại-tiểu hạn thì sự nghiệp hưng long. Bị hạn Linh Hình Kỵ thì sợ đau mắt, hoặc khắc cha mẹ. Hình sát tù ở hạn có sự buồn bực trong chốn quan-trường, hay sự nghiệp làm ăn. Người thường thì bị thị phi quấy nhiễu, gặp Dương Đà thì có tật bệnh, với Hỏa Linh thì khổ sở và bị họa hại.

Cái ảnh-hưởng ở cung Thiên-di và Thân Mệnh không giống nhau, nhỏ tuổi gặp vào hạn đó thì ắt phải hoán tổ ly tông, lập nghiệp ở xa. Số đàn-bà mà cung phúc-đức có Thái-dương và tướng-tá cũng chiếu ở nơi vượng địa là được chồng hiền-đức thông minh.

Số đàn-ông thì Thái-dương tượng cha đắc-địa thì tốt mà hãm thì cha chết sớm.

Hi-di nói rằng: Thái-dương là mặt Trời luân chuyển vô cùng, thích gặp Tả-Hữu làm tướng tá và Lộc tồn để trợ phúc kị nhất là Cự-môn (gọi là cự-ám), tốt nhất là gặp Thái-âm ở nơi vượng địa hội với cát tinh thì tốt lắm, nếu gặp nơi tối tăm hắc đạo thì bị lao khổ. Cư Thân Mệnh thì người trung-nghĩa nhưng ương ngạnh, bất chấp thị phi.

Nếu ở cung miếu có Lộc quyền thì được quý-hiền. Cung Quan và Tài mà có Thái dương lại thêm Tả-Hữu Xương Khúc Khôi Việt, 3 nơi cũng chiếu lại thì phú-quí cực phẩm nếu

bị tứ Sát thì lại bị nghèo đói đi tu ắt lên đến Sư-hiệu. Đàn-bà mà được Thái-dương ở cách như trên thì được vợng phu ích-tử, gia Quyền-Lộc thì được phong tặng, gặp Sát thì lại hóa bình thường.

Thái-dương là chủ về Quan-lộc, cư ở Thân Mệnh là người rất thông-minh, từ-ái, lượng khoan đại phúc-thọ, lạnh lợi. Hội với Thái-âm thì phát quý. Chiếu vào cung Thân Mệnh tức là cách Bình bộ nhập Kim môn (nghĩa là đi thông thả vào cung điện nhà Vua). Không có Cự-môn phạm thì gọi là « Thăng điện thừa Quân-ân » (nghĩa là lên điện chịu ơn Vua). Bị vào nơi lạc hãm, phùng ám tinh độ thì bị nghèo hèn không thể nói được. Đàn ông ắt khắc cha, đàn-bà thì chồng không sống. Gặp Hỏa Linh Dương Đà thì mắt bị đau. Đại tiểu hạn mà gặp thì bị bán hết ruộng đất.

Ngọc-thiểm nói rằng : Thái-dương là chức văn quan quyền quý, gặp Thiên hình lại là võ-quan. Cư ở Dần Mão gọi là Sơ thăng (mới lên), ở Thìn Ty gọi là Thăng-diện. Ở cung Ngọ thì gọi là « Nhật lệ trung thiên » (mặt Trời tươi sáng ở giữa Trời) chủ đại phú-quí. Ở cung Mùi Thân gọi là Thiên viên (lệch chỗ) chủ trước động sau tĩnh. Ở cung Dậu thì hết quý-hiền, đẹp mà không thực.

Ở Tuất Hợi Tí là lạc hãm thì hết ảnh-hưởng hay và quý, lại phùng Cự-ám, Phá-Quân thì nhất sanh một đời lao khổ bần hàn lại bị mất kém, người cô độc lại chiêu lấy thị phi. Đàn-bà mà gặp là sao tượng chồng ắt không được mỹ mãn, gặp Hao thì lấy nhau không cưới hỏi. Nếu được Lộc-tồn đồng cung tuy chủ tài bạch, nhưng bị cực khổ không nhàn. Nếu được cư với Tử-vi, Tả-Hữu đồng cung thì được quý-hiền, chỉ hiềm có Linh Hỏa Hình Kỵ thì họa cũng không tránh được.

Vũ-khúc

Sao Vũ-khúc là sao Bắc-dầu thứ 6 thuộc Kim chủ về Tài-bạch, với Thiên-phủ đồng cung thì sống lâu, thi quyền cho 12 cung, phân ra xem lâm vào Miếu vượng hãm cung.

Ở người là tính cương quyết quả cảm, có lúc vui lúc giận có khi có phúc có khi tai nạn. Nếu bị hãm tù mà hội vào cung Chấn (mão) tất là phá chủ và bị rủi do nhiều chuyện. Gặp được Lộc Mã giao trì thì phát tài ở phương xa. Gặp Tham lang đồng độ là người keo-kết biển-lận. Cùng ở Tài-bạch với Phá-quân thì tài đến tay lại hết. Gặp nhiều sao hung thành hung, nhiều sao tốt thành tốt.

Hi-Di nói rằng : Vũ-khúc thuộc kim trên Trời thì là Thọ tinh, mà trong số là Tài-ti, chỉ sợ thụ chế và nhập hãm Hỷ Lộc-tồn cùng là tài tinh, cùng Thái-âm đề lấy sự giúp quyền ; là phù tá 2 vị Thiên-phủ, Thiên-lương tuy Tài-bạch, Điền-trạch là 2 cung của nó. Ác sát hao tù hội với nó ở cung Chân (mão) ắt thấy sự buồn bực lôi đình. Phá-quân Tham lang hội ở Khảm (Tí) cung ắt bị chết đuối. Hội với Tham-lang thì thiếu-niên bất lợi. Vũ-khúc thủ Mệnh thì phúc không phải nhỏ, ở miếu địa gặp Đào-hoa Đồng Nguyệt là lợi mình hại người. Thất-sát Hỏa-tinh đồng cung thì bị cướp của, gặp Dương Đà thì bị cô khắc, và gặp Phá lại được quý hiển. Gặp ở đại-tiểu hạn thì được phát tài, nếu gặp Phá-quân cùng một cung ắt là bị thị-phi nhiều chuyện phiền nhiễu. Chỉ có Vũ-khúc cư Mệnh thì tính người cương-quyết quả cảm.

Người sanh Giáp Kỷ thì phúc hậu, « xuất tướng nhập tướng » lại được Tham Hỏa xung phá thì là quý cách.

Người sinh ở Tây-bắc phương thì hợp tốt.

— Ở Đông nam thì bình thường : không giữ được tồn-nghiệp.

Bị Tứ-sát xung phá thì cô-bần người bất nhất, cùng với Phá ở năm Diên-niên đàn bà ắt được tốt lắm, là quý-phụ : gia Sát xung phá thì lại bị cô khắc.

Thiên-đồng

Sao Thiên-đồng thuộc thủy là Nam-đầu tinh thứ 4, chủ về phúc-đức, nên gặp những cát tinh thì rất tốt, là người phúc hậu, liêm-khiết, mặt mũi đẹp đẽ, có tiết-độ qui-cử, không sợ Thất-sát lâm vào, không sợ Tứ-sát đồng cung, ở hai hạn nếu gặp Thiên-đồng mà được đắc-địa trong 12 cung thì gọi là phúc-số không bị phá hại ắt rất cát tường.

Hi-di nói rằng : Thiên-đồng là Nam-đầu tinh, là sao bảo trợ làm lợi sự sinh cho muôn vật, hợp với Hóa-lộc ắt gặp cát tường, Cư ở Thân Mệnh là người khiêm-tốn, bản tính ôn hòa tất có lòng từ-tâm bác-ái, gặp văn-tinh thì tinh-thần sáng khái có trí hiểu-kỳ không có hung tinh thì không kỵ Thất-sát, không sợ các hung tinh đồng độ trong 12 cung ở cung nào cũng là phúc cả, gặp Tả Hữu Xương Lương thì được quý-hiền, hợp với người sinh năm Ất ở Tỵ Hợi là đắc địa.

Những người sinh năm Canh không nên gặp Thiên-đồng Cư ở cung Dậu là chung thân không giữ được phúc, hội với Tứ-sát lại ở Tỵ Hợi là bị hãm thì bị tàn-tật. Mệnh đàn-bà mà có sao Thiên-đồng gặp sát xung phá thì hình phu khắc tử, gặp Lương Nguyệt bị xung phá thì đi tu được phúc.

Liêm-trinh

Sao Liêm-trinh thuộc mộc là Bắc-đầu tinh thứ 5, ở Tí Phàm-trật, ở số là tì Quyền-Lệnh. Nếu không ở nơi miếu

vượng lại phạm vào có Quan phủ gọi là hóa tù là có sự sát hại không có thể giải được, cái họa đó không có thể làm được, chủ cái tâm bị điên cuồng, lãng nhăng vô lễ, gặp được Tử-vi thành có uy-quyền, gặp Lộc-tồn lại chủ phú-quí, gặp Văn-xương lại hiểu lễ nhạc, gặp Thất-sát thì phát về vũ chức. Ở Quan-lộc thì được uy-quyền, ở cung Thân-Mệnh là sao Đào-hoa thứ nhì, ở vào vượng cung thì là chơi bởi cờ bạc mê tửu sắc đến bị kiện tụng. Với Cự-môn giao Mệnh ở hãm địa ắt bị thị-phi, gặp Tài-tinh hợp với Hao thì phá tán tồ-nghiệp, gặp Hình Kỵ thì bị chứng huyết nóng thành mụn nhọt. Gặp Bạch-hổ thì bị phát trướng không tránh khỏi, gặp Vũ-khúc ở cung bị khắc chế sợ bị gỗ dè, rắn cắn bị thương. Cùng với sao hành-hỏa ở cung hãm địa thì tự-tử xuống sông. Gặp Phá-quân Nhật Nguyệt thì làm song việc ắt bị mất đầu không tránh khỏi được. Hạn đến thì tai ương không thoát. Sao Liêm-trinh chỉ nên cư cung Quan-lộc Thân Mệnh, gặp cát tinh thì có phúc lớn, gặp hung tinh thì là người không có lòng từ-thiện.

— Liêm Tham cư Ty Hợi gặp được nhiều cát tinh thì được phúc dày ứng quá ba năm sau nên phòng sự tàn sát không lành.

Thiên-phủ

Sao Thiên-phủ thuộc thổ là nam đầu tinh, là sao thứ nhất về quyền lệnh, chủ tề về Tài bạch. Trên Trời đối với các sao là sao phúc-quyền, hội với sao tốt là cái kho phú-quí, hợp với sao Văn-xương.

Hi-di nói rằng : Thiên-phủ là sao Diên-thọ giải nguy chi tinh, là Thượng-tướng ti Mệnh-lệnh để giữ nước, đối với các sao là quyền tinh, ở số là thần Tài-bạch, Điền-trạch, y lộc

là Tướng-tá của Vua, chế được Dương Đà, hóa được Hỏa Linh thành phúc.

Người có Thiên-phủ cư Mệnh thì tướng mạo thanh kỳ, bầm tính ôn lương, đoan-trang, được Thái-dương Xương-Khúc hội vào thì ắt đỗ thủ khoa, gặp Lộc-tồn Vũ-khúc ắt được giàu có cự-vạn.

Thiên-phủ là cái kho Tài-lộc, cư Mệnh thì chung thân giàu có, kỳ Tứ sát xung phá tuy không được quý thì cũng được tiền tài, ruộng nương no đủ. Ở cung Tài-bạch và Điền-trạch là miếu lạc, ở cung Nô-bộc thì hãm nhược, ở cung Huynh-đệ thì bình thường. Cư Mệnh thì trông người có tướng-tá. Ở cung Thê-thiếp và Tử-túc thì được đầy đủ. Nếu bị Không-vong ngay cung nó cư thì ắt bị cô-lập, phá tán.

Đàn-bà được sao Thiên-phủ cư Mệnh là người chính đính thanh-tao vượng-phu ích-tử, không nên gặp xung phá, nếu bị chỉ đi tu thì đắc đạo.

Thái-âm

Thái-âm là cái tinh-chất của hành Thủy, ở Điền-trạch thì chủ hóa phú, thích hợp với Thái-dương. Theo hình tượng trên Trời thì cần phải biết phân thượng hạ huyền từ màu vàng đến màu đen để định cái thể tròn khuyết mà định miếu-lạc.

Người có Thái-âm cư Mệnh thì thông minh tuấn tú, bầm tính Đoan-trang, thượng huyền thì toàn sự cát tường, ở về hạ huyền thì luận giảm bớt mất uy-quyền. Nếu ở nơi tương sinh lại có Thái-dương là không có hại, như Nhật cư ở cung Mão-Nguyệt tại cung Dậu đều là nơi Vượng-địa là cái cơ phú-quí.

Mệnh ở cung Ngân-huy (Tí Hợi) có các sao tốt chiếu là được hưởng phúc. Nếu ở nơi hãm-địa gọi là Lạc-nhược (*dáng nơi bạc nhược*).

Thượng hạ huyền không nên gặp Cự-môn, thì tốt. Thái-âm cư Thân là sợ vợ ly-tồ; gặp sao Sát Phá là ly-dị, nếu gặp hung tinh Ác-sát thì bị thương tàn, trừ ra số các tăng đạo, trái lại được Trinh tường, quyết họa phúc không sai. Hoặc có Văn-khúc đồng cư ở Thân Mệnh là nhà Thuật-sĩ hay ảo-thuật lang bang.

Hi-Di nói rằng : Sao Thái-âm, Hóa lộc và Thái-dương gặp nhau thì tốt lắm, ở cung Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi là hãm địa, cung Dậu Tuất Hợi Tí Sửu là đắc-địa. Cung Dậu là chính Tây gọi là Tây-sơn là chỗ Đông-tán chỉ sợ sao Cự-môn và sao Dương-Đà đóng đó, gặp Liêm-trinh, Thiên-tù là tương phạm, gặp Thất-sát thì tương xung.

Sao Thái-âm thuộc âm-Thủy chủ về Điền-trạch đắc-địa thì có phúc, hãm ất hung. Về số đàn bà là sao tượng mẹ. Số đàn ông là tượng Thê-thiếp. An ở cung Thân Mệnh và hội với cát tinh thì được phú-quí, ở cung Tật-nguy gặp Đà-Ám là mất đau, Ngọ Hỏa tinh là Tai-nguy đến ngay, ngộ Tham-Sát thì mất đau, ở cung Phụ-mẫu vào hãm địa thì mất sáng, gặp lưu niên Bạch-hồ Thái-tuế là cha mẹ bị tai nạn. Tuy Thái-âm là sao thuần hòa nhưng bị thất huy ở vào hãm địa thì bị chế khắc ất không tốt, nếu gặp Bạch-hồ Tang-môn Điều-khách ất không tốt, vợ phải thận-trọng.

...

Tham-lang

Tham-lang là thần giải nguy hạng nhất thuộc thủy, hóa tính cách sao Đào-hoa chủ về họa-phúc. Thụ Thiên

ác định sự gian-trá, là người học-đạo Thần Tiên, lại là người thích ca ngâm cao vịnh phù đấng, muốn làm khéo thành hồng, ở cung Miếu vượng thì cát tường. Hội với Phá-quân là mê tửu sắc mà chết, cùng với sao Lộc-tồn thì tốt, ngộ Hao-tù thì hư hao, gặp Liêm-trinh là người không trong sạch, gặp Thất-sát hay Hình ngộ Dương Đà chủ Tỳ-tật, gặp Hình-Kỵ thì bị rổ seo. Đại-tiêu hạn mà gặp thì họa không nhỏ vậy. Có sao Thất-sát cùng đóng ở Thân Mệnh trai thì trộm cướp gái buôn chồng người, có cát tinh chiếu vào cũng không thể đổi được, nếu lại gặp hung tinh thì sự gian trá lại càng tăng thêm, gặp Thiên-cơ thì bị hư hại, không có sự thật ; người ở hậu với mình thì lại xử bạc, người nào ở bạc lại xử hậu, gặp Thất-sát ở Mệnh Thân thì bị yếu bần. Gặp Tham-lang ở cung Miếu vượng thì là góa, nếu gặp Phá-quân đồng cư hay chiếu lên ở nơi Sinh Vượng, trai thì rượu chè cờ bạc du đàng điếm dăng dâm tà chơi bời ca kỹ, nếu được *Không-vong an* vào thì lại ngược được đoan chính. Gặp Vũ-khúc đóng đó là kẻ siểm nịnh giới dăng, ích-kỷ, không bao giờ có lòng giúp người. Gặp Liêm-trinh thì bị kiện tụng hình phạt, gặp Thất-sát là làm đồ-tề, gặp Dương Đà củng-chiếu là con quỷ phong-lưu. Gặp Xương Khúc đồng độ là dối nhiều thực ít và có Thất-sát Nhật Nguyệt cùng chiếu là trai gái dâm tà hư hao, gặp Cự-môn là hay đánh nhau khẩu thiệt thị-phi. Nếu gặp Tử-vi không có sự khắc chế thì cũng vẫn là người vô dụng. Được Phụ-Bật Xương Khúc giáp thì không cần phải nói làm gì. Ở hãm địa gặp được Sinh thì lại được cát tường nhưng nhà cửa bị điên-đảo được phát tài một thời. Hội với Hỏa Linh thì được giàu sang đẹp-đẽ, ở cung Tài-bạch có Vũ-khúc Thái-âm không phải tự mình làm phát-đạt thì lại thành dâm loạn. Tại cung Tử-tức Huỳnh-đệ là ở hãm cung, tại Điền-trạch thì phá của ông cha để lại tiền phú hậu bần, tại

cung Nô bộc ở chỗ Miếu vượng thì vì bè bạn, đầy tó phá hại, ở cung Phụ hay Thê thì trai gái không được toại lòng vì nhân duyên, tại Tật-bệnh với Dương Đà Âm-Sát thì bị bệnh về tửu sắc. Tại Thiên-di nếu ở hỏa hương gặp Phá-quân Âm-Sát, ở lưu niên có Tuế Sát thì chủ binh hỏa đạo tặc.

Hi-Di nói rằng : Tham-lang là sao Bắc-đầu tinh, thần giải nguy, là sao Truất-minh (bỏ cái sáng) khi thì thuộc mộc đái thổ, khi thì thuộc thủy nên hóa khí là Đào-hoa chủ về thần họa phúc, ở số là sự khoái lạc phóng đảng, gặp cát tinh thì chủ phú quý, gặp hung tinh thì chủ hư hại dâm đảng. Tượng người thấp bé, tính cương quyết mạnh dạn, cơ-mưu thâm-thúy, háo sắc yêu ghét bất định. Tại cung Miếu-vượng gặp Hỏa tinh thì về vũ-chức có quyền quý, người sinh năm Mậu-Kỷ thì hợp cục. Ngộ Quân Tướng, diên thọ hội với Liêm Vũ là nhà kỹ-thuật gia, thêm sao Lộc-tồn thì nên đi tu. Gặp Phá Sát tương xung con trai thì tang bông hồ tử độ nhật viễn phương, gái thì chủ hình khắc không trinh-tiết, gặp Thái-âm thì chủ dâm loạn.

...

Cự-Môn

Sao Cự môn thuộc Thủy đái kim là Bắc-đầu tinh thứ 2 là sao Âm tinh, hóa khí thành ám (nên gọi là Cự ám hay là ám không). Ở cung Thân Mệnh thì chỉ chiêu lấy thị-phi khẩu thiệt, tại Huynh-đệ thì cốt-nhục tương thâm, tại cung Phụ thê thì là sinh ly tử biệt, trai thì vợ không hòa thuận, gái thì không khỏi sự ô-danh thất tiết, tại Tử-tức thì sau không có con, tại Tài-bạch thì có cái ý cạnh tranh, tại Tật-nguy gặp Hình Kỵ thì có tai họa về mắt, Sát ở đó thì bị tàng-tật, tại Thiên-di là đi ra ngoài thì chiêu lấy thị-phi, tại Nô-bộc thì bạn bè đầy tó nhiều sự oán thù nghịch ý, tại Quan-lộc là chủ chiêu lấy hình

thương, tại Điền-trạch thì phá tán tổ nghiệp, tại Phúc-đức thì ít phúc, ở cung Phụ-mẫu thì cha mẹ mất sớm.

Hi-Di nói rằng : Sao Cự-môn ở trên Trời là cái ti Phàm-trật của muôn loài, ở số là chấp chương thị phi, chủ sự ám muội, là sự tiến thoái của Thiên Địa, hai điều đều khó khăn, tính thì giả-dối, ngoài mặt có vẻ thật thà sau lưng gian-trá, đối với lục thân thì ít giao du, trước tốt sau xấu. Trong 12 cung nếu không được cát tinh Miếu Vượng chiếu lên thì bị bốn-ba khổ cực. Cư ở những cung Tí, Sửu, Dần, Tỵ, Thân tuy được giàu có nhưng cũng không bền, gặp Thái-dương thì tốt lắm, gặp hung tinh thì giảm một nửa, gặp Thất-sát thì chủ Sát thương. Tham Hao đồng hành thì bị tù đồ, gặp Tử-vi thì bị chế khắc cái sức mạnh của nó. Phùng Lộc-tồn thì giải nguy được, gặp Dương Đà thì trai là trộm cắp gái bị góa chồng, đối cung gặp Hỏa Linh Bạch-hổ không có Tử-vi Lộc-tồn thì lấy nhau cách xa nghìn dặm, tam hợp có Sát tinh ắt bị lửa cháy nguy hại, là số cô đơn, là Thần khắc chế, trừ người tu hành, tăng đạo lánh xa cõi thế cũng không tránh khỏi sự lao khổ bề tấc. Hạn gặp hung tinh nữa thì tai nạn không nhỏ vậy.

Thiên-tướng

Sao Thiên-tướng thuộc thủy là Nam đầu tinh thứ 5, chủ về chức tước, sao phúc thiện, hóa khí là cái ấn, là văn tinh, ở Quan-lộc là vị phò tá Vua. Ở cung Thân Mệnh là người thành thật có lòng trắc-ẩn khi thấy người hoạn nạn, có lòng bất bình khi thấy kẻ mạnh hiếp yếu. Cư tại Quan-lộc thì được hiển vinh, hợp với Tử-vi thì tranh quyền cướp nước duy chỉ phù được cái ánh sáng của Nhật Nguyệt, hóa được

cái ác của sao Liêm-trình. Tại Thân Mệnh thì được vinh quang, ở Tử-tức thì con cháu đầy đàn, trong 12 cung là phúc tường, không theo hung tinh mà đổi trí ; không nhân có Sát tinh mà đái lòng. Hạn gặp nó thì giàu có không lường được, ở cung sinh vượng tuy không phùng Tử-vi gặp Tả-Hữu thì chức cao quyền trọng nắm cả trong tay. Hoặc ở cung nhân nhược thì cũng được cát lợi. Hai hạn gặp nó thì chủ phú-quí.

Hi-di nói rằng : Thiên-tướng là Nam đầu tinh hóa khí là cái ấn, chủ ăn mặc dư giả, gặp được Tả Hữu Xương Khúc tương hội thì vị chí công khanh, ở hãm-địa có Tham Liêm Vũ Phá Dương Đà Sát thì làm nghề khéo léo, an ở Thân Mệnh có Hỏa Linh xung Phá thì bị tàng-tật. Con gái thì chủ thông minh, đoan-trang trí quá trượng-phu, ba nơi được cát tinh chiếu thì được phong tặng, nếu có Xương Khúc xung phá, thì lại làm lẽ, nếu ở trong tăng-đạo thì lại chủ thanh cao.

Sao Thiên-tướng chủ về Quan-lộc, Thân Mệnh gặp nó thì chủ được tài phúc, hình thể béo tốt, ăn nói thận trọng, kẻ sĩ cao thăng, tại gia thì có tài-lộc.

Đại tiểu hạn gặp nó thì trăm sự hanh thông.

Thiên-lương

Sao Thiên-lương là Nam đầu tinh thứ 2, là ti Thọ-tinh hóa khí là Âm là phúc-thọ, chủ về Phụ-mẫu. Ở người thì lỗi lạc tính tình hậu-trọng, ôn khiêm đôn trực không Vi-kỷ, làm việc thì quả quyết ở Thân Mệnh là có phúc và nhiều con cháu, ở cung Tài gặp Xương Khúc, ở cung Phúc đức Tam-hợp có Thái-dương thì được vạn toàn, thanh danh, hiển hách chức vị cao tột, làm đến Quân-sư, lập ra Hiến-pháp. Nếu gặp Hao

Cơ, Sát thì nên đi tu, không thì hay bị quan trên hạch hỏi, phùng Tham-lang đồng độ thì loạn gia đạo, cư Nô-bộc Tật-nguy thì tượng người to lớn phì mãn, gặp Liêm-trinh Kỵ thì không sao trừ được sự khờ khạo, ngộ Hỏa Linh Hình Âm cũng không bị sự chinh chiến phiền nhiễu, gặp Thái-tuế tuy xung nhưng mà là phúc, ngộ Bạch-hồ cũng không bị tai ương. Mệnh hoặc đối cung có Thiên-lương chủ sống lâu và là sao cực tốt vậy.

Hi-di nói rằng : Sao Thiên-lương là Nam-đầu tinh, sao Ti thọ hóa là Âm, là Thọ, là uy-quyền phò-tá Thượng-đế, là Phụ-mẫu, chủ sinh người ôn hòa hình thần cần trọng, tính lỗi-lạc hơn người, thiện về binh pháp, được Xương Khúc Tả Hữu chiếu làm đến Tướng-soái, tại Phụ-mẫu thì là người Hậu trọng uy nghiêm, hội với Thái-dương cư Phúc-đức thì quý đến cực phẩm, người sinh năm Mậu-Kỷ thì hợp cực, gặp Tứ-sát xung phá thì như lúa mọc không được tốt, phùng Thiên-cơ Hao Diêu thì làm tăng-đạo được thanh nhàn, Tham Cự đồng độ thì thương luân bại lý, tại Nô-bộc Tật nguy cũng không được dư giả, gặp Liêm-trinh Hình Kỵ ắt vì ngu mà không thắng được kẻ địch, ngộ Hỏa Linh Hình Âm cũng không gặp sự nhiễu hại của chiến tranh, Thái-tuế xung hóa phúc, Bạch-hồ hội mà không bị tai ương, hội với Tấu-thư thì vinh-hiến, có Thanh-long thì có thư tín vui mừng, gặp Đại-tiểu hao thì làm việc gì cũng không thành, gặp Quan-phù Bệnh-phù cũng không bị tai ương. Đàn-bà gặp cát tinh ở cung Miếu thì vượng phú ích tử, có Xương Khúc Tả Hữu phù trợ thì được phong tặng, gặp Kinh Đà Dương Kỵ Hỏa xung hình phá khắc thì chỉ chiêu lấy thị phi không được thanh khiết nên đi tu.

Sao Thiên-lương an ở cung Thìn Tuất là vượng địa thì phúc thọ hết chỗ nói.

Thất-sát :

Sao Thất-sát là Nam đầu-tinh thứ 6, thuộc hỏa đái kim là Thượng-tướng, thành bại một mình làm. Trên Trời thì chủ về quyền binh về phong-hiến, cái uy quyền ấy là sự linh-diệu của thể Kim, tính Thanh-lương, ở số thì chủ đi tu, ở Thân Mệnh thì chủ gian lao tân khổ, gặp hạn không có sao phụ giúp chế-hóa thì chết yểu. Ở Quan-lộc mà đắc-địa thì tai họa lại hóa ra cát tường, tại Tử-túc thì cô đơn, cư Phu-thê thì bị góa, hay lạnh nhạt với nhau, ở Điền-trạch bị hình tù thì cha mẹ bị hình thương, của cải không để lại được, cư Thiên-di gặp Hình Kỵ Sát thì chung Thân tật-bệnh tàng-tật, túng sử thành cô đơn, ứng vào năm thọ niên thì không nuôi được, gặp tù ở Thân Mệnh thì bị gãy chân chủ về bệnh lao, hội tù ở cung Thiên-di thì bị chết đường, lại vào cung hãm nhược thì giam được tai ương. Nếu ở ngay cung Âm (Sửu, Mão, Tỵ v.v.) thì thành họa, ưu buồn thậm trọng, lưu niên thì Sát tinh không nên gặp Thân. Sát tinh ở cung Trường Hưu Sát phùng Ác tinh ở chỗ yếu địa, Mệnh phùng Sát ở 3 phương chiếu lại thì ắt bị sát hại, Nhị hạn mà gặp ắt bị chết trận hay bị đánh chết. Hợp với Thái-dương Cự-môn và Đế-vượng thì tốt. Có Không-vong phạm vào hình Sát thì tai họa không nhỏ. Nhị hạn Thân Mệnh mà được Tử-vi để chế thì làm việc không công. Tam hợp đối xung duy có Lộc lại là anh-hùng giúp đời, đó là Sát bị chế hóa. Nhưng cũng chỉ là một giấc mộng nam-kha đến lúc trở hạn lại thì hết oanh-liệt, còn sự xấu tốt về sau phải xem hạn khác. Trong số thì là sao ác nhất.

Hi-Di nói rằng : Thất-sát trong đầu-số là Thượng-tướng gặp Tử-vi thì hóa quyền giáng phúc, gặp Hỏa Linh là kẻ giết người trên, gặp hung tinh ở sinh hướng thì làm đồ-tể, hội Xương Khúc ở nơi yếu-địa thì tính tình khờ khạo, Sát cư

hãm địa thì có tính trầm ngâm nên phúc không phát ra được. Thân Mệnh gặp nó thì gian lao tân khổ, nhị hạn mà gặp nó là tai ương phá bại, gặp Đế Lộc thì giải được. Lưu niên gặp Sát mà phùng hung tinh thủ Mệnh Thân thì làm chuyện gì cũng bị lên xuống vui buồn vô chừng, Tả Hữu Xương Khúc nhập miếu củng-chiếu thì trong tay nắm quyền sinh sát, phú-quí hơn người. Nếu gặp Tứ-sát Kỵ tinh xung phá thì làm nghề khéo bình thường, hãm địa thì tàng-tật. Đàn-bà Mệnh an Vượng-địa có Thất-sát thì tài trí quyền hành hơn người, trí quá trượng-phu. Tứ-sát xung phá hình khắc là sự hồ mang trở lại thế-tục.

Thất-sát ở cung Dần Thân Tí Ngọ thì tứ phương phủ phục là anh hùng hào-kiệt tài trí hơn người, lại được Khôi Việt Tả Hữu Văn Xương hội lại thì quyền lộc danh cao giàu có cự vạn. Ở cung hãm địa thì sự hại không thể kể được, như ôm hồ ngủ, nếu lúc nó mạnh tỉnh dậy không có gì chế phục thì chắc chết.

Phá-Quân

Sao Phá-quân thuộc Thủy là Bắc-đầu tinh thứ 7, là Thần của cung Phu-thê, Nô-bộc Tử-túc. Cự Tí-Ngọ là nhập miếu. Trên Trời là sát-khí, trong số là hao tinh cho nên nói hóa khí gọi là Hao. Chủ người hung bạo gian trá, tính biến lộn ít giao du với người, động là hại người không phải là thiện nhân. Lấy thiện giúp người thành ác, nghịch với lực thân coi như kẻ thù nghịch, sử cốt-nhục vô nhân-nghĩa, duy có những người sinh năm Quý-Giáp thì hợp cách được phú-quí. Cự hãm địa thêm sát xung phá thì làm nghề khéo về kỹ-thuật, bị tàng-tật không được hưởng tổ-nghiệp nên đi tu. Đàn-

bà bị xung phá thì dân đang bất khả ái. Phá-quân cư với Tử-vi thì mất hết uy-quyền, gặp Thiên-Phủ là kẻ gian lao, gặp Thiên-cơ thì bị chó chuột cắn, cùng với Liêm-trinh Hỏa-Linh đồng độ thì quyết phải phòng việc quan-tụng, Cự-môn đồng độ thì khẩu-thiệt tranh đấu hội với Hình Kỵ thì trung thân tàng-tật. Cư Tài-bạch lại có Vũ-khúc thì đông khuynh tây bại, có Văn-tinh thủ Mệnh thì nhất sinh là học trò nghèo, gặp hung tinh phá bại ngộ hãm địa thì họa không nhỏ, duy chỉ có sao *Thiên-lương* chế được cái ác của nó, *Thiên-lộc* giải được cái cường họa ấy. Nếu phùng Liêm Sát thì gia-nghiệp tan tành hóa không, cùng với Văn-khúc ở cung Thủy thì bị tàng-tật và ly-hương, ngộ Văn-xương ở cung Chấn (Mão) thêm cát tinh thì khả quý. Đàn-bà mà gặp sao này thì lấy chồng không cần môi giới, bị tang tóc và lưu bạt. Phàm cư Thân Mệnh ở cung Tí-Ngọ lại có Tham-lang Thất-sát cùng chiếu thì uy chấn khắp nước. Hoặc cùng Vũ-khúc đồng cư cung Tỵ có Tham-lang cùng- chiếu lại có Thai-phụ, Phượng các, và xem có ác tinh thế nào, người sinh năm Canh, Quý là nhập cách thì đời có uy-quyền nhưng sau về già cũng không được toàn-mỹ. Tại Thân Mệnh ở cung hãm-địa là bỏ tổ ly tông. Tại Huynh-đệ thì cốt-nhục tương-tàn, tại Phu-thê thì hôn-nhân nhọc nhằn, tại Tử-tức thì tiền tồn hậu thành, tại Tài-bạch thì của cải tụ tán như phù vân, tại Tật-nguy đến bán thân bất toại, tại Thiên-di thì bôn tẩu bất lực, tại Nô-bộc thì bạn bè đầy tớ vu oan mà đi hết, tại Quan-lộc thì chủ thanh bần, tại Điền-trạch thì tổ mộ bị phá đặng, tại Phúc-đức thì nhiều tai vạ, tại Phụ-mẫu thì bị phá và hình khắc.

Văn-xương

Sao Văn-xương chủ về khoa-giáp, thủ Thân Mệnh là người nhàn nhã thanh tú, khôi ngô, bác văn quảng ký, cơ biến dị thường. Nhất cử thành danh, làm đến Tể-trưởng, phúc thọ song toàn, gặp Tứ-sát xung phá cũng không đến nỗi hạ-tiện. Đàn-bà thêm cát tinh đắc-địa thì y-lộc sung túc, gặp Tứ-sát xung phá thì bỏ một đời chồng nên đi tu, thêm Quyền-lộc thì làm Giáo-sư được trọng-hậu. Ở cung Thìn Tỵ là vượng-địa, lợi ở cung Ngọ, chỉ hiểm cung Mão Dậu. Người sinh hỏa Mệnh thì bất lợi.

Người có Văn-xương thủ Thân Mệnh thì đẹp đẽ, tai mắt sáng lạng; người sinh kim Mệnh thì tốt phú quý song toàn. Ban đầu khó khăn sau được dễ dàng, hậu lai có thanh danh. Gặp Thái-dương Thái-âm phúc ám thì đỗ Trạng-Nguyên (truyền lưu đệ nhất danh).

Văn-khúc

Sao Văn-khúc thuộc thủy là Bắc-đầu tinh thứ 4 chủ Khoa-giáp Văn-chương, cùng với Xương hiệp lại thì rất tốt, lâm Thân Mệnh thì đỗ đạt cao, khách đào-hoa lạng tử vào bậc Sĩ-phu, tại Quan-lộc thì được chấp chánh gần Vua. Cư Thân Mệnh lại phùng hung tinh thì lại là không tên tuổi, là kẻ hầu-hạ người ta. Với Liêm-trinh thì làm đến chức Công-Mệnh Thân có Thái-âm đồng hành thì là hạng thuật-sĩ cứu lưu sợ cùng Phá-quân lâm vào cung Thủy thì sinh tai nạn hiểm thù, gặp Tham lang là làm chính-trị bị điên-đảo. Phùng Thất-sát Hình Kỵ tù và ác tinh là người gian lận nói láo không sai, gặp Cự-môn độ sao hòa nhau nhưng không có trí nhớ. Đàn bà không nên gặp, tính hay thay đổi và trang-diễm, kỵ

nhập Thổ cung, hạn mà gặp lại có Lộc-tồn, Hóa-lộc thì cũng không cho là hung.

Hi-Di nói rằng : « Văn-khúc thủ Thân Mệnh cư Ty Dậu Sửu cung thì làm tước Hầu-Bá, Vũ-khúc tam-hợp đồng viên là cách Võ-tướng, Văn-xương đồng chiếu là cách Văn-quan. Nếu ở cung hãm-địa ngộ Cự-môn ở Tuất có Dương Đà xung phá thì bị thủy-tai nguy hiểm. Cung Hợi Mão Mùi là Vượng-địa có Thiên-lương, Thiên-tướng hội lại chủ thông-minh bác học. Gặp sát xung phá là chỉ nên đi tu. Đàn-bà mà gặp là người thanh-tú thông minh chủ quý nếu ở hãm-địa xung phá thì dâm loạn lại là hạ-tiện. »

Lưu-niên gặp Văn-khúc : Lưu-niên Mệnh phùng có Xương Khúc thì ắt có khoa giáp. Nhị hạn gặp nó tam hợp cũng-chiếu có Thái-dương, lưu niên có Lộc, tiểu-hạn có Thái-tuế phùng Khôi Việt Tả Hữu Thai Tọa, Nhật Nguyệt Khoa Quyền Lộc mà ba phương cũng-chiếu lại thì tất đỗ cao, không sai được, nếu không đi thi mà đã ra gánh vác trong xã-hội rồi thì được Đại-cát. Nếu ở-hai cung Ty Dậu là đắc-địa không giàu thì sang trọng vậy.

Tả-phụ

Hi-Di nói rằng : Sao Tả-phụ là chủ tề của Đế-cực (sao Bắc-dầu) Thủ Thân Mệnh là giáng phúc các cung. Người thì hình mạo đôn-hậu khảng khái phong lưu. Gặp Tử, Phủ Quyền Lộc cũng-chiếu lên thì chủ văn vũ đại quý, có Hỏa Kỵ xung phá thì tuy phú quý nhưng không bền, nên đi tu thì được thanh nhàn, người hiền đôn-hậu. Ở nơi vượng-địa được phong tằng. Đại kỵ xung phá, lấy trong cuộc số mà đoán.

Hữu-bật

Hi-Di nói rằng : Sao Hữu-bật là chủ-tể Đế-cực thủ Thân Mệnh là Văn-tinh, ngộ Tử, Phủ cát-tinh được Tài-quan song mỹ, văn võ toàn tài, có Dương-Đà xung phá là hạ-cực. Đàn-bà là hiền lương trí khí gặp Tứ-sát nếu không bản-tiện thì là tăng đạo thanh nhàn.

Tả phụ thuộc thổ Hữu-bật thuộc thủy không gặp Chứa ất vô dụng, gặp được Tử-vi thì tước-lộc kể không xiết. Nếu ở cung Phu-thê chủ cưới xin hai lần, gặp Liêm-trinh thành bản-tiện gian ác, gặp hình-dồ gông cùm.

Phụ-Bật là Thượng-tướng phụ tá Tử-vi, ở cạnh cung Nhật Nguyệt thì tốt. Là Văn-nhân đảo Võ-Môn (cá hóa rồng tức là làm quan cao phẩm) ở chỗ nhàn hạ. Ở vào cung Thê quyết có hai vợ. Nếu cùng Hình ở Tù xứ thì bị thương hại vì đạo lạc.

...

Thiên-khôi, Thiên-việt

Khôi Việt chủ về khoa giáp, nhập Mệnh tọa quý hướng quý hoặc được Tả Hữu thì phú quý, trên Thượng-giới là thần hòa hợp. Nếu Khôi cư Mệnh và Việt ở Thân lại gặp Tử Phủ Nhật Nguyệt Tả Hữu Quyền Lộc cùng chiếu thì thiếu niên gặp được vợ đẹp, gặp ở đại hạn là được quý-nhân giúp đỡ, có lòng tiểu nhân bất nhất cũng không bị hung hại. Hạn gặp ất chủ về con cái thêm vui, sinh trai tuần-tú, về sự học danh thành công toại, sinh gái thì dung mạo đoan-trang xuất chúng siêu quần, 40 tuổi trở lên gặp Mộ-khố không đoán như vậy. Gặp sao hung cũng không hại, không bị tai nạn. Cư Quan-lộc là người hiền năng có uy vũ thanh danh nổi tiếng lừng-lẫy, là tăng-đạo được hưởng phúc, người người

quí-mến, không phải cách hạ tiện. Đàn-bà là người tề-gia nội trợ nếu gia Ác-Sát cũng phú quý nhưng không khỏi có sự tư tình dâm-dật.

Cũng gọi là sao Thiên-ất, được quí-nhân đều khâm phục, phúc lớn danh giá cao vọi, bác cồ thông kim. Hạn gặp Khôi-Việt được lương tiền vô kể, quan lại thì được tài lẫn phúc, hạn ngay năm đó ất yết kiến Quân-vương.

..

Lộc-tồn

Sao Lộc-tồn là Bắc-dầu thứ 3, là Chân-nhân, chủ về quí tước và nhân-thọ, được Đế-Tướng phù thì có quyền binh : Nhật Nguyệt mà gặp được tăng sức sáng, Thiên-phủ Vũ-khúc gặp thì chức tước đầy đủ ; Thiên-lương đồng được cát tường. Trong 12 cung chỉ có cung Thân Mệnh, Điền-trạch, Tài-bạch là hệ-trọng, chủ phúc, cư Thiên-di là được đẹp lòng, cùng Đế-tinh thì phát về Quan-lộc và con cháu được tước lộc nhiều. Nếu một mình nó thủ Mệnh mà không có cát-tinh phải xem cung Tài, phùng cát tinh thì oai quyền càng tăng, gặp hung thì bại tông tích. Sợ nhất lạc ở nơi hãm-dị cũng ất có họa hại, lại có Linh Hỏa Không Kiếp thì làm nghề khéo yên thân, gặp thời hưởng được tước lộc nữa. Cư Thân Mệnh là chủ nhân từ hậu-trọng tín-thực ngay thẳng và có học-thức. Đàn-bà thì khéo léo thanh-tú siêng-năng cần-mẫn lại có trí khí Quân-tử. Có Tử-Phủ Liêm-Đồng hội hợp với Lộc-tồn là Thượng-cục.

Trong các cung có Lộc-tồn là chủ giáng phúc tiêu tai. Lộc-tồn bị hãm cư ở Tứ Mộ được lợi ích, lấy cung Thìn Tuất là Khôi-cang, Sửu Mùi là chỗ Quí-nhân nên Lộc-tồn được tính tốt lành.

Trong số có Lộc-tồn là Thượng-cục, cư Thân Mệnh chủ quý nhiều vàng ngọc, có thể ở trong Hoạn-lộ, là Văn-nhân được thanh-danh, là Vũ-nhân có hậu-lộc, là thường nhân thì phát hoạnh tài, là tăng-đạo cũng chủ phúc, về Quan-lại được hưởng Thiên-lộc. Giáp Lộc hay củng-chiếu là quý-cách, hội với Hóa-lộc nữa tức như vàng lại gặp vàng giàu có không lường được. Lộc-tồn đối hướng hay thủ ở cung Thiên-di, hay Tam-hợp phùng nó ắt có lợi lộc mà xa gần ai ai cũng khâm-phục, tay trắng làm nên.

..

Thiên-Mã

Hi-Di nói rằng : Thiên-mã chủ sự chế hóa các cung, thủ Thân Mệnh gọi là Dịch-mã. Gặp được Lộc-tồn Tử-Phủ Xương Khúc chiếu thì tốt lắm, như đại tiểu hạn mà lại gặp Lộc-tồn Tử-Phủ tất có tài lợi. Như có Lộc-tồn đồng cung gọi là Lộc-Mã giao trì hay Triết-tiến (bể cây đánh ngựa cho chạy.) Mã Tử Phủ đồng cung gọi là Phù-Du (đóng xe). Mã Hình Sát đồng cung gọi là Phù-Thi (chở xác chết). Mã Hỏa Tinh đồng cung gọi là Chiến-mã, (ngựa ra trận). Cùng với Nhật Nguyệt gọi là Thư Hùng mã. Phùng Không-vong gọi là Tử-mã (ngựa chết). Mã cư Tuyệt địa cũng gọi là Tử-mã. Ngộ Đà-la gọi là Triết-túc mã (ngựa què). Mệnh Thân hay đại tiểu hạn gặp những cách như trên thì cứ như thế mà đoán.

..

Hóa-Lộc

Hi-Di nói rằng : Hóa-lộc là Thần phúc-đức. Thủ Thân Mệnh Quan-lộc có Khoa Quyền là làm đến Đại-thần, tiểu

hạn gặp thì chủ tiền tài, hay có sự vui trong Quan-trường. Đại hạn được 10 năm cát khánh không sai. Nếu bị ác-tinh lâm vào có cả Dương Đà Hóa-ky xung chiếu cũng không đến nỗi hại. Đàn-bà gặp sao này ở cung Thân Mệnh cũng tốt là hạn Mệnh-phụ. Nhị hạn mà gặp trong ngoài đều được suy nghiêm. Bị Sát-tinh chỉ bình thường.

∴

Hóa-Quyền

Hi-Di nói rằng : Hóa-Quyền là Thần nắm trong tay và ban bố sự sinh sát. Thủ Thân Mệnh gặp Khoa Lộc là « xuất tướng nhập tướng », tất định văn-chương ai cũng khâm phục. Tiểu-hạn gặp thì tốt. Đại-hạn 10 năm như gặp Dương-Đà Hao Sứ Kiếp Không là chủ thất trí, hay nghe lời sàm bậy mà hại lụy đến Quan quyền. Đàn-bà gặp trong ngoài được toại ý vừa lòng, là hạn Mệnh-phụ. Làm tăng-đạo ở trên rừng núi được đến bậc Sư-phụ.

∴

Hóa-Khoa

Hi-Di nói rằng : Sao Hóa-khoa ở trên Thượng-giới chủ sự ứng-thí, chưởng chấp văn-chương giấy bút. Thủ Thân Mệnh được Quyền-Lộc tương phùng thì quý hiển làm đến Đại-thần, Tể-tướng. Như gặp ác-tinh cũng thành nhà Tú-sĩ văn-chương trong giới Sư-phạm. Đàn-bà có cát-tinh cư Mệnh cũng-chiếu chủ quý được phong tặng, duy chỉ có Tứ-sát xung phá cũng còn phú quý. Hạn sao Hóa-khoa cũng xung đồng cung cũng đoán vậy.

∴

Hóa-Ky

Hi-Di nói rằng : Sao Hóa-ky là Thần Quản-thủ, (giữ gìn). Thủ Thân Mệnh là một đời không thuận ý, tiểu-hạn phùng là một năm không đủ. Đại-hạn phùng thì 10 năm hối lẫn. Trong nhị hạn lại có sao Thái-tuế là nhà văn ngớ-ngẩn không lâu. Kẻ vũ-phu thì vướng phải tai vạ lên đến cửa quan, khẩu thiệt, về thương-mại mua bán, làm kỹ-nghệ đều không có lời. Hội với Tử-Phủ Xương-Khúc Tả Hữu, Khoa Quyền Lộc lại có Liêm-trình Tứ-sát cũng-chiều thì phát tài nhưng cũng không được toại lòng và công danh cũng không thành tựu. Nếu gặp Tứ-sát Hao Sứ Kiếp Không chủ bốn ba dái tật. Làm tăng đạo thì trở lại hoàn tục. Đàn-bà là nhất sinh bần yếu.

Kinh-Dương

Hi-Di nói rằng : Sao Kinh-dương là sao Bắc-đẩu trợ tinh. Thủ Thân Mệnh thì hay hành động táo bạo, cô đơn lấy thân làm sơ, lấy ân làm oán. Nhập miếu tính cương-cường quả quyết cơ mưu hiểu-dững chủ Quyền-quí.

Người sinh ở Bắc-phương là phúc, sinh ở Tứ Mộ không bị kỵ, Mệnh cư Mão Dậu thì thành họa hại hung ương hình khắc nhiều lắm. Người sinh năm Giáp, Mậu ất có hung họa, cũng được giàu sang nhưng không bền về sau không tốt. Nếu là người làm công-nghệ thì cực nhọc, thêm Hóa-ky Kiếp Không xung phá ất bị tàng-tật bỏ quê hương, hình khắc lục thân. Đàn-bà, nhập miếu lại là Thượng cục tốt lắm. Nếu lại bị Sát Hao xung phá thì ngược lại chủ hình khắc, là hạ-cục.

Dương-Đà tổng luận

Ngọc-Thiêm nói rằng : Hai sao Kinh-dương Đà-la là thuộc Hỏa Kim là Bắc-đầu trợ tinh ở trên Trời là Tấu-ti (sở thừa trình lên bề trên), tại số là hung nguy. Dương hóa khí gọi là Hình, Đà hóa khí gọi là Kỵ. Sợ lâm vào cung Huynh-đệ Điền trạch, Phụ-mẫu ba cung, kỵ tam-hợp.

Lâm Thân Mệnh hợp Xương Khúc Tả Hữu là có nốt ruồi kín, gặp Nhật Nguyệt là đàn-bà khắc chồng, đàn ông khắc vợ, ở các cung khác là hung hại. Kỵ cùng Nhật Nguyệt là cha mẹ bị hình khắc tổn thương về mặt, Hình với Đào-hoa thì phong-lưu nhưng chiêu họa, Kỵ với Tham-lang nếu gặp thì bị chết về tử sắc. Thân có Hình và Âm đồng hành thì âm tật mà hại mắt. Kỵ và Sát Âm đồng độ ắt chiêu lấy sự nhục mạ sinh âm tật, với Hỏa Linh thì hung nên đi tu. Quyền Hình hợp Sát thì bị tật nguy quan tai không tránh được. Lưu-niên gặp Tham Hao nữa thì trên mặt bị thối sẹo mới. Gặp Quyền Hình Tù hợp Sát bị tật bệnh tai nguy. Hạn vận mà gặp nó là hoạn họa, tai vạ tự nhiên đưa đến có sự chém giết. Dương Đà chủ về thọ yếu sát nhân gọi là Tảo-tinh (sao chổi). Người Quân-tử gặp nó phùng sự sợ hãi, kẻ tiểu nhân thì chiêu lấy sự hình phạt. Ngộ Hao là đi hành-khất. Như gặp ở Nhị-hạn là thất thời tai họa đến.

Linh-tinh

Sao Linh-tinh là Nam-đầu tinh.

Hi-Di nói rằng : Sao Linh-tinh là Tướng đại sát, ở Nam đầu là Tòng-thần. Ở Thân Mệnh là người có tính trầm-ngâm, tướng mạo dị kỳ uy thế thanh danh. Nếu gặp được

Tham-lang là cách « Nhật lập biên đình » (mặt Trời chiếu bên sân nhà Vua). Ở Miếu địa cung Tài Quan là quý cách. Hãm địa thì cô bản. Gặp Dương-Đà cũng hợp thì tai họa lớn lắm, không thể cứu được là cô độc, bỏ Tổ-tông thương tang tật bịnh, là tăng đạo thì phóng đảng hoàn tục vô luân. Đàn-bà không có cát tinh thì bị hình khắc cha mẹ anh em trung thân không được trình tiết yểu tử khốn bản. Sao này là sao Đại ác sát nhất sinh là bị hung họa, lấy thực làm hư ; ngộ Thất-sát chủ trận vong, gặp Phá-quân thì tài sản tiêu tan, gặp Liêm Dương Hình hội Kiếp chủ đao binh hoặc gặp Tham-lang cư cung Quan-Lộc cũng không yên. Nếu phùng cư ở vượng địa thì lại là phú quý không thể lường được.

Tổng luận 4 sao : Dương Đà Hỏa Linh

Ngọc-Thiểm nói rằng : Hỏa, Linh Đà-la thuộc kim tinh, Kinh-dương là hình kỵ đều gọi là Mã-tảo tinh (ngựa quét sạch), lại gọi là Đoản-thọ, sát tinh. Người Quân-tử mà gặp thì mất uy-quyền, kẻ tiểu nhân mà gặp thì bị hình pháp, cô-độc khắc lục-thân, tai họa thường không ngớt. Lưng chân môi răng thường hay bị thương, lao tâm gặp nhiều sự bế tắc kiên vận. Gặp Phá-Tướng là bị lao tâm, khát thực, đồ-diếu. Nên đi tu thì được an nhàn.

Thiên-không, Địa-kiếp

Hi-di nói rằng : Hai sao này thủ Thân Mệnh ngộ cát tinh thì cát, ngộ hung tinh thì hung. Như gặp Tứ-sát xung chiếu nhẹ thì hạ-tiện, nặng là lục súc chi nhân, làm tăng-đạo thì

bất chính, đàn-bà là làm tỳ-thiếp, tôi tớ hình khắc cô-đơn.
Nhị hạn gặp nó chủ phá tài ất hung.

Kiếp, Không là hai sao tối hại, những bậc tài trí anh
hùng gặp thì chỉ nên đi tu, học hỏi tàng kim tích ngọc, chịu
cảnh thanh-bần hơn là ra tranh-đấu với Thiên-hạ.

. . .

Thiên-thương, Thiên-sứ

Hi-Di nói rằng : Trên Thượng-thiên Thiên-thương
gọi là sao Hư hao, Thiên-sứ gọi là Thần Sứ-giả. Thái-tuế
nhị hạn gặp nó không cần đặc-địa hay không, chỉ cần nhiều
cát tinh là phúc, có tai họa thì cũng nhẹ không sao. Như đã
không có cát tinh lại gặp được Cự-môn Dương-Đà Hóa-kỵ,
Thiên-cơ thì năm đó ất chủ về quan tai, tang vong phá bại.
Hạn đến có Thiên-thương thì như đức « *Phu-tử bị tuyệt
lượng tại nước Trần* ». Hạn đến có Thiên-sứ thì như
« *Thạch-sùng cự phú phá gia vong* ».

. . .

Thiên-hình

Hi-Di nói rằng : Thiên-hình thủ Mệnh không là tăng
đạo thì chủ cô-hình, không yểu thì bần, cha mẹ anh em không
toàn. Nhị hạn mà gặp chủ ra khỏi nhà là có quan-sự, lao
ngục, thất tài. Nhưng nhập miếu thì lại tốt. Thiên-hình chưa
ất đã là hung tinh. Nhập miếu gọi là Thiên hỉ Thần, gặp được
Xương Khúc cát tinh hội lại tức là cơ mưu tài giỏi, hiển kế-hoạch
lên tận Vương-đình. Thiên-hình cư Dần, Mão, Dậu, Tuất thì
tự được quang minh, gặp văn tinh thì thành đại-nghiệp, tướng
súy uy phong lẫm liệt, trấn biên-cương bách vạn binh.

Ba hạng người có Thiên-hình cư Mệnh là : Người không con cái, người tăng-đạo, người độc-thân. Nếu lại gặp Thiên-khốc nữa là người có tật nguyên không sai vậy.

Thiên-diêu

Hi-Dì nói rằng : Thiên-diêu thủ Thân Mệnh là người tâm tính âm độc hay đa nghi sợ điều thiện, nhan sắc phong lưu nhiều dày tở gái, chủ dâm-dục. Nếu Miếu Vượng lại chủ phú quý nhiều kẻ hầu hạ. Cư Hợi là người có học thức, hội với ác tinh thì phá gia bại sản, nhân vì sắc dục mà bị hình-phạt. Lục hợp gặp sao xấu nữa thì chết non. Lâm hạn thì không cần mai mối cũng thành hôn, hoặc có sao Tử-vi và cát tinh là có sự cương nhu chế biến chủ phong-tao, gia Hồng-loan chủ dâm-dục, gia Hình Dương nữa là chết non.

Thiên-diêu cư cung Tuất Mão Dậu là người được phúc hậu, dìm vào tửu sắc cũng không hại gì, không có tai họa (độ của nó là vào mùa xuân thu.)

Thiên-diêu gọi là bại-tinh, quét sạch bụi trần trên nhân gian bình sinh tân khổ, ở trong nhà không được yên. Người ngu gặp sao Thiên-diêu thì chỉ ham mê tửu sắc hung hại. Sao Thiên-diêu cư Sinh Vượng địa ất vị cao đến cực-phẩm là phong tào mặc khách.

Thiên-khốc, Thiên-hư

Hi-Dì nói rằng : Khốc Hư là ác tinh, lâm Mệnh thì rất phi thường, lâm cung Phụ mẫu thì là phá đấng bán diên

tràng. Ở Thân Mệnh cung hãm địa thì bị cùng cực cô-độc
chiêu hình, thương lục thân không vẹn, phiền não qua thời,
nghĩ đây quên đó tâm tính hết hoảng, hoang mang. Cư Sửu
Mão Thân cung thì tốt, ngộ Lộc thì danh tiếng hiển hách. Nếu
Nhị hạn gặp nó thì gặp nhiều chuyện buồn rơi lụy.



**Chu-hành sao Tử-Vi và Thiên-Phủ trong Vũ-Trụ
theo số Cục và chú-giải những lý-do dùng
Cung đầu của từng Cục một**

Cái Lý đặt Tử-vi là Dương-thờ và Thiên-Phủ là Âm-thờ không phải là vô lý. Phạm Âm-chất thuộc về Hình và Dương-khí thuộc Tượng nên Trần-Đoàn lấy cái nghĩa Hình Tượng mà đặt cho hai sao.

10 — **Thiên-Phủ** : Thuộc Âm-thờ tức là chất đất dày bền mang chở muôn loài trong cõi Thế. — Chữ Phủ có nghĩa là nhiều Huyện hợp lại thành một khu cai-trị, lại có nghĩa là Tòa là nơi cho ra Mệnh-Lệnh.

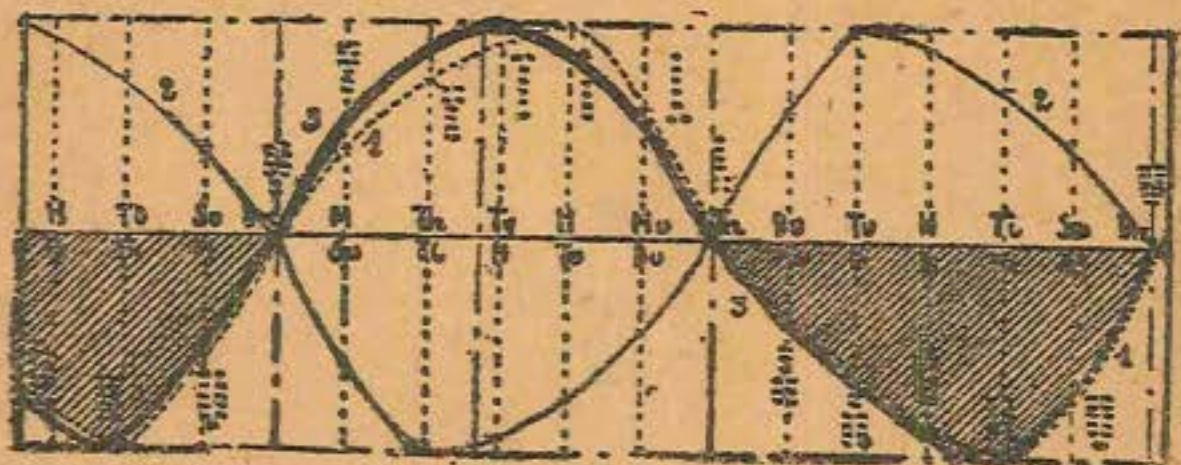
Như vậy Thiên-Phủ bao hàm cái nghĩa đất đai hay là Lệnh-Ti ở trong Vũ-trụ mà ảnh-hưởng tất cả muôn loài, nên luôn luôn theo cái Dương Linh Thờ-khí của Tử-vi để cùng hòa nhau vậy.

20 — **Tử-Vi** trên tôi đã giải, nó là cái Thái-Vi vô hình vô ảnh nhỏ bé vô cùng, vô cực mà các Đại-Tiên đời Tống đặt ra để tượng cái Sinh-Linh Thần khí hay là Thái-Vi, cho nên Bạch-Ngọc-Thiền và Hi-Di Tiên-Sinh thường gọi là « Cục » hay « Đế ». Biết được Hình hiệu được Tượng, nhưng thông-bác được cái vận-hành vi-diệu của nó mà giải rõ lên giấy trắng mực đen đâu phải là dễ. Cũng như các nhà Thông-thái Bác-học ngày nay đã nghiên-cứu có thể biết được Tỷ-Trọng của Điện-tử (*Đồ-biểu của ông Auerbach*) ⁽¹⁾ và Nguyên-tử Phóng-xạ.

(1) Gợi trang 353 hình 42 — Trong quyển *Conquêtes et Problèmes de la Science contemporaine* của Bernhard Savink.

Cũng vì lẽ ấy mà tôi tìm kiếm cái Nguyên-nhân các cung số của Tử-vi trong mỗi Cục, như Thủy-nhị-cục thì bắt đầu mùng 1 Tử-vi an ở cung Sửu, mùng 2 ở cung Dần, vân vân...

Nó an vào từng Cung theo ngày sinh và Cục của con Người theo một cái Lý nhất-định ăn nhịp với các Định-luật của cuộc Đại-tạo Vũ-trụ.



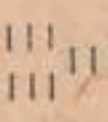
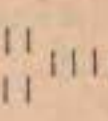
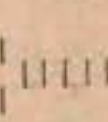
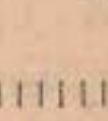
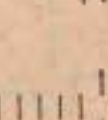
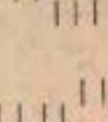
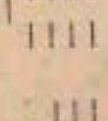
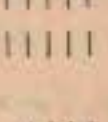
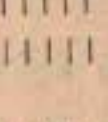
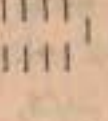
1. — Đường của sao Tử-vi
2. — Đường của sao Thiên-Phủ
3. — Đường Thái-dương-diêm trong khoảng 11 năm một (*Đồ-biểu lấy trong sách Thiên-văn-học Âu-Tây*).

Theo ba Đồ-biểu trên ta thấy sự ăn nhịp nhau một cách rất rõ ràng để đối-chiếu cái Thê-dụng của các bậc Bác-học xưa và nay.

Nguyên-lý

Cái giải-thuyết trên đã đành rằng đúng như vậy nhưng xét xem Hi-Di dùng một căn-bản nào để an-định được những Định-luật của Tử-vi và Thiên-Phủ.

Theo Dịch-lý căn-bản thì muôn sự-vật trong Thiên-hạ và cả Vũ-trụ không ra ngoài cái Định-luật Âm-Dương tiêu trưởng, thịnh-suy tượng-trung bằng những Quẻ sau này :

	Phục		Lâm		Thái		Đại- trắng		Quải		Kiên		Câu		Độn		Bĩ		Quan		Bác		Khôn		Phục
(1) Phục	Lâm	Thái	Đại- trắng	Quải	Kiên	Câu	Độn	Bĩ	Quan	Bác	Khôn	Phục	(2) Dương Tráng- Sinh	Mộc- dục	Đài	Lâm- quan	Đế- vương	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt	Thái	Dương	

(1) Tên quẻ theo 64 quẻ của Phục-Hi.

(2) Tên Sao theo đám sao Tráng-Sinh đã giải ở trên.

Đối 12 quẻ của Dịch-lý với đám sao Tràng-sinh thì cái Dương-Linh Khí tượng là — bắt đầu từ quẻ **Phục** lớn lên dần dần đến quẻ Kiền là Cực-Dương tức là lúc Dương cực-thịnh — Dương-cực thì Âm sinh cho nên ta thấy ở quẻ Cấn có một âm bắt đầu sinh ở dưới và lớn lên dần dần... và cứ như thế mãi mãi thành một vòng luân-hồi bất-diệt của muôn sự-vật trên cõi Đất của ta và cả Vũ-trụ nữa. Đó là một Chu-hành căn-bản của Tạo-hóa áp-dụng trong tất cả sự vật từ cái Nguyên-tử hết sức nhỏ bé cho đến cả cái Vũ-trụ bao-la ngoài cái Thái-Dương-Hệ này nữa.

Biết được Dịch-lý căn-bản trên, ta có thể bắt đầu từ cái Nguyên-lý đó mà giải được.

Hình III của tôi là một cái Hình tượng cả Vũ-trụ theo hai diện-tích Xạ-ảnh của Nam và Bắc Bán-Cầu Vũ-trụ (2 plans de Projections des 2 hémisphères boréale et australe de l'Univers) để giải.

(Coi hình III ở trang sau)

Âm-thịnh quẻ Khôn cư Tí, quẻ Lâm cư Dần, Dương thịnh quẻ Kiền cư Ngọ và quẻ Độn cư Thân.

Nếu ta muốn hiểu cho thật rõ thì ta cứ lấy ví dụ một ngày và đêm trong 12 giờ Tí, Sửu, Dần... Hợi thì rất dễ hiểu.

Như giờ Tí là nửa đêm đen tối, là lúc Âm cực-thịnh. Âm-cực thì Dương-sinh nên giờ Sửu bắt đầu sáng có một khí Dương mới tượng là quẻ Phục.

Giờ Dần là lúc Bình-minh, mặt Trời mới mọc và sức nóng sáng lần lần đến giữa trưa giờ Ngọ thì thật sáng, là tượng quẻ Kiền là quẻ Thuần-Dương cực-thịnh, Dương-cực thì Âm-sinh nên giờ Mùi thì khí nóng lần lần dịu xuống, tượng là quẻ Cấn, đến giờ Thân là lúc mặt Trời xế-tà tượng bằng quẻ Độn tức là đêm tối bắt đầu. Đêm thật khuya là giờ Tí tượng là quẻ Khôn Thuần-Âm là lúc Âm cực-thịnh, và cứ như thế ngày này sang ngày khác không bao giờ ngưng nghỉ theo cái luật dĩ nhiên của Tạo hóa.

10. **Thủy nhị-cực** : Đến đây ta thấy cung Sửu là quẻ Phục, có một Dương và cung Dần là quẻ Lâm có hai Dương mà Thủy nhị-cực bắt đầu ảnh-hưởng của Dương Linh Khí Thái-vi ở cung Sửu khởi đi, lên đến cung Dần là nơi qui-tụ của Tam Tinh (Nhật, Nguyệt, Tinh) nên duy-trì ở đấy cho đúng nghĩa quẻ Lâm (vào, tới) và là nơi tĩnh-dưỡng muôn loài (theo Tràn-sinh). Vì lẽ ấy người Thủy nhị-cực sinh ngày mùng 1 thì Tử-vi an ở cung Sửu, mùng 2 an ở Dần và mùng 3 cũng an ở Dần vậy.

20. **Mộc tam-cực** : Lên đến cung Mão là nơi khí Mộc cực-thịnh, tượng là quẻ Thái có ba Dương mà mùng 1 thì

Tử-vi an ở cung Thìn (coi Trục-kính Dần Thân trên hình III để hiểu hơn). Cứ lấy quẻ và số Cục hay là số hào Dương ở cung nào thì xem cung Xạ-ảnh đằng trước trên đường Trục kính Dần Thân, một cung ở Nam rồi lại đến một cung ở Bắc Xạ-ảnh lên (cung Dương Nam rồi đến cung Âm Bắc cứ tuần tự như thế mà lấy theo mới có sự Thái-hòa coi hình III)

30. **Kim tứ-cục** : Lấy tượng quẻ Đại-tráng ở cung Thìn có 4 Dương, cung Thìn là cái khí hành kim của quẻ Đoài theo Tiên-thiên Bát-quái coi Hình Tiên và Hậu-thiên Bát-quái ở trên nên mới gọi là Kim tứ-cục. Cứ theo đường Xạ-ảnh trên Trục-kính Dần Thân thì người sinh mừng 1 Tử-vi an theo cung Hợi (cung ở Bắc Xạ-ảnh lên) mừng 2 an ở Thìn, mừng 3 an ở Sửu, mừng 4 an ở Dần.

40. **Thổ ngũ cục** : Lấy tượng quẻ Quải ở cung Tỵ có 5 Dương : Cung Tỵ là cung hợp với cung Thân mà quẻ Khôn thuộc Thổ ở đó, và với cái lẽ số Cục của « Thiên Ngũ sinh Thổ-Địa thập thành chi » trong Dịch-lý nên lấy cung Tỵ tượng có quẻ Quải vậy. Theo cung Xạ-ảnh trên Trục-kính Dần Thân thì sinh mừng 1 thì Tử-vi an ở cung Ngọ, (Nam) mừng 2 an ở cung Hợi (Bắc) vân vân.

50. **Hỏa lục-cục** : Lấy tượng quẻ Kiền ở cung Ngọ có 6 Dương, theo Hậu-thiên là chất Hỏa của quẻ Ly nên gọi là Hỏa lục-cục. Theo cung Xạ-ảnh trên Trục-kính Dần Thân thì sinh mừng 1 Tử-vi an ở cung Dậu (Bắc) mừng 2 an ở cung Ngọ, mừng 3 an ở cung Hợi vân vân... và cứ thế tính lên.....

Ta có một đường không-tượng trong Vũ-trụ để ấn-định các Cung của Tử-vi về 6 Cục là : Dậu, Ngọ, Hợi, Thìn, Sửu Dần.

Suy cho kỹ ta thấy rằng khoa Tử-vi Đầu-số bao hàm cả một khoa Thiên-văn mà ta có thể Toán-pháp-hóa các Chu-hành của từng Sao một, theo những Phương-Trình-Thức (équation) sau đây có thể làm thành các Đồ-biểu như tôi đã làm đề hiển chư Học-giả.

**Toán-pháp-hóa Chu-Hành các Sao theo
Phương-trình-thức (Equation) của
Toán-pháp Âu-châu**

Ví-dụ : a) Tìm Chu-Hành của Sao Địa-không.

Theo P. T. T.

$$y : ax - b$$

$$a : 1 \text{ giờ } x = \text{số giờ}$$

$$b : 11$$

Như sinh giờ Dần thì : $x = 2$.

$$y : 2 \times 1 - 11 = -9 \text{ (là cung Dậu)}$$

Giờ Tỵ thì : $x = 5$.

$$y : 5 \times 1 - 11 = -6 \text{ (là cung Ngọ)}$$

Giờ Hợi thì : $x = 11$

$$y : 11 \times 1 - 11 = -0 \text{ (là cung Tí)}$$

b) Tìm Chu-Hành sao Long-trì.

Theo P. T. T.

$$y = ax + b$$

$$a = \text{năm } x = \text{số năm}$$

$$b = 4$$

Nhớ rằng : y : là cung, a = là năm, giờ hay tháng sinh.

x = là số nhân nhiều ít

b = số đầu nhất định của từng Sao

Cung Tí : 0, Sửu : 1, Dần : 2, Mão : 3... Hợi : 11. Giờ hay năm : Tí : 0, Sửu : 1
Dần : 2, Mão : 3, ..., Hợi : 11.

Người sinh năm Tí thì : $x = 0$

$$y = 0 + 4 = 4 \text{ (là cung Thìn).}$$

Năm Tỵ thì : $x = 5$

$$y = 5 \times 1 + 4 = 9 \text{ (là cung Dậu)}$$

(Nếu số $y = 12$ thì phải trừ với 12 lấy số dư mà tính)

Theo Số-học nếu ta có hai Biến-số khác nhau như (x, y) ta có một P. T. T. (équation) như sau đây :

$$Ax + By + C = 0 \text{ (1)}$$

Nếu ta lấy số y ra thì :

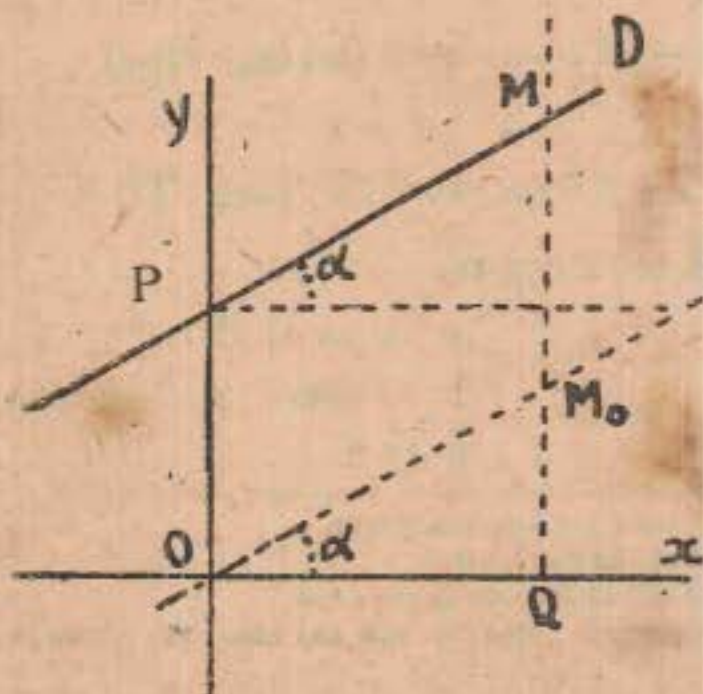
$$y = -\frac{A}{B}x - \frac{C}{B}$$

$$\text{Và đặt : } \frac{A}{B} = a \quad - \quad \frac{C}{B} = b \text{ thì P.T.T. (1)}$$

$$\text{thành : } y = ax + b.$$

P.T.T. trên tức là P.T.T. của một đường thẳng trong Kỹ-Hà-Học.

Vì lẽ ấy có Định-lý :



Mỗi một đường
đều tương bằng
một P. T. T.

Ví-dụ : Một đường thẳng D ở hình trên và 2 Tung-Hoành-Tuyến ox và oy . Theo về Kỹ Hà-học thì đường $\overline{OP}$ có thể đo theo oy được với cái góc α hợp với đường ox . Theo chiều đường D , bắt đầu từ điểm O ta vẽ một đường thẳng khác Do , hai góc x đều nhau lấy một điểm Mo ở đường Do mà.

$$\text{Hoành-Tuyến } x = \overline{OQ}$$

$$\text{Tung-Tuyến } y = \overline{QMo}$$

$$\text{Biết rằng : } \overline{QMo} = \overline{OQ} \operatorname{tg} \alpha$$

Bất luận cái Hoành Tuyến x ta được cái Tung-Hoành Tuyến (x và yo) của điểm Mo theo P.T.T. :

$$Yo = x \operatorname{tg} \alpha$$

P.T.T. trên đây chỉ đường Do .

Nếu lấy : $y = \overline{QM}$ là Tung-Tuyến của điểm M trên đường D cùng một Hoành Tuyến x của điểm Mo thì giữa khoảng :

$$\overline{QM}, \overline{QMo}, \overline{MoM},$$

Ta được một Liên quan thức của ông Chasles là :

$$\overline{QM} = \overline{QMo} + \overline{MoM} \quad (2)$$

Biết rằng : $\overline{MoM} = \overline{OP} = p$ (là Tung tuyến căn bản thì P.T.T. (2) thành ra.

$$Y = Yo + p.$$

$$Y = x \operatorname{tg} \alpha + p \quad (3)$$

Liên quan thức (3) liên hệ các Tung Hoành Tuyến (x, y) của bất cứ điểm nào như điểm M trên đường D .

Như vậy để giải rõ cái Định-lý trên và mỗi đường vạch ra đều có một P.T.T. về Toán-pháp để biểu-chương nó.

Nếu ta lấy các Thề-thức Toán-pháp Cao-đẳng mà qui-chế cho từng Đồ-Biểu của từng Sao một thì ta sẽ thấy cái Họa-Phúc con Người rõ ràng bằng một bài Toán như Hai với Hai là Bốn vậy.

Hoàng-Đạo (Zodiaque) và Xích-Đạo Vũ-Trụ (Equateur Céleste) trong Tử-vi Đầu-số

Ta càng tham khảo càng sâu xa ta càng thấy xưa kia Ông Cha ta đã sống trong một Thời-dại Văn-minh tuyệt-dối, không phải như cái văn-minh cơ-giới-hóa hiện tại, mà các Ngài đã từng để lại nhiều Văn-liệu huy-hoàng làm cho các nhà Thông-thái Bác-học Âu-tây đã phải tự thán. Như ông Abbé Moreux Giám-Đốc Thiên-văn-Đài ở Bourges bên Pháp đã tự nhủ rằng :

« Xưa kia người ta đã biết được các dụng-cụ về viễn-kính của chúng ta chẳng ? » (1) vì về Thiên-Văn Á-đông xưa kia chỉ lấy mắt mà đo lường các Tinh-tú, những con số như Trực-kính mặt Trăng còn để lại đúng với cái kết-quả của nhà Thiên-Văn-học ngày nay.

Và nếu ta tự hỏi sao trong Tử-vi Đầu-số lại lấy 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi gọi là Tứ-sinh làm Hoàng-Đạo (Zodiaque) chia ra làm Thập-nhị Chi.

Hai cung Dần Thân lại là nơi giao-thái của Tử-vi và

(1) L'antiquité aurait-elle donc connu nos instruments d'optique ? page 91 trong quyển La Science mystérieuse des Pharaons của Abbé Moreux

Thiên-Phủ — Và lại gọi Tí Ngọ Mão Dậu là Tứ-Bại, mà cung Mão là Chính-Đông, Dậu là Chính-Tây, Tí là Chính-Bắc, Ngọ là Chính-Nam là bốn Hướng chính thành đường Xích-Đạo Vũ-trụ là Chu-Thiên. Nếu ta theo Thiên-văn-học hiện kim ta thấy rằng : Đường Hoàng-Đạo (Zodiaque) cách Xích-Đạo Vũ-trụ là $23^{\circ} 1/2$ mà trong Tử-vi (coi hình III) thì diện-tích Hoàng-Đạo theo Dần Thân cách diện-tích Xích-Đạo Mão Dậu là $\frac{1}{12}$ của cái Chu-Vi 360 độ tức là 30° .

12

Đối-chiếu hai Độ-số trên thì sự khác nhau không bao nhiêu, còn sự đúng hay sai ta chưa có thể cả-quyết cho bên nào được, nhưng ta chỉ tự hỏi người Xưa nếu lấy con mắt thật của con người làm sao mà đo được Vũ-trụ ? Phải chăng bốn câu :

« Yên Ba Điều Tàu ca » (1) đã áp-dụng ở đây.

Âm Dương thuận nghịch diệu nan cùng,

Nhị Chí hoàn hương nhất Cửu Cung.

Nhược năng liễu đạt Âm Dương lý,

Thiên-Địa đồ lai nhất Chương trung.

Thật là huyền-diệu, Lý-Học đã tới được chỗ tuyệt-diệu của sự Hiều-Biết từ ngàn xưa mà hiện-tại Nhân-loại đang chìm đắm để đi tìm Chân-Lý ấy.

Năm Bính-Dần
Nguyễn-Mạnh-Bảo

(1) Đã giải trong quyển Thái-Ất Thần-kính của tôi sẽ xuất bản

CÁCH DÙNG ĐỒ-BIỂU

của Nguyễn-mạnh-Bảo

Muốn lấy cho nhanh và không lầm, phải biên vào ô dữa lá số ;

10— Năm, tháng, ngày, giờ sinh của người xem và theo âm hay dương, nam hay nữ.

20— Xem Mệnh và Cục thuộc về hành gì ? (coi Đồ-biểu số 2).

Cách dùng Đồ-biểu số 1

Dùng để an Thân và Mệnh. (đường đỏ để an Mệnh, đường đỏ chấm để an Thân).

Ví-dụ (1) : Người sinh tháng 7 giờ Dậu.

a— Coi hàng dọc số 7 (tháng) theo đường đỏ mà đi bao giờ gặp đường thẳng bắt đầu từ giờ Du (Dậu) ở hàng ngang ở đâu rồi chiếu sang hàng dọc vào cung nào thì an Mệnh ở cung ấy. Ở đây gặp ở cung Hợi thì an Mệnh ở cung Hợi.

b— Cũng ở số 7 (tháng) theo đường chấm mà đi khi nào gặp đường thẳng ở giờ Du (Dậu) chiếu lên gặp ở cung nào thì an Thân ở cung ấy, như đây là cung Tỵ.

Các tuổi khác cũng lấy như vậy.

An Mệnh rồi thì theo chiều thuận mỗi cung một chữ trong lá Số : Mệnh, Phụ-mẫu, Phúc-đức, Điền-trạch, Quan-lộc, Nô-bộc, Thiên-di, Tật-nguy, Tài-bạch, Tử-tức, Thê-thiếp và Huynh-đệ.

Đồ-Biểu số 2

a— Xem Nạp-âm, Mệnh và Cục thuộc hành gì ?

b— Tuần-không đóng ở đâu ?

Ví-dụ : Người sinh năm Kỷ-Dậu xem Mệnh thuộc về hành gì ?

a— Xem ở hàng ngang chữ K (đỏ) là Kỷ kéo thẳng lên và theo đường dọc ở chữ Du (dậu đỏ) kéo ngang ra hai đường gặp nhau có chữ T tức là thuộc Thổ.

b— Vẫn theo ví-dụ⁽¹⁾ trên, Mệnh an ở cung Hợi, nếu người sinh năm Tân-Hợi thì lấy chữ T (đen) chiếu lên và chữ H (đen) ở đường ngang kéo ra, hai đường gặp nhau ở ô có nhiều đường sọc nhỏ (chiếu ở Chú-giải là Mộc tam cục).

c— Muốn xem Tuần-không đóng ở đâu cho người sinh năm Tân-Hợi thì cứ theo chữ T (đỏ) chiếu lên gặp đường ngang có chữ H (đỏ) ở đường nghiêng 55. Cứ theo con đường nghiêng đi mãi đến khi gặp ở bên phải hai chữ Dn.M. tức là sao Tuần-Không đóng ở giữa hai cung Dần Mão. Những tuổi khác cũng xem như vậy.

Đồ-Biểu số 3

An hai sao Tử-vi và Thiên-phủ tức là hai sao đầu của hai Chính tinh-hệ

— Biết cục rồi thì cứ theo đồ-biểu từng cục một mà an.

Như Thủy nhị cục sinh ngày 15 thì cứ kéo từ số 15 xuống gặp đường đỏ chấm ở đâu chiếu sang bên phải có chữ Tn tức là an Tử-vi ở cung Thân, và ở trước mặt chữ Thân có một chấm đen tức là Thiên phủ cũng ở cung ấy.

Như Hỏa lục cực sinh ngày mùng 5 thì lấy theo đồ-biểu hỏa lục cực. Chiếu số 5 thẳng xuống gặp đường đỏ ở cung Sửu tức là an Tử-vi ở cung Sửu chiếu sang bên phải theo đường vòng đen thì thấy đến chữ M. là cung Mão tức là sao Thiên-phủ an ở cung Mão.

Các Cực khác cũng theo như vậy mà an.

Đồ-Biểu số 4

Tử-vi Đầu số có 5 Liên tinh-hệ (Đám sao theo nhau).

Xem hai Chính liên-tinh-hệ ở hai vòng trong. Biết được hai sao đầu Tử-vi và Thiên-phủ ở đâu thì các sao khác theo sau chiếu vào cung nào thì an vào cung ấy.

Cách làm Bàn xoay : 1^o Địa-bàn có biên 12 Chi, từ Tí, Sửu đến Hợi, không chạy dùng để chỉ những cung an các sao.

2^o Cắt dờn 3 vòng trong ra, dán lên một miếng bìa cứng cắt theo vòng tròn của từng vòng một và xâu ở giữa trung-tâm điểm từng vòng một sợi chỉ xuống tận Địa-bàn tức thì 3 vòng trong xoay được trên Địa-bàn.

Cách dùng Bàn xoay : Ví-dụ như số có sao Tử-vi an ở cung Sửu và Thiên-phủ ở cung Mão. Thì trước hết xoay vòng sao Tử-vi chiếu đúng cung Sửu ở Địa-bàn. Sau lấy vòng sao Thiên-phủ xoay cho đúng cung Mão. Ta sẽ thấy những sao ở hai Chính tinh-hệ an theo những cung ở Địa-bàn như sau đây :

Sao Thiên-cơ an ở cung Tí.

Sao Tử-vi và Phá-quân an ở cung Sửu, Thiên-phủ ở cung Mão, Thái âm ở cung Thìn, Liêm-trinh và Tham-lang ở cung Tỵ, Cư-môn ở cung Ngọ, Thiên-trưởng ở cung Mùi, Thiên-đồng và Thiên-lương ở cung Thân, Vũ-khúc và Thất-sát ở cung Dậu, Thái-dương ở cung Tuất.

3 Bảng Tinh-Hệ a— Người sinh năm nào thì an sao Thái-tuế ở cung đó, như sinh năm Hợi thì an ở cung Hợi và cứ theo chiều thuận mà an 11 sao theo sau (không kể âm dương nam nữ.)

b— Phải xem sao Bác-sĩ an ở cung nào (coi đồ-biểu số 6). Ví-dụ như người sinh năm Tân-Hợi theo đồ-biểu số 6 thì sao Bác-sĩ an ở cung Dậu. Một khi đã biết được sao Bác-sĩ an ở cung nào rồi thì phải biết người xem thuộc về dương-nam âm-nữ, thì an 11 sao theo chiều thuận chữ đen. Nếu lại là âm-nam, dương-nữ thì lại phải an theo chiều nghịch chữ đỏ.

c— An sao Trường-sinh thì phải theo cục. Ví-dụ Hỏa lục-cục, thì xem ở đồ biểu số 4 xem hỏa lục cục. Trường sinh cư tại Dần.

Được Trường-sinh rồi thì cứ theo âm-nữ, dương-nam, chiều thuận chữ đen; hay dương-nữ âm-nam theo chiều nghịch chữ đỏ mà an 11 sao theo sau.

Đồ-Biểu số 5

(Theo giờ sinh)

Sinh giờ nào thì lấy theo giờ ở hàng ngang dưới, cứ theo đường chiều thẳng lên gặp đường của sao nào chiều sang hàng dọc chỉ cung của nó mà an.

Ví-dụ : Người sinh năm Tân-Hợi giờ Dậu. Theo đường thẳng ở cung Dậu phóng lên gặp đường của sao Xương, Khúc ở cung Sửu, Địa-không ở cung Dần, Thai-phụ ở cung Mão, Địa-kiếp ở cung Thân, Phong-cáo ở cung Hợi.

An Hỏa-tinh (âm-nam dương-nữ thì theo đường đen chấm) Coi ở giòng dọc Hợi, Mão, Mùi ở cung Dậu theo đường đen chấm mà đi đến khi gặp đường thẳng phóng ở cung Dậu (hàng ngang) lên ở đâu thì an Hỏa-tinh ở đó, theo ví-dụ trên thì là cung Tí.

An Linh-tinh thì theo đường đỏ chấm vì vẫn là người sinh âm-nam. Những năm Hợi, Mão, Mùi thì bắt đầu ở cung Tuất theo đường chấm đỏ mà đi đến khi gặp đường phóng thẳng ở cung Dậu lên gặp ở đâu thì an ở đó, theo ví-dụ trên thì gặp ở cung Mùi tức là Linh-tinh an ở cung Mùi.

Đồ-Biểu số 6

(Theo tháng sinh)

Sinh tháng nào thì xem hàng ngang dưới là tháng phóng thẳng lên gặp những đường sao nào ở đâu thì an sao đó ở cung ấy.

Như sinh tháng 7. Phóng từ số 7 lên ta thấy : Địa-giải ở cung Sửu, Thiên-giải ở cung Dần, Thiên-hình ở cung Mão, Hữu-bật ở cung Thìn, Thiên-thương và Tả-phụ ở cung Tuất, Y Riêu ở cung Thân.

Đồ-Biểu số 7

(Theo can năm sinh)

Xem cũng như đồ-biểu trên.

Chỉ có sao Triệt-lộ là an khác. Ví-dụ như người sinh năm Giáp-Tí thì cứ lấy bắt đầu từ chữ G (giáp) ở hàng ngang bên dưới phóng thẳng lên gặp đường nghiêng T.L. ở đâu thì Triệt-lộ ở vào giữa hai cung đó. Sinh năm Giáp-tí thì Triệt-lộ ở vào giữa hai cung Thân Dậu, sinh năm Tân-Hợi thì an ở hai cung Thìn-Tỵ.

Đồ-Biểu số 8 và 8b

(Theo chỉ năm sinh)

Cách dùng cũng như đồ-biểu trên.

VÍ-DỤ

Xem một số bằng đồ-biểu trên đây.

Người sinh năm Tân-Dậu, tháng 4, ngày mùng 10, giờ Tuất.

10— Vẽ địa-bàn có 12 cung, viết ở ô giữa ngày tháng năm giờ của người xem. (đàn ông)

20— Tân-Dậu thuộc âm viết âm nam.

30— Xem Mệnh thuộc về hành gì ? Coi đồ-biểu 2 là Mộc Mệnh biên vào ở giữa. Xem luôn Tuần-không đóng ở giữa hai cung Tí Sửu.

40— An Mệnh và Thân (coi đồ-biểu số 1) thì Mệnh an ở cung Mùi. Viết Mệnh ở cung Mùi và cứ thế viết theo 11 cung khác. An Thân ở cung Mão. (cung Tài-bạch)

50— Xem cục thuộc hành gì ? Mệnh cư Mùi coi đồ-biểu 2 là Kim 4 cục.

60— An sao Tử-vi và Thiên-phủ theo kim 4 cục, coi đồ-biểu 3 thì được Tử-vi cư Ngọ và Thiên-phủ cư Tuất.

70— An năm Liên-tinh-hệ coi đồ-biểu 4

a— Ta được là ; Tử-vi cư Ngọ, (cung Mùi không có) Phá-quân cư Thân (Dậu không có) Thiên-phủ và Liêm-trinh cư Tuất, Thái-âm cư Hợi, Tham-lang cư Tí, Cự-môn Thiên-dồng cư Sửu, Vũ-khúc và Thiên-tướng cư Dần, Thái-dương và Thiên-lương cư Mão, Thất-sát cư Thìn, Thiên-cơ cư Ty.

b— An 3 bàng-tinh-hệ : Người sinh năm Tân-Dậu thì an Thái-tuế ở cung Dậu và an theo sao 11 sao.

c— An sao Bác-sĩ coi đồ-biểu 7, người sinh năm Tân thì an ở cung Dậu và an theo sau 11 sao theo chiều nghịch (chữ đỏ).

d— Người sinh được kim cục thì sao Tràng sinh an ở cung Ty và an theo chiều nghịch (chữ đỏ) 11 sao nữa vì là âm-nam.

80— Coi đồ-biểu 5 : Bắt từ giờ Tuất kéo đường thẳng lên thì được Văn-Xương ở cung Tí, Địa-kiếp ở Dậu, Thai-phụ ở Mão, Văn-khúc ở Dần, Phong-cáo ở Tí, Địa-không ở Sửu, Ân-quang ở Dậu, Thiên-quí ở Ty, Linh-tinh ở Thân, Hỏa-tinh ở Ty.

90— Theo đồ-biểu 6 : Người sinh tháng 4 thì có ; Tả-phụ và Hữu-bật ở cung Mùi, Thiên-hình ở Tí, Thiên-giải ở Hợi, Địa-giải ở Tuất, Thiên-khố ở Hợi, Thiên-thương ở Mùi, Y Diêu ở Thìn, Đầu-quân ở Ngọ, Tam-thai ở Thìn, Bát-tọa ở Tuất.

100— Theo đồ-biểu 7 : Người sinh canh Tân thì có :
Đà-la ở cung Thân, Quốc-ấn ở cung Ty, Đường-phù ở Thìn
Quý-nhân ở Tỵ, Thiên-việt ở Dần, Thiên-khôi ở Ngọ, Lưu-
niên Văn-tinh ở Tí, Kinh-dương ở Tuất, Lộc-tồn và Bác-sĩ
ở Dậu, Triệt-lộ giữa Thìn-Tỵ.

110— Theo đồ-biểu 8 và 8b : Người sinh năm Dậu
thì có, Phượng các ở Sửu, Quả-tú ở Mùi, Phá-toái ở Tỵ,
Kiếp-sát ở Dần, Thiên-đức ở Ngọ, Hoa-cái ở Sửu, Thiên-
khốc ở Dậu, Thiên-mã ở Hợi, Thiên-hư ở Mão, Hồng-loan
ở Ngọ, Thiên-hỉ ở Tí, Nguyệt-đức ở Dần, Long-trì ở Sửu,
Cô-thân ở Hợi, Đào-hoa ở Ngọ, Thiên-tài ở Thìn, Thiên-
thọ ở Tí.

120— Theo bảng tứ-hóa : Người sinh năm Tân thì
có Hóa-lộc an với Cự-môn, Quyền an với Thái-dương, Khoa
an với Văn-khúc, Kỵ an với Văn-xương.

Bảng 10 : Người sinh năm Dậu thì an Thân-chủ với
Thiên-đồng.

Bảng 11 : Người Mệnh lập ở cung Mùi thì Mệnh-
chủ an với Vũ-khúc.

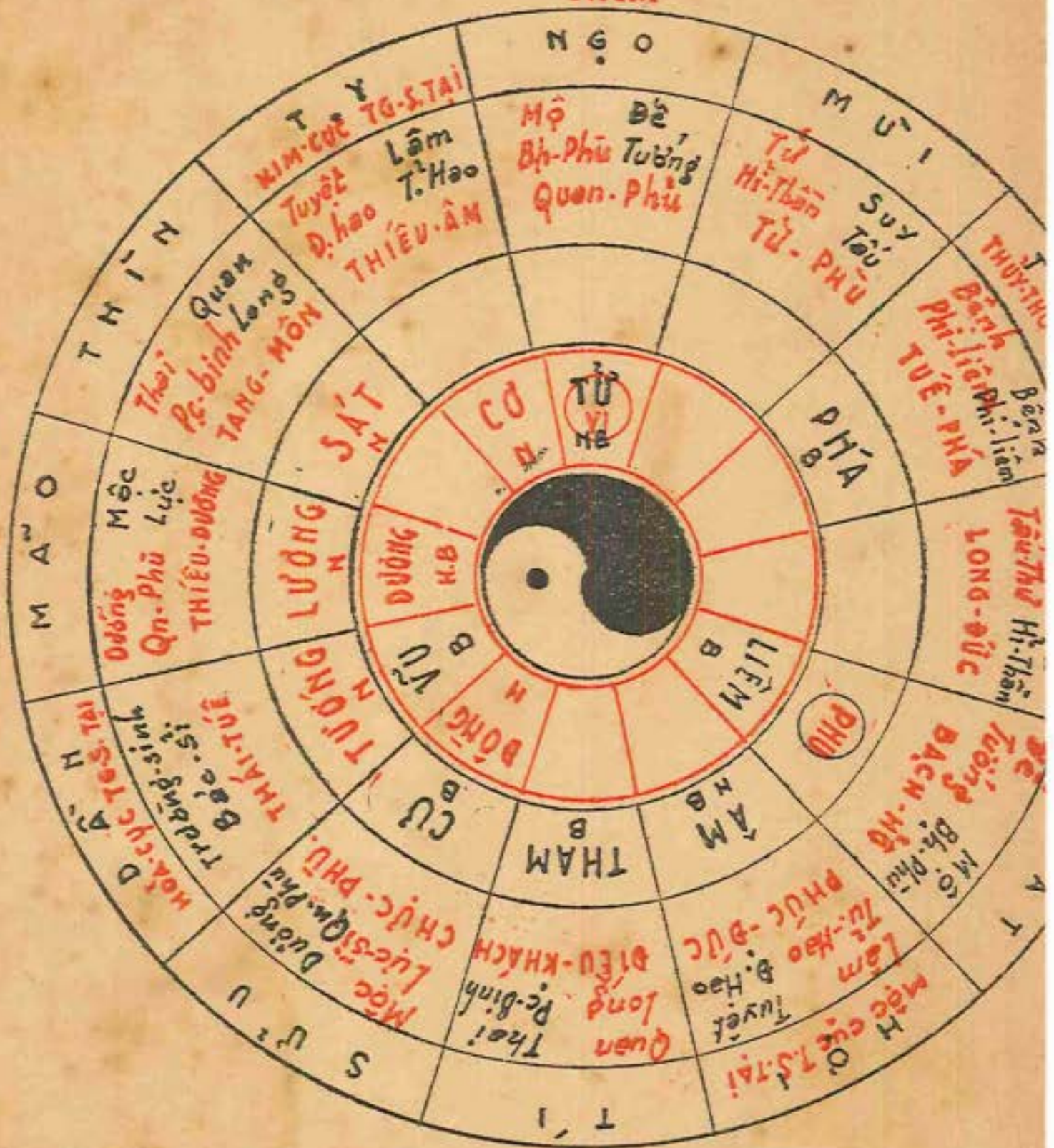
Những sao kể ở trên lập thành như sau đây :

(Coi lá số lập thành ở trang sau)

*Coi tiếp Quyền sau, có 500 Lý-đoán theo những
cách trong Cồ-Thư, nghiệm kháo công phu và diễn-
giải rõ ràng.*

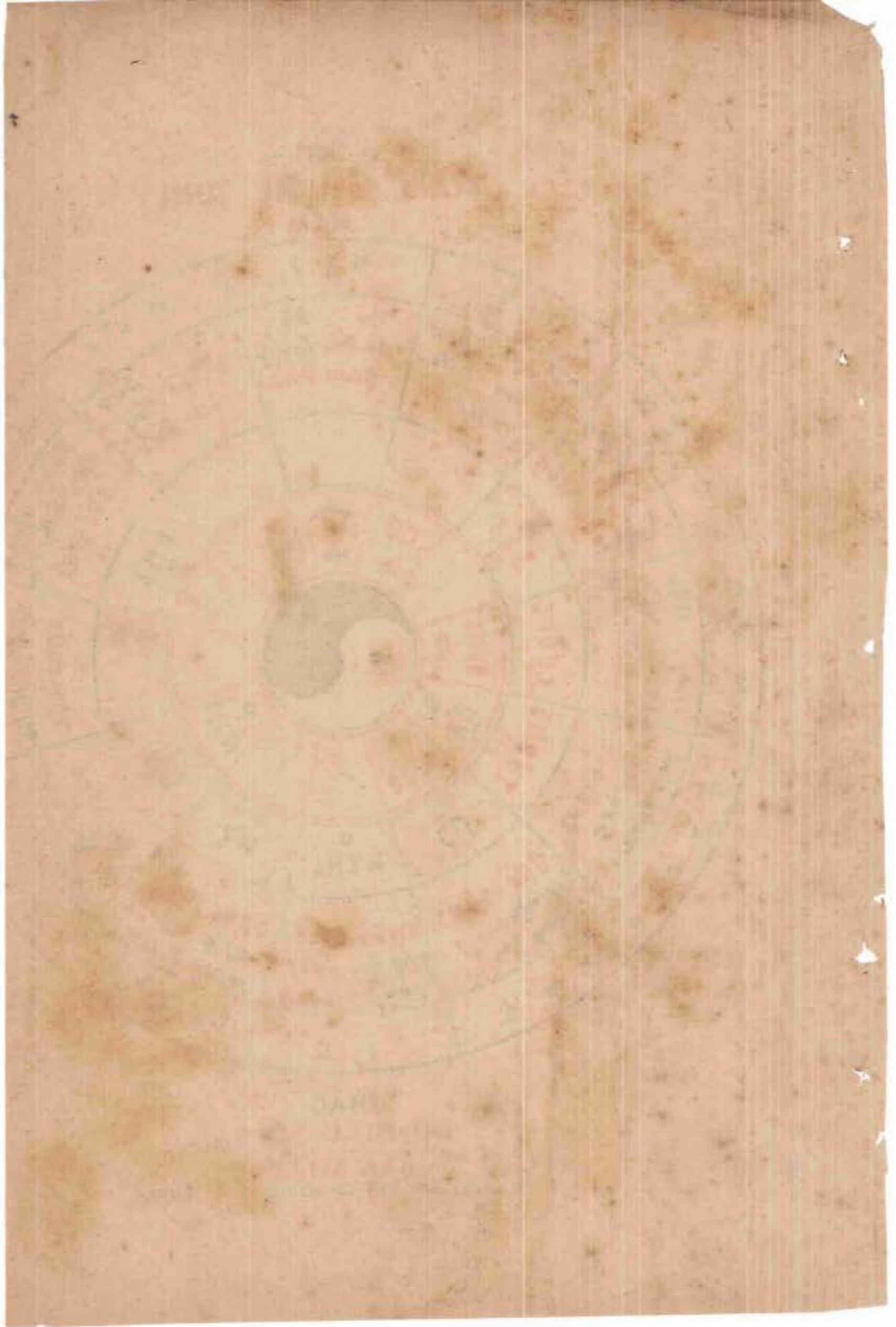


NĂM LIÊN-HÊ TINH NAM



BẮC ĐỒ-BIỂU SỐ 4 BÀN XOAY

(Cách làm xin coi trang Phụ Bản)



TỬ-VI ĐẦU-SỐ

Mục-lục

ĐỀ-MỤC	Trang
Chứng thực về Vũ-trụ-Tuyển của ông Maurice de Boglie	I
Lời Tặng của ông Minh-Chánh Đạo-nhơn	II
Lời Tặng của ông Trần-văn-Chi.	III
Cảm-trưởng của Tác-giã	IV
Lời Tặng của ông Ngụy-tổng-Đặc, Giám-Đốc Trung-Hoa Ngân-hàng	V
Lời Tặng của ông Chiêm-Hy-Thụy.	VI
Tựa (chữ Hán) của ông Shen-Tsu-Hsun, Lãnh-sự Trung-Hoa	VII
Dịch nghĩa.	VIII
Phát-doan	1
Tử-vi Thuyết-minh	6
Tử-vi là môn Lý-học huyền-diệu	13
Tử-vi Đầu-số lịch-sử	28
Những yếu-tố để xem số Tử-vi	—
Thiên-can.	—
Thập nhị Địa-chi	29
Địa-bàn	30
Địa chi xung hợp sanh khắc	31
Ngũ-hành sanh khắc	32
12 cung trên Địa-bàn thuộc Nam-Bắc.	—
Nam Nữ thuộc âm dương	33
Phép nạp âm.	—
12 tháng theo 12 chi và Ngũ-hành 4 mùa.	37

ĐỀ-MỤC	Trang
Muốn biết can chi của tháng sinh	38
— — — — — giờ —	—
Phép an Mệnh và an Thân	39
Lập Số	42
Lập Cục	43
An các sao	50
— TỬ-VI	—
— Thiên-Phủ	51
— 14 Chính-diệu thuộc Nam Bắc-đầu	52
— Xương-Khúc	54
— Tả Hữu	—
An sao Khôi-Việt	55
— Thiên-Mã	56
— Lộc-Tồn, Bác-sĩ và đám sao A	—
— Thái-Tuế và đám sao B	57
— Trảng-Sinh và đám sao C	58
— Ân-Quang, Thiên-Quí	59
— Tam-Thai, Bát-Tọa	—
— Long-Trì, Phượng-Các	60
— Tứ-Hóa	—
— Hồng-Loan, Thiên-Hi	62
— Đào-Hoa, Thiên-Phúc Quý-Nhân	—
— Thiên-Đức, Nguyệt-Đức	63
— Thiên-Tài, Thiên-Thọ	—
— Thai-Phụ, Phong-Cáo	—
— Mệnh-chủ, Thân-chủ	64
— Hoa-Cái	—
— Kinh-Dương, Đà-La	65
— Thiên-Không, Thiên-Hình, Diêu-Y	—
— Địa-Không, Địa-Kiếp	66

ĐỀ-MỤC	Trang
An sao Cô-Thần, Quả-Tú, Đầu-Quân	66
— Hòa-Tinh, Linh-Tinh	—
— Kiếp-Sát, Giải-Thần	68
— Thiên-Giải, Phá-Toái	—
— Quốc-Ấn, Đường-Phù	69
— Thiên-Thương, Thiên-Khố.	—
— Địa-Giải, Thiên-Khố, Thiên-Hư.	—
— Lưu-niên Văn-tinh, Triệt-lộ, Tuần-không	70
An Bốn Phi-Tinh	71
Phi-Thiên Tam-sát	72
Lưu Đại-hạn.	—
Lưu Tiểu-hạn	—
Lưu Đồng-hạn, Lưu-Nguyệt, Lưu-Nhật.	73
Định 12 cung cường nhược	—
Luận an Mệnh	74
Luận sinh khắc chế hóa của các sao	—
Nhàn cung	75
Miếu vượng đắc-địa, lợi-ích bình-hòa, bất đắc-địa, lạc-hãm.	—
Mệnh thuộc tứ sinh, tứ bại, tứ khố, tứ mã	76
Các sao ứng số	—
Thương, Sứ họa phúc.	77
Tứ-hóa cung vị	78
Thái-vi phú	79
Hình và Tinh các sao	83
Xem con Tré.	85
Luận cung của các Sao	86
Phép-tắc của Đầu-số.	87
Luận Đầu-Số cơ vi	88
Cách xem số	89

ĐỀ-MỤC	Trang
Chư tinh sở chủ — Sao Tử-Vi	91
Sao Thiên-cơ	93
— Thái-Dương	94
— Vũ-Khúc	97
— Thiên-Đồng, Liêm-Trinh	98
— Thiên-Phủ	99
— Thái-Âm	100
— Tham-Lang	101
— Cự-Môn	103
— Thiên-Tướng	104
— Thiên-Lương	105
— Thất-Sát	107
— Phá-Quân	108
— Văn-Xương, Văn-Khúc	110
— Tả-Phụ	111
— Hữu-Bật, Thiên-Khôi, Thiên-Việt	112
— Lộc-Tồn	113
— Thiên-Mã, Hóa-Lộc	114
— Hóa-Quyền, Hóa-Khoa	115
— Hóa-Kỵ, Kinh-Dương	116
— Dương-Đà tổng-luận, Linh-Tinh	117
Tổng-luận 4 Sao Dương-Đà Hòa-Linh	118
Sao Thiên-Không, Địa-Kiếp	—
— Thương-Sứ, Thiên-Hình	119
— Thiên-Điều, Thiên-Khốc, Thiên-Hư	120
Chu-hành sao Tử-Vi và Thiên-Phủ trong Vũ-Trụ	122
Nguyên-Lý	123
Toán-pháp-hóa chu-hành các sao theo Phương-Trình- Thức-của Toán-pháp Âu-Châu	129
Hoàng-Đạo và Xích-Đạo, Vũ-Trụ trong Tử-Vi	132

ĐỀ-MỤC	Trang
Cách dùng Đồ-Biểu	
Cách dùng Đồ-biểu số 1.	134
— — 2 và 3	135
— — 4 (cách làm và dùng Bàn xoay)	136
— — 5.	137
— — 6.	138
— — 7, 8 và 8 bis	139
Ví-dụ xem số bằng Đồ-biểu	139
Số Tử-vi lập thành của ông Không-Minh Gia-cát-Lượng	142
Bảng 9, 10, 11	143
Đồ-Biểu số 4 (Bàn xoay)	144
— 1, 2, 3, 5	145
— 6, 7, 8, 8bis.	146

Coi tiếp Quyển II

Page	
	Cách này B5-B6
174	Cách này B5-B6
175	2 và 1
176	4 cách này (B5-B6)
177	5
178	6
179	7 và 8
180	7 và 8
181	7 và 8
182	7 và 8
183	7 và 8
184	7 và 8
185	7 và 8
186	7 và 8

Những chữ in lầm (lộn)

Trang	Giòng	Chữ sai	Đọc là :
V	1	Ngự	Ngụy
7	13	La science mystérieuse des pharaons. G. Doin et C ^o .	Le ciel Larousse Éditeurs
34	14	Kỷ-ngọ	Kỷ-Sửu
38	19	Thân	Tân
53	18	âm thổ	âm kim
58	14	Thủy	Thủy và Thổ
64	10	Hợi	Sửu-Hợi
66	12	thì	Thìn
67	1	biết	biệt
70	22	tí	Quý
71	11	thân	Mão
92	27	Thiên	Thiểm
98	25	mộc	Hỏa
118	14	thuộc kim	thuộc Hỏa kim
133	22	Bính	Canh
134	13	đọc	đọc
137	11	6	7
38	23	cung Thân	Mùi và Thiên-Thương ở cung Thân
5		Đồ biểu số 1	Gạch đỏ chấm dưới Chữ THÂN.

Tổng Cộng : 108 sao

—	2	—	1	—
—	4	—	50	—
—	5	—	10	—
—	6	—	12	—
—	7	—	10	—
—	8	—	9	—
—	8 ^B	—	7	—
—	9	—	4	—
—	10	—	1	—
—	11	—	1	—

Bồ-Biểu số 1 có ... 3 sao

Tổng-Kê các Sao

BẢNG 9

Q	N	T	C	K	M	B	A	G	năm
Pha	Lương	Cự	Dương	Vũ	Tham	Âm	Cự	Liên	an với
Cự	Tử	Dương	Vũ	Tham	Âm	Đồng	Lương	Pha	an với
Âm	Tả	Khúc	Âm	Lương	Hữu	Xương	Tử	Vũ	an với
Tham	Vũ	Xương	Đồng	Khúc	Cự	Liên	Âm	Dương	an với

BẢNG 11

Sinh	nam	Ti	Su H.	Du Tu	M. Du	Th Tu	Ty Mu	Ng
Mệnh-chủ an với		Tham-Lang	Cự-Môn	Lộc-Tôn	Vân-Khúc	Liên-Tĩnh	Vũ-Khúc	Pha Quân

BẢNG 10

Thân-chủ an với	Ti	Su Mu	Du Tu	Ty H.	Ng.
Hỏa-Tĩnh		Thiên-Tướng	Thiên-Lương	Thiên-Đồng	Vân-Xương
		Thiên-Cơ	Linh-Tĩnh		

Một Số Tử-Vi lập thành theo Đồ-Biểu

Thê Thiên-Co 24 Thiên-Quí Tràng-Sinh Quốc-An Quí-Nhân Hòa	Tu 34 Thái-Sát Mộc Tam-Thái Long-Đức Tàu-Thư Thiên-Tai	(Thân) Tai 44 Thái-Dương Thiên-lương Quan Thái-Phụ Quyển Tuế-phá Phi-Liêm Thiên-Hu	Tật 54 Mệnh-Chủ Vũ-khúc Thiên-tướng Văn-khúc Việt-Khoa Lâm Hi-Thần Kiếp-Sát Nguyệt-đức	Haynh 14 Tử-vi Dương Tiên-Hao Đầu-Quân Phúc-Đức Khôi Thiên-Đức Hồng-Loan Đào-Hoa	Mệnh 4 Ta-Phụ Hưu-Bát Thái Thiên-Long Điền-Khách Thương Qua-Tú	Phụ Phá-Quân Tuyệt Trực-Phúc Đa-La Lực-Si Linh-Tinh	Phúc Lộc-Tôn Bác-Si Mô An-Quang Thái-Tuế Địa-Kiếp Thiên-Khốc	Diễn Thiên-Phụ Liêm-Tinh Tu Bát-Tòa Quan-phủ Địa-giải Kinh-dương	Quan Thái-Am Bệnh Tang-Môn Phúc-Binh Cô-Thần	Di Tham-Lang Nô Thiên-Xương Phong-Cáo Thiên-Am Thiên-Hi Thiên-Thò Thiên-Sử Đại-hao Suy Ky Thiên-Hình Văn-Tinh Lưu-niên	Thìn Mao Dần Sư chi Mệnh. Đa tài đa năng Quan Ti Ta-Hữu đồng cung. Nhật Nguyệt Tinh minh Tả Cừ Trùng v Nghiêu điện. Cách Nam : Tân-Dậu Tháng : 4 Ngày : 10 Giờ : Tuất Sinh : Âm nam Mộc Mệnh Kim Từ Cục Hội	Múi Thân Dậu Tuất Ngô Ty	Tuân Cự-Môn Thiên-Đông Đê Quan-Phủ Binh-Phủ Hoa-Cái Địa-Không
---	---	---	--	--	--	---	---	---	---	--	---	--	--

Sinh tháng
An ở
cung

AN THÂN VÀ MỆNH

3 SAO

BỘ-BIỂU SỐ 1



Sao Thiên Sứ an ở cung Giải-Ach.
An sao Thiên-Tài: Gọi cung Mệnh là năm Ti tính từ giờ...

LẬP-CỤC VÀ NÁP-ÂM LÚC-GIÁP

B. SỐ 2 MỆNH

an ở cung



K
KIM
4
CỤC

T
THO
5
CỤC

M
MỘC
3
CỤC

H
Hỏa
6
CỤC

T
THỦY
2
CỤC

Sinh năm

Ti

Su

Dn

M.

Th

Ty

N.

Mu

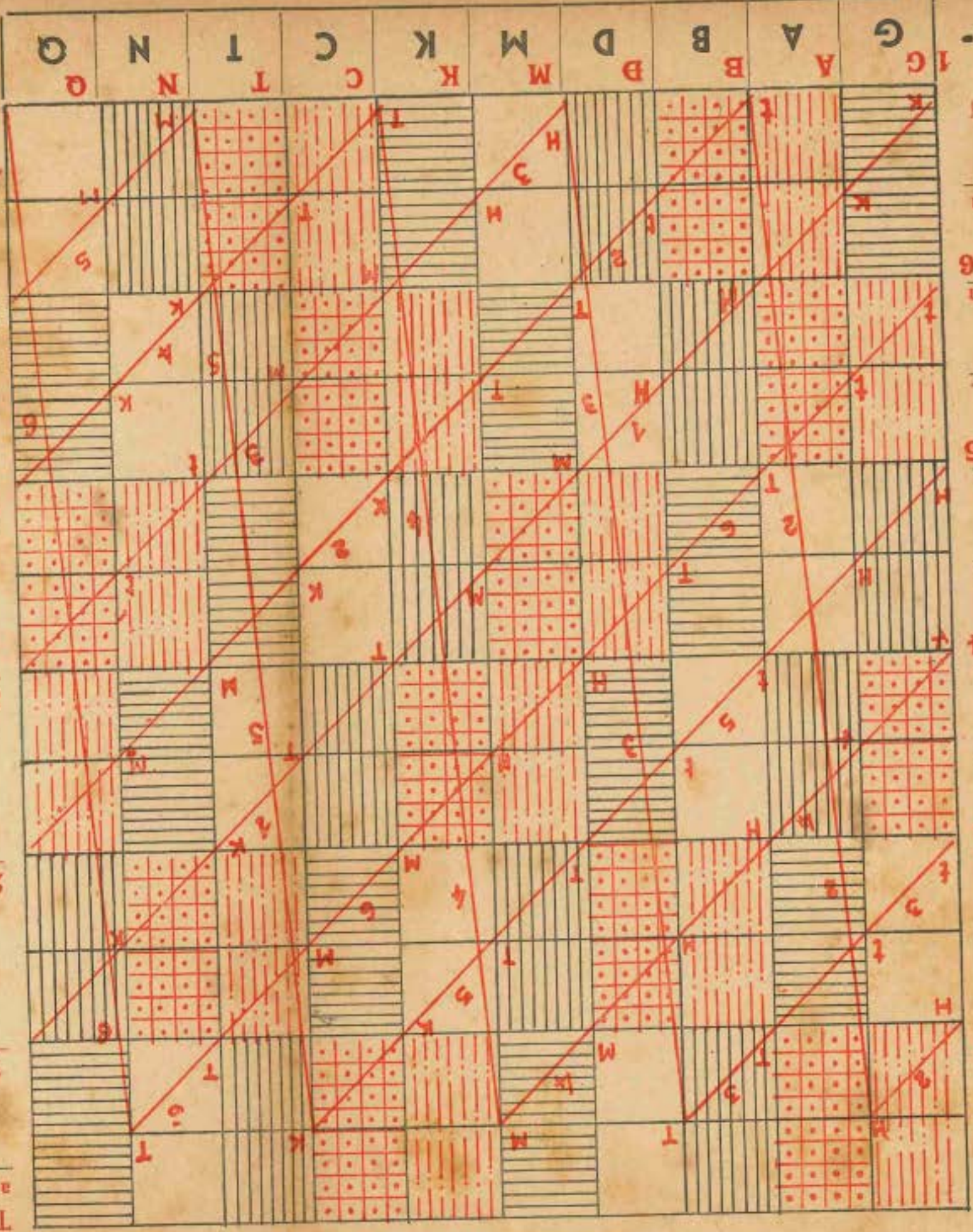
Tn

Du

Tu

H.

H.



6 - Ti - Sửu

5 - Dn - Mão

4 - Th - Tỵ

3 - Ng - Mùi

2 - Tn - Dậu

1 - Tu - Hợi

Tuần - Không an ở cung

S A O T U - V I A N O C U N G

Sinh ngày

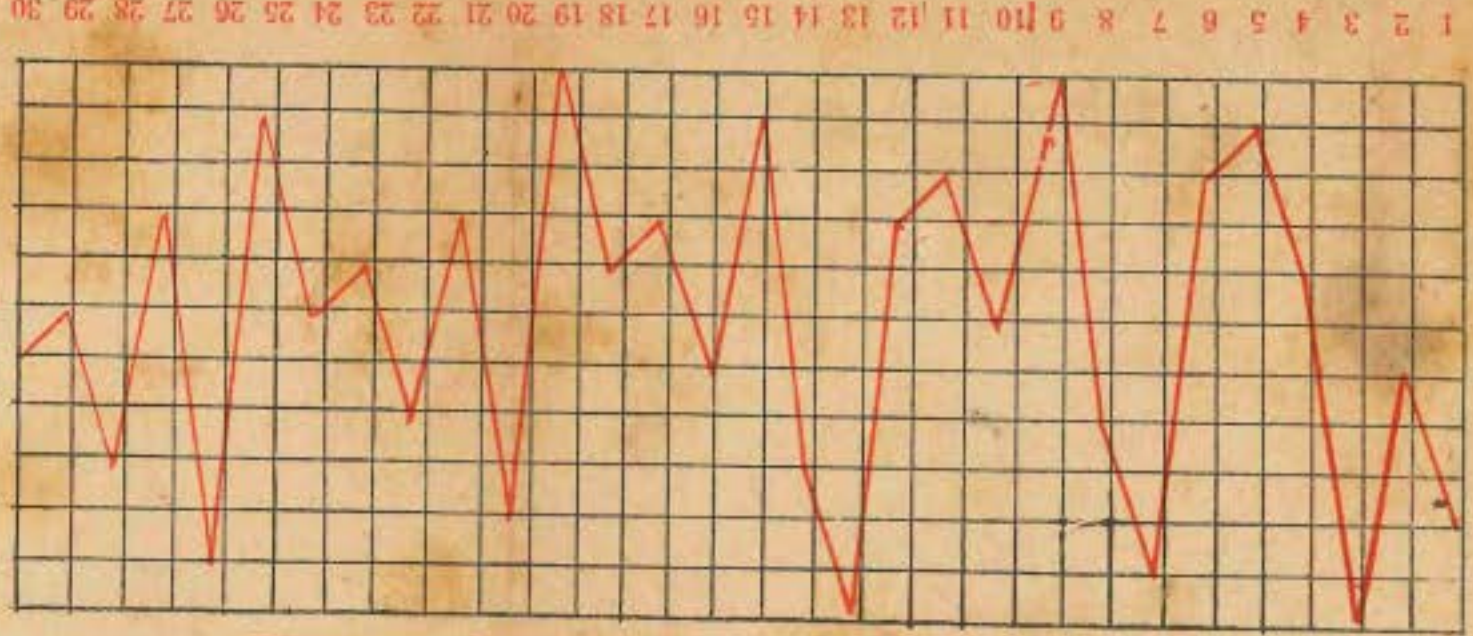
Ti S. Dn M. Th Ty N. M. Tn Du Tu H.

Ti S. Dn M. Th Ty N. M. Tn Du Tu H.

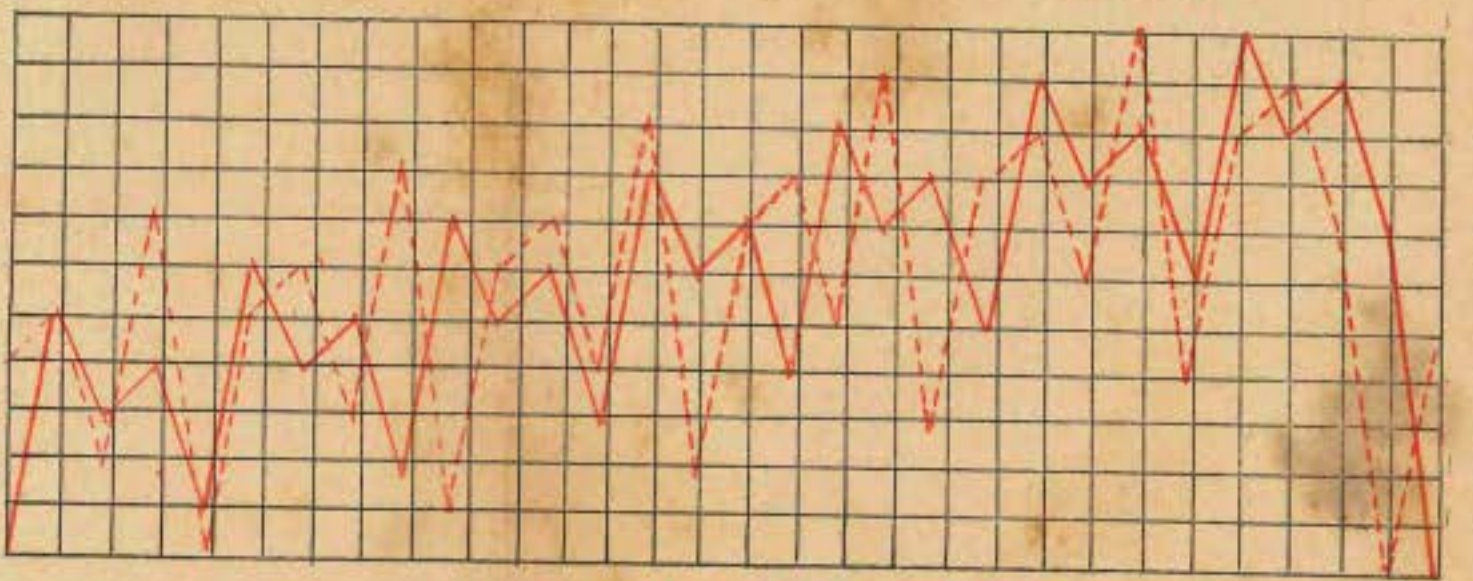
Ti S. Dn M. Th Ty N. M. Tn Du Tu H.

Sinh ngày

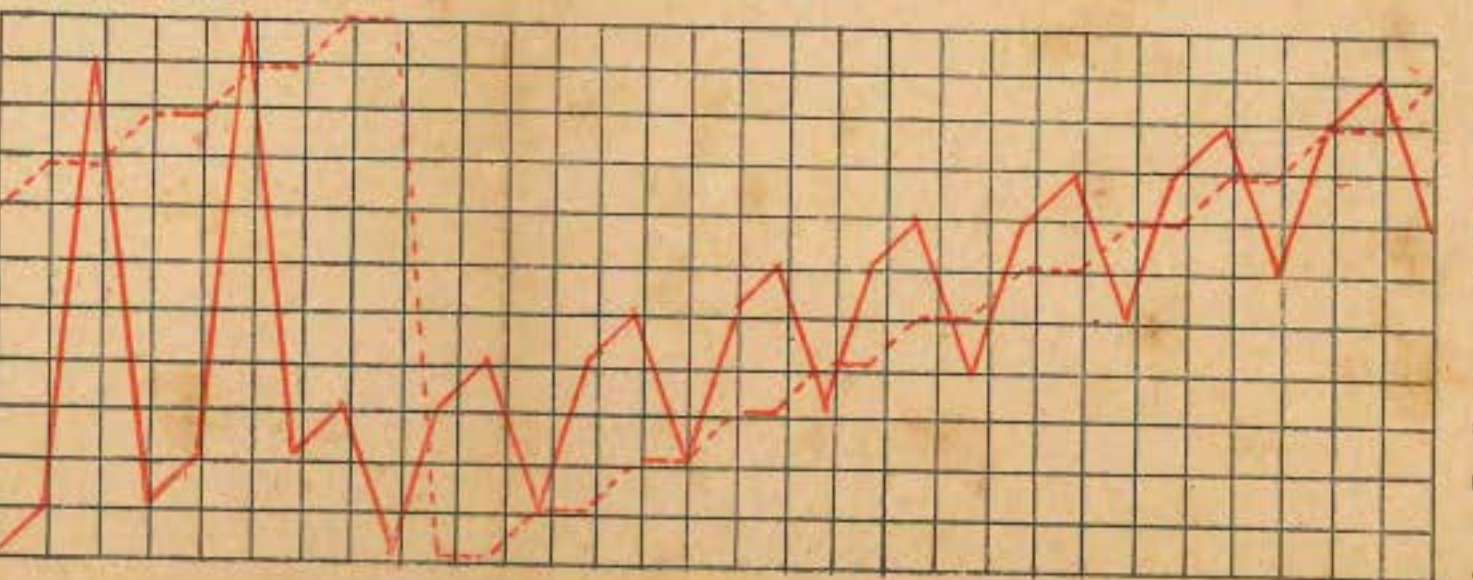
Hỏa Lục cục



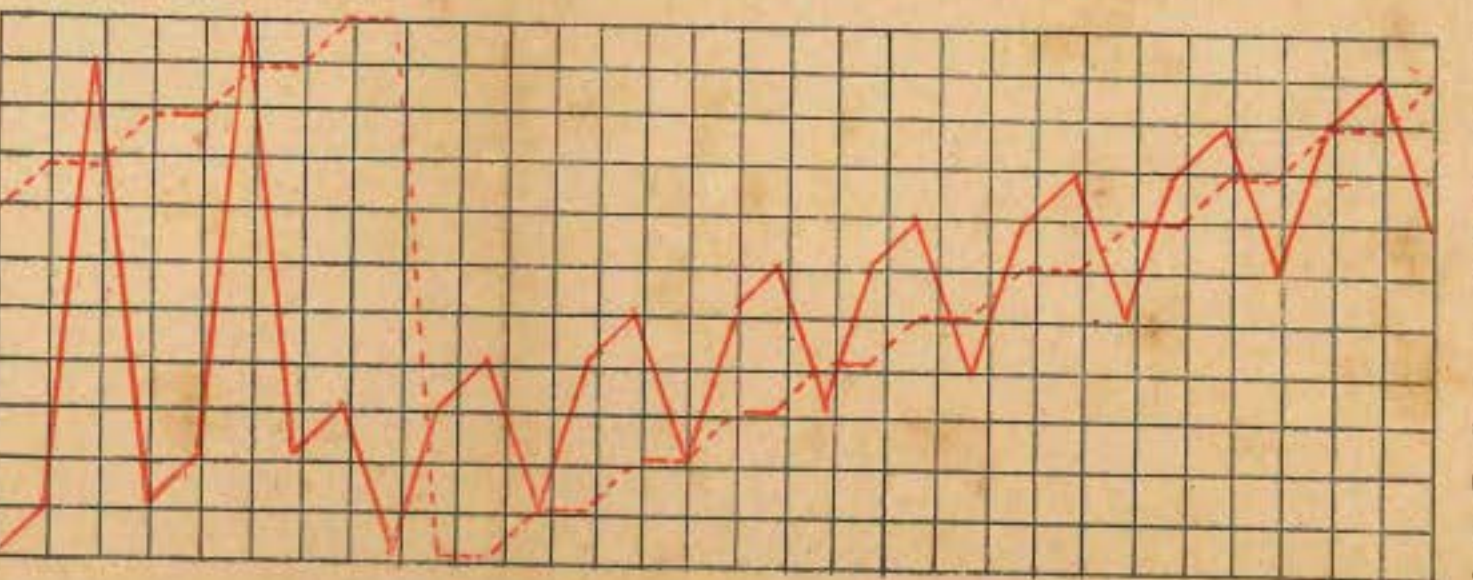
Kim Tũ cục



Thủy Nhị cục



Mộc Tam cục



Hỏa Lục cục

Trên cùng

H.

Ti Th.
Du Su
Tu Mu
Ma Mu
Du

Tu
Mu
N

Ty
Th

N. Tu
Du Su
M.

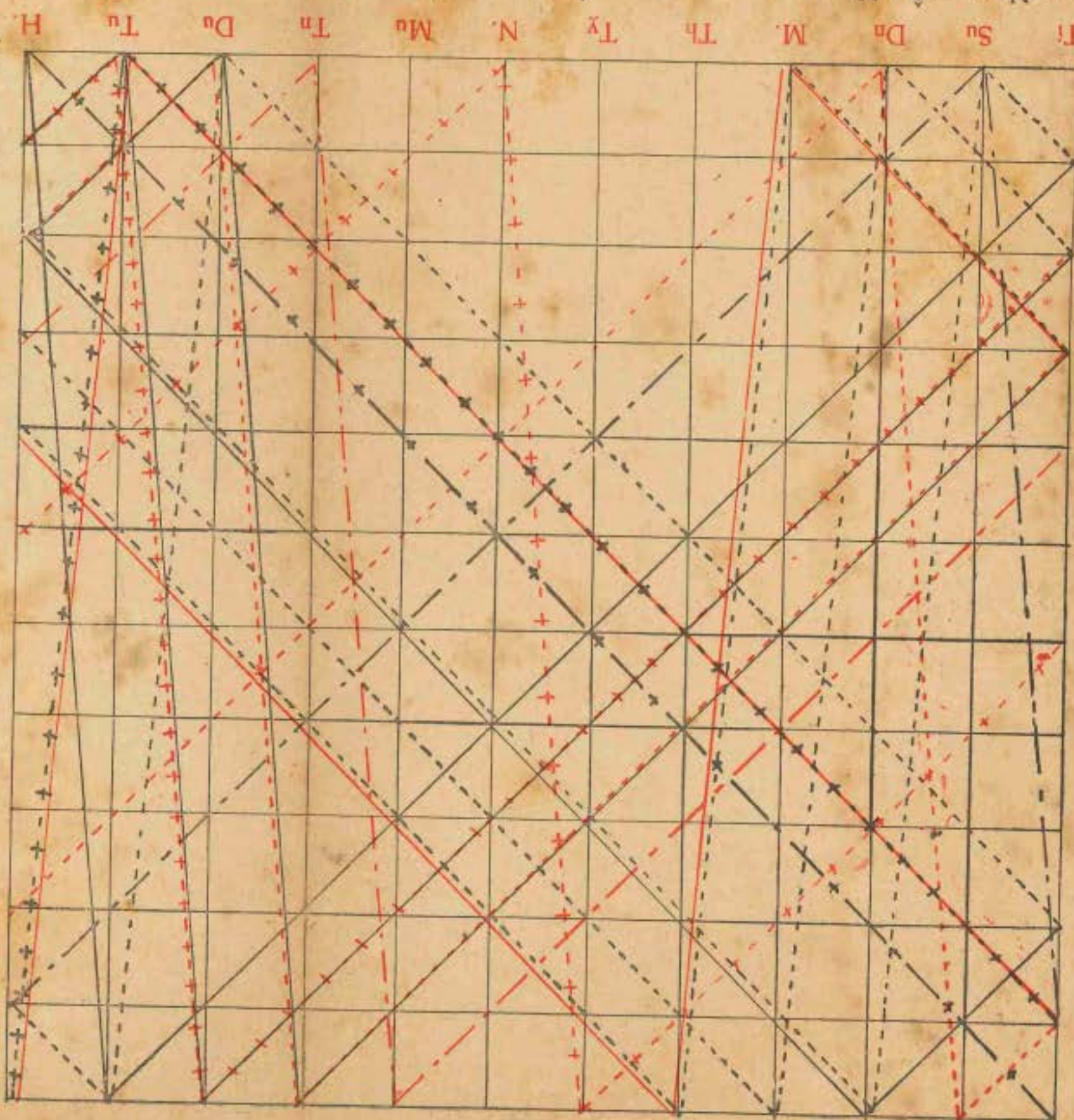
Ti Th
Du
S.

Ti

Sinh giờ :
Tinh :
Dương-Nam — Âm-Nữ theo

An sao An-Quang : Gọi cùng có sao Văn-Xương là 1 tinh Thuận đến ngày sinh lùi lại 1 cung
Thiên-Quí :
— Văn-Khúc
— Nghich

CÓ 10 SAO



Văn - Xương
Dĩ - Kiếp
Vân - Khúc
Thái - Phụ
Vân - Khúc
Phong - Cáo
Dĩ - Khổng

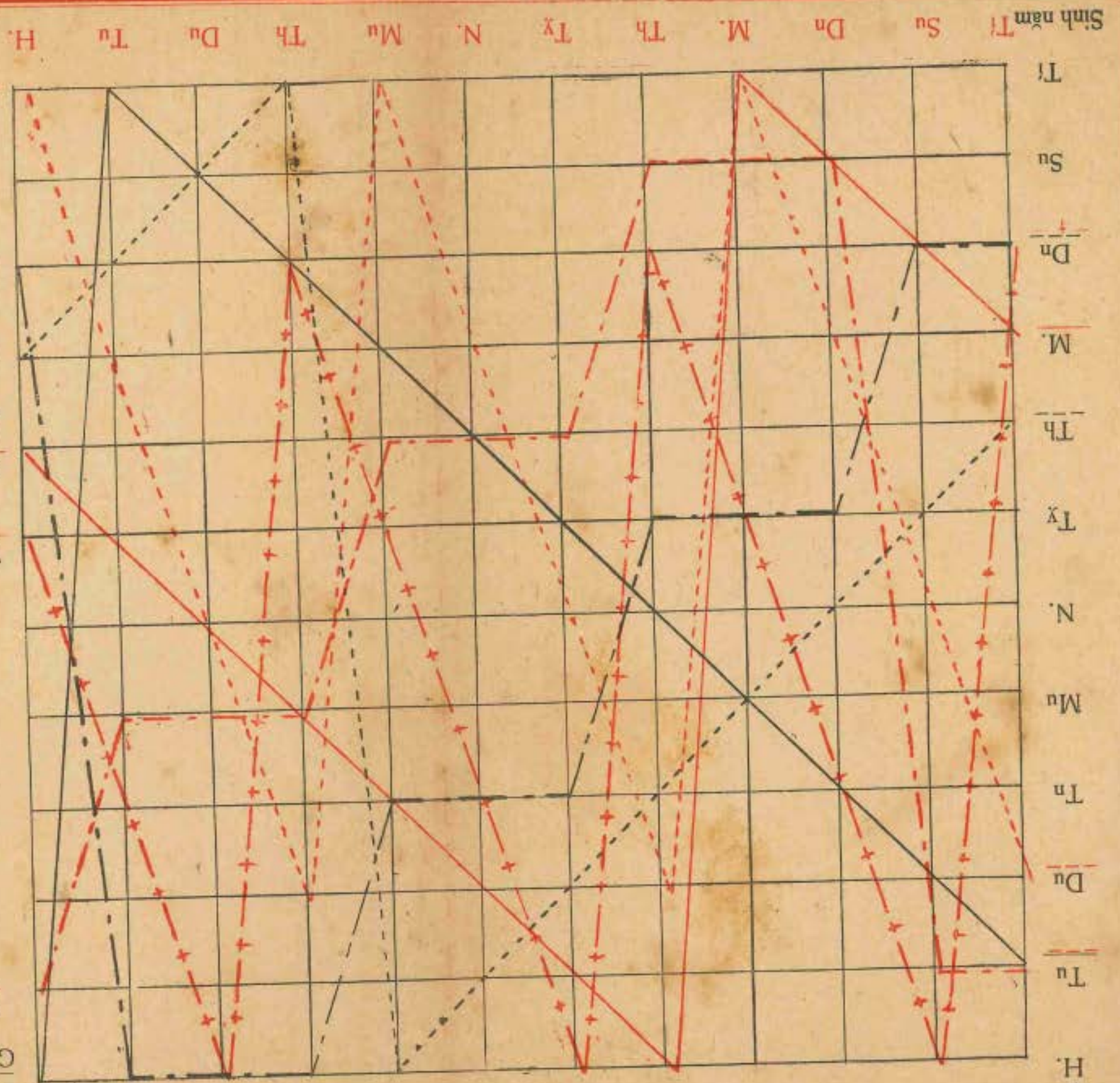
SAO

An ở cung

H.

BỘ-BIỂU SỐ 8

CÓ 9 SAO



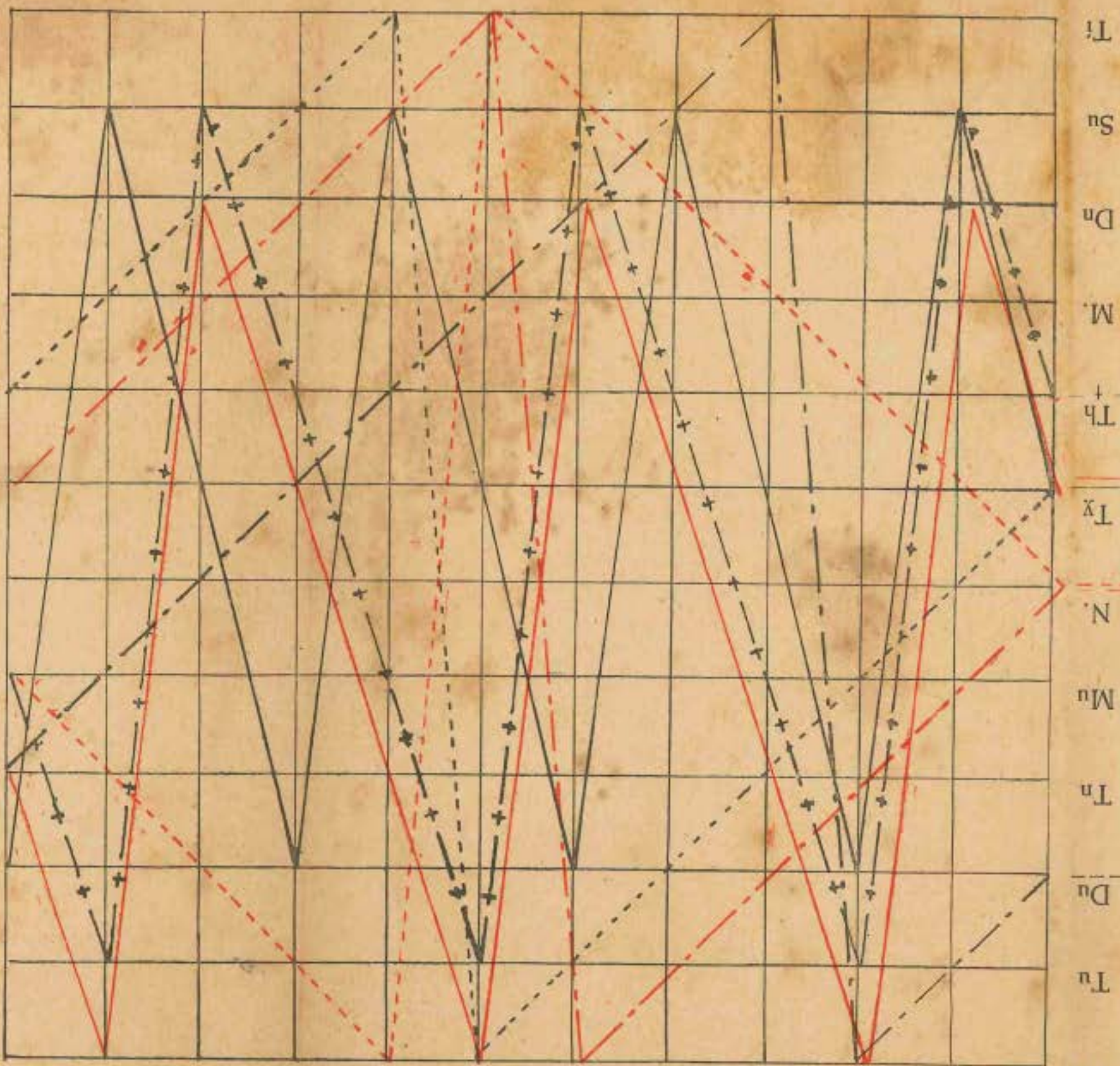
Sinh năm

ở cung H.

BỘ-BIỂU SỐ 8 bis

CÓ 7 SAO

SAO



Phá - T oái
Kiếp - Sái
Thiên - Đức
Hoa - C ái
Thiên Khóc
Thiên - Hu
Nguyệt - Đức

Ti năm Ti Su Dn M. Th Ty N Mu Tn Du Tu H.

BỘ-BIỂU SỐ 6

CÓ 12 SAO

SAO
Hữu - Bát

ở cung

H.

Tu

Du

Ta

Mu

N.

Ty

Th

M.

Du

Su

Ti

Sinh tháng

1

2

3

4

5

6

7

8

9

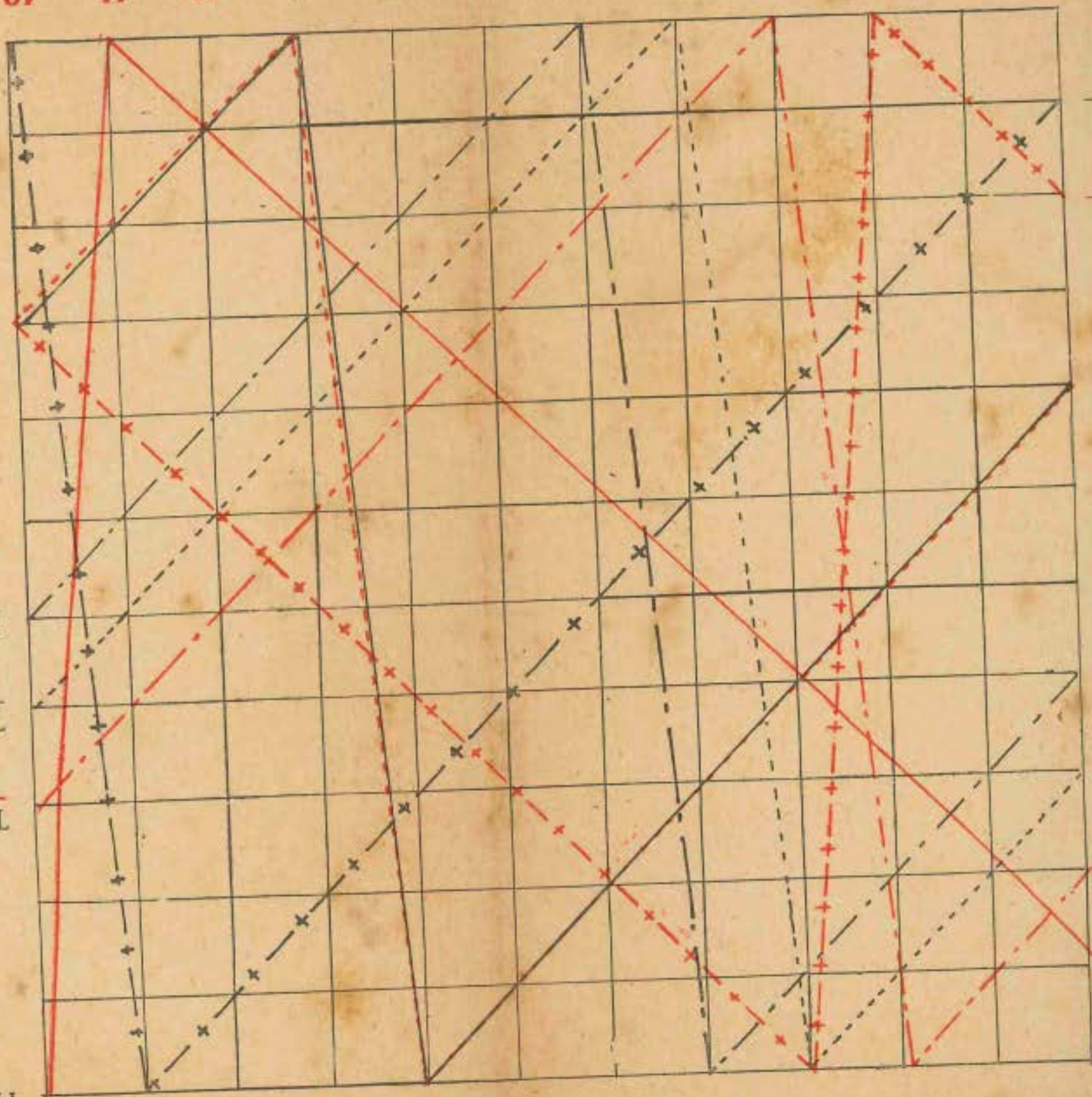
10

11

12

An Thái-Tuế : Người sinh năm nào thì an ở cung ấy. (coi Đồ-Biểu 4)
An Thiên-Không : An ở cung liền trước sao Thái-Tuế.
An Tam-Thai : Gợi cung sao Tả-Phụ là 1 tính thuận đến ngày sinh.

An Đầu-Quân : Gợi cung có sao Thái-Tuế là tháng 1, tính thuận đến tháng sinh thì an.



Th. - Diêu

Th. - Khô
Th. - Thương
Tả - Phụ

Th. Hình
Thiên-Giải
Địa-Giải

TỬ-VI Đẩu-Số ĐỒ-BIỂU

Sinh năm

G A B B M C K T N Q

Lộc-Tôn
Bắc-Sĩ

Kinh-Dương

Khôi
Lưu-Niên
Vân-Tinh

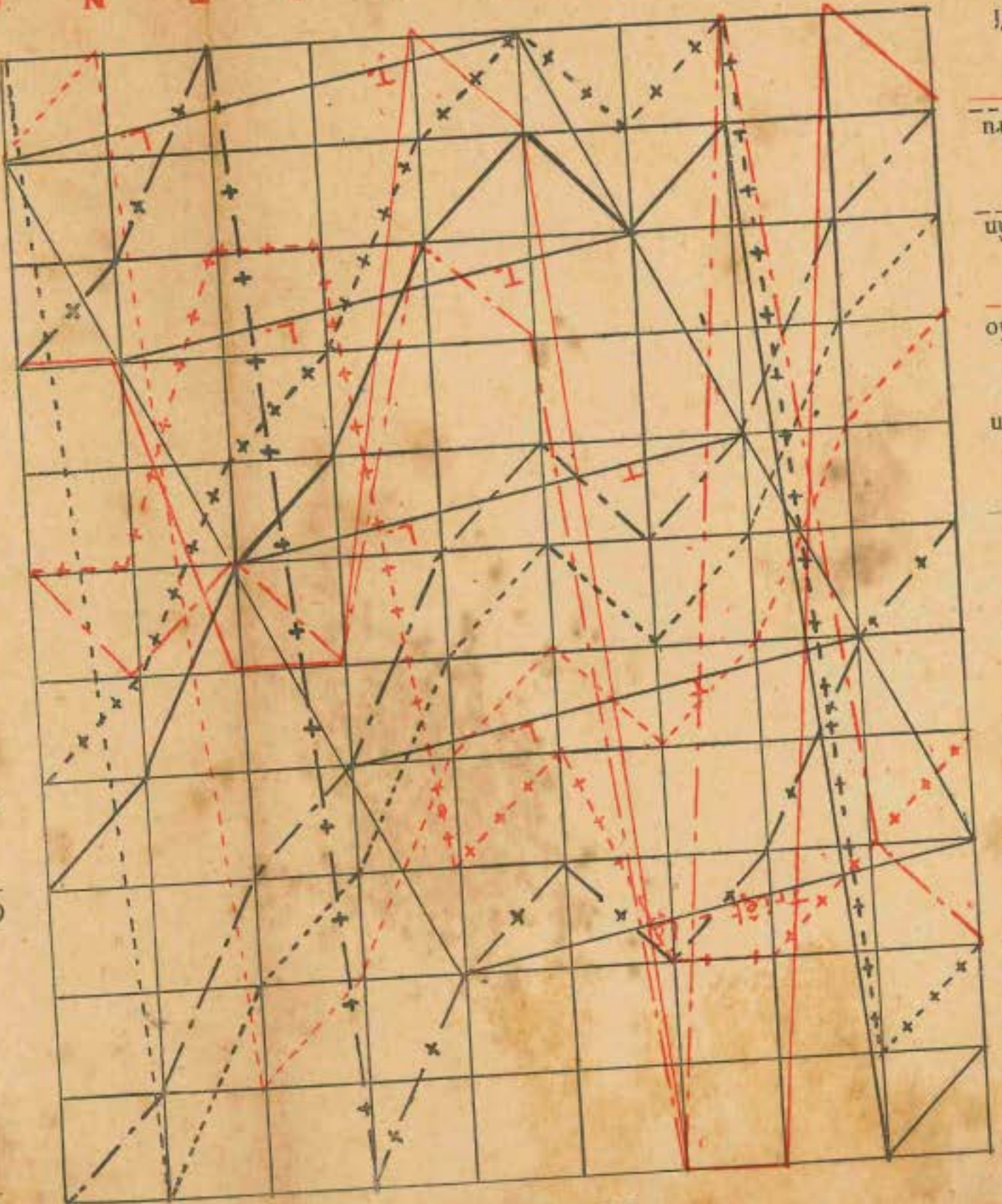
Quý-Nhân
Th-Việt

Dương-Phù

Quốc-Ấn

Bà-La

SAO



CÓ 10 SAO

ĐỒ-BIỂU SỐ 7

An ở cung
Hợi